

ÂM NHẠC ĐẠI ĐẠO



Tây-ninh Thánh-địa, mùa hoa Đạo nở
Năm Ất-Mão (1975) In và phổ biến tháng 5-2008
Nữ Soạn-giả

NGUYÊN-THUÝ

禮以地塵明定人間尊秩序

樂由天作宣通世介主調和

LỄ dĩ địa tràn minh định nhơn gian tôn trật tự

NHẠC do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ điều hòa

(Hai Câu liền đặt trước cồng Bộ nhạc trung ương Toà-Thánh)

Nói về LỄ NHẠC đã minhđịnh tôn chỉ và lập trường đến một mức độ thật quan trọng vô cùng:

- LỄ xuất phát từ nơi cõi tràn này để làm sáng tỏ đức độ của con người phải biết tôn trọng sự trật tự, lớn nhỏ phân minh

- NHẠC do thiên nhiên tác động để truyền bá rộng rãi khắp toàn cầu với mục đích duy nhất là sự điều hòa

Ngày nay Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài lấy NHO TÔNG chuyển thể mà Đạo Nho lấy LỄ NHẠC làm trọng LỄ NHẠC Là HỒN Đạo phải được xem là yêu trọng vậy.

THAY LỜI TỰA

Ngài Bảo-Văn Pháp-Quân nói về Lễ Nhạc:

Năm Đinh-Mão (1927) Ngài Cao Quỳnh Diêu thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân, có phật sự sắp đặt Lễ nghi và Âm nhạc trong việc cúng tế trong Đạo.

Đầu năm 1929, Ngài Tiếp -Lễ Nhạc-Quân Cao Quỳnh Diêu vâng lệnh Hội-Thánh, đặt ra 3 Bài Dâng Tam Bửu (Dâng Hoa, Dâng Rượu, Dâng Trà), có dâng lên Bát Nương Diêu-Trì-Cung giáng cơ chính văn lại, để thay thế 3 bài Dâng Tam Bu cũ đã dùng lúc mới mở Đạo . Đồng thời Ngài cũng vâng lệnh Đức Hộ Pháp viết bài Tân tụng công đức Diêu-Trì Kim-Mẫu.

Năm này, trong lúc Ngài Cao-Quỳnh-Diêu cònở phẩm Tiếp-Lễ Nhạc-Quân, Ngài viết quyển “NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN & TIỀU ĐÀN” với mục đích chỉnh đốn Lễ Nhạc trong các Đàn Cúng Vía Đức Chí-Tôn và các Đẳng Thiêng liêng cho đúng theo qui cáclốt t đẹp, đạt được sự trang nghiêm để áp dụng thống nhứt trong Đạo Cao-Đài, dâng lên Đức Hộ Pháp duyệt xét rồi chuyển qua Hội Thánh.

Hội-Thánh xem xét ành ý và Đức Quyền Giáo Tông ban hành, kể từ ngày 17 -6 Canh-Ngọ (dl 12-7-1930) áp dụng thống nhứt cho tất cả các Thánh-Thất.

Trong quyển “Nghi Tiết Đại Đàn & Tiểu Đàn” này, Ngài Tiếp -Lễ Nhạc-Quân Cao Quỳnh Diêu hiệu là Mỹ Ngọc, có viết *Lời tựa* như vầy:

“*LỄ* là một việc rất trọng hệ, vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày ra trước mặt người.

Chư Đạo-hữu cần phải để công xem sóc nhắc nhớ nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành Lễ cho trang hoàng, hào túc lòng thành kính của mình cùng Đức Chí

Âm-nhạc Đại-Đạo

Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thân, lại cũng là một phương châm về đường Phổ-độ nữa. Mỗi khi chúng ta hành Lễ, thì người ngoại Đạo săn ý xem vào mà phân biệt Tà Chánh một ít của nền Đạo trong đó, vì Đạo là việc nhiệm màu huyền bí rất sâu xa, người ngoài nào thấu đặng? Duy có chăm nom cách ẩn chỉ của chúng ta trọng kinh các Đáng thé nào, thì đủ cho người vẽ ảnh Đạo ra thé này mà thôi.

NHẠC cũng là một việc cần yếu, vì là phương làm cho đậm ám tao nhã cốt để dùu dần giúp cho thành Lễ ra vẻ long trọng, vì đã che lấp các việc xao động trong con hành Lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đáng, dưới là làm cho chúng ta, vì nghe đặng cái giọng tao nhã, n吕布 khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trỗi mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên băng cái mỏi mệt trong con hành Lễ hoặc có khoán vì cái thức phù ba của giọng đòn mà làm cho ta yên tĩnh, mới có thể thiền tâm vọng cầu các Đáng cho thấu đáo.

Có câu phương ngôn *uka* bậc hiền triết miền Âu châu rằng: “La musique adoucit les moeurs” dì có nói Nếu muốn biết sự tân hóa của một sắc dân, sau sẽ trở nên thế nào, thì duy có xem trong *nâtnv* -chương và nghe giọng Nhạc của sắc dân ấy cũng đủ hiểu trước.

Huống chi Đáng Chí-Tôn ra công khố *nộc* khai sáng cho ta nột nền Đại -Đạo như vậy, lại dùu dần ta từ bước, mà ta lại chẳng để hết tâm chí chân-chỉnh nghè Nhạc cho hoàn toàn hâu gìn giữ đường tân hóa cho nền Đạo sao ?

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 20-4-Kỷ Tỵ (1929)
Tiếp Lễ Nhạc Quân Mỹ Ngọc

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Ngài Cao Quỳnh Diêu được thăng phẩm Bảo Văn Pháp Quân chánh vị đặng chính đón Lễ Nhạc cho hoàn toàn, cho tới ngày thành Đạo.

CHƯƠNG I TINH THẦN NHẠC ĐẠI-ĐẠO

1-THÁNH-LỊNH cho CHÚC SẮC BỘ NHẠC

(Đức Hộ Pháp đã để lời phô hóa trong cuộc phát THÁNH-LỊNH cho CHÚC SẮC BỘ NHẠC đi hành Đạo Nam, Trung, Bắc và Kiêm-Biên Tông đạo ngày 18-7 Quý Ty - 1953.)

Đức Hộ Pháp Thuyết:

*Thưa cùng Chư Ý cầm quyền
các Cơ Quan Chánh Trị Đạo.*

*Hôm nay Bần -Đạo đến dự lễ
này trọng yếu để mừng cho cả
Chức sắc Bộ Nhạc lãnh sứ mang
chỉnh đón cả Lê-Nhạc y theo chon
truyền của Đạo.*



Các Em, mấy đứa nhỏ, Thầy
lấy làm vui mừng thấy cả tâm đạo của
mấy Em biết chọn một con đường lập thân danh khéo léo.
Qua thường nói với mấy em rằng: Nếu một nền Tôn-giáo
mà không có LỄ, không có NHẠC thì cả cái mỹ pháp của
nó, dẫu Thể Pháp, Bí Pháp cũng vậy, chẳng hé khi nào
đặng tốt đẹp hoàn mỹ.

Qua có gặng cho mấy em biết, vì có nào Nhạc là
LỄ, mấy em biết khuôn khổ của Nhạc do tinh thần xuất
hiện, Qua chỉ rõ một bằng chứng, dẫu cho cả thầy mấy em
trong Nhạc-Sĩ cho tới chức lớn của Bộ Nhạc là Tiệp Lễ
Nhạc Quân, mấy em cầm một cây đòn mà đòn thì không
có đứa nào giống đứa nào hết, bởi cả tinh thần ra trong
ngón đòn của mấy em, đó là cá nhân của mấy em đó vậy.

Áy vậy, Nhạc nó sản xuất trong tinh thần, mà tinh
thần là gì? Tinh thần mới thiệt là Đạo.

Tại sao Nhạc là LỄ?

LÊ ngoài đời mây em ngó thấy một bằng cớ hiển nhiên, là khi mây em đòn hòa cùng nhau, tuy ngón đòn của mây em mỗi đứa đều khác, hay dở đặc biệt mỗi đứa đều không giống nhau, nhưng mà cái nhịp trường canh mây Em phải theo nó mà thôi, nếu không từng nó thì mây Em chẳng hề khi nào hòa NHẠC cùng kẻ khác được.

Áy vậy trong khuôn khổ HÒA với nhau, áy là LỄ.

Vì có cho nên Qua giảng tiếp cho mây Em hiểu, LỄ NHẠC do âm thính đó vậy.

Ngô nghĩnh thay! Giờ phút này Qua cho mây Em biết, chỉ có dân tộc Việt-Nam về văn hóa Nho-Tông của chúng ta mới cóặng một cái NHẠC là đều do noi âm thính và đều Qua đương nói với mây Em, cái kinh dinh của các sắc dân trên mặt đất cầu này, cả các quốc dân xã hội đều nhận điều đó. Nước Trung Hoa hay các sắc dân chịu ảnh hưởng cái văn minh tối cổ của Nho-Tông chúng ta mới có NHẠC, âm thính áy là LỄ.

Bằng cớ hiển nhiên, chính Qua đọc một tờ nghị luận tại noi Liên-Hiệp-Quốc, họ luận rằng: Nếu cả thảy các dân tộc noi mặt đất cầu này màặng gìn giữ cho còn LỄ cũng như nước Tàu đã được LỄ tối cổ của họ, cả những điều nghịch hẳn cùng nhau, khởi hấn cùng nhau giữa hội nghị của Liên Hiệp Quốc chẳng hề khi nào xảy ra, nếu có xảy ra là tại họ vô lễ cùng nhau mà chớ!

Do noi vô lễ áy mà nhơn loại chịu thống khổ hai phen Đại-chiến hoàn cầu. Mây Em nghĩ, họ vô lễ cùng nhau cho đến nước họ đập bàn ghé ra khỏi Hội-nghị của Quốc-tế là tại họ thiêu LỄ, mà LỄ là NHẠC. Qua lấy một bằng cớ rõ ràng, người Pháp đã nói: “La Musique Adoucit les Moeurs”.

NHẠC làm cho phong hóa luân lý tốt đẹp dịu dàng,

mà không phải một mình nước Pháp mà thôi, cả các liệt quốc Âu Châu đều cũng nói.

Áy vậy, giờ phút này Qua ký Thánh Linh cho mấy Em đi các nơi, át yêu đặng mấy Em đem cái ngôn ngữ điều hòa, lấy một ống tiêu mà Trương-Lương đã làm cho tan vỡ một đạo binh hùng tráng của Hạng Võ, đánh tan nát cơ nghiệp của Sở, thâu đạt cơ nghiệp áy đem lại cho nhà Hán duy có ống tiêu Trương-Lương mà thôi.

Giờ phút này Qua giao cho mấy Em một sứ mạng làm sao cho thiên hạ nghe ống tiêu Thiêng Liêng của mấy Em đặng tinh thần nòi giọng mấy Em đứng dậy định tương lai vinh-quang cho mình với cái giọng ngọt dịu của mấy Em, làm cho thiên hạ thức tỉnh, diệt tiêu bớt hung hăng bạo ngược, trái lại đem đến một con đường hòa hưởn, cao quý, tốt đẹp, êm dịu, đem lại cái đạo đức tinh thần chiến thắng để cứu vãn sanh mạng loài người.

Bởi giờ phút này họ đang đi đến con đường diệt vong mà chó”.



2-Bài Huấn Dụ của Đức Thượng Sanh về NHẠC

BÀI HUẤN DỤ của Đức Thượng Sanh đọc trong buổi Lễ Bổ nhiệm Chức sắc và nhơn viên Bộ Nhạc Trung Ương Tòa Thánh Tây Ninh. Ngày 29-6-Canh Tý (dl 24-5-1960).

Kính thưa chư Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng, chư Đạo hữu.

Hôm nay, Hội Thánh Hiệp Thiên-Dài lấy làm hài lòng đến chứng kiến Ban Cai Quản Bộ Nhạc Trung ương nhơn dịp ống Tiết Lễ Nhạc Quân ban hành Huấn Linh của Hội Thánh giao phó trách nhiệm cho mỗi chức phẩm và nhơn viên của Ban này.

Riêng tôi, tôi lấy làm vui và mãn nguyện được thấy một sự tiến bộ khả quan và tôi hy vọng vị Tiệp Lễ Nhạc Quân và Chức sắc cùng nhơn viên của Bộ Nhạc, cũng như Bộ Lễ, sẽ tận tâm chung sức nhau để trau giồi và nâng cao nền LỄ NHẠC của Hội Thánh về hình thức cũng như về tinh thần.

Mỗi Chức sắc và mỗi vị đều rõ biết, LỄ NHẠC là rất quan hệ và trọng yếu cho đời và cho con người, cũng chẳng khác chi món ăn và thức mặc vậy. Các Đấng Thánh nhân thời cổ tìm cái căn nguyên cao xa và tôn quý của LỄ NHẠC ở trong đạo tự nhiên của Trời Đất và cho rằng: LỄ là cái trật tự của Trời Đất, NHẠC là cái điều hòa của Trời Đất.

Võ trụ nhờ có LỄ NHẠC mà tồn tại, vạn vật trong Trời Đất nhờ có LỄ NHẠC mới có trật tự phân minh, thời tiết thuận lợi, Âm Dương luân chuyển, khí tính điều hòa mà giúp cho cơ sanh hóa.

Nói cách khác, LỄ NHẠC của Trời Đất tức là cách sắp đặt của Đấng Tao hóa, làm cho vạn vật được có vị trí phân minh không sai đường, không đổi hướng: hết Xuân qua Hạ, Thu mãn kế Đông về, mưa nắng tùy theo mùa, gió sương tùy theo tiết, hết ngày tối đêm, hết tối tối sáng, nhứt nguyệt tuần tự chuyển luân, phân phối Âm Dương điều hòa, ấm lạnh thế nào cho cỏ cây được sờn sơ, mùa màng được kết quả.

Cơ quan sanh hóa của người và vật nhờ đó mà tồn tại và tiếp diễn mãi. Cái trật tự và cái điều hòa làm cho vạn vật sanh tồn. Đó tức là LỄ NHẠC của Trời Đất vậy.

Thánh nhơn mới nhơn đó ché ra LỄ NHẠC để làm căn bản trong sự dạy người và trị thiêng hạ, khiến người ta cư xử hành động sao cho hợp Nhơn đạo, tức là hợp với Thiên lý.

Vì lẽ đó, đối với các bậc Đế Vương đời trước, LỄ và NHẠC có cái địa vị rất là trọng yếu về đường chánh trị. “LỄ tiết dân tâm, NHẠC hòa dân thịnh”, là dùng Lễ để tiết chế lòng dân, dùng Nhạc để hòa thanh âm của dân.

Cái hay của LỄ là làm cho có sự cung kính, giữ trật tự phân minh. Cái hay của NHẠC là tạo sự điều hòa khiếu cho tâm tánh tao nhã. Nhạc và LỄ phải dung hòa với nhau thì mới được hoàn toàn, vì nếu có LỄ mà không có NHẠC thì người ta đối xử với nhau phân biệt, mất tình thân ái; còn có NHẠC mà không có LỄ thì thành ra thiếu trật tự, khinh lòn nhau.

Vậy có LỄ tức phải có NHẠC để kèm ché nhau cho có điều hòa và phân biệt.

Đức Khổng-Tử tin sự dùng Lễ Nhạc có công hiệu rất lớn, nên Ngài nói rằng: “Quân tử minh ư Lễ Nhạc, cùn nhi thố chi nhi dĩ” có nghĩa là: người quân tử biết rõ Lễ Nhạc, chỉ đem thi thoả ra là đủ. Vì Lễ thì khiếu sự hành vi bên ngoài, Nhạc thì khiếu tâm tình bên trong. Cái cực điểm của Nhạc là hòa, cái cực điểm của Lễ là thuận. Nếu bên trong mà tính tình không điều hòa, bên ngoài sự hành vi thuận hợp nghĩa lý, thì cái tà tâm vọng niệm thé nào còn chen vào được lòng người ta nữa.

Trái lại, nếu Lễ mà không kính, Nhạc mà không hòa, thì đâu bέ ngoài có giữ đủ các lề lối thì cũng không có ích lợi cho sự tiến hóa của con người.

Lập nền Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ lúc ban sơ, Đức Chí-Tôn lấy Lễ Nhạc làm gốc. Đức Chí Tôn chỉ dạy từ bước chọn đi LỄ phải thế nào, cho tới hòa táu những bản Nhạc nào mà thường nhắc nhở Chúc sắc nếu Cúng Đàn mà Lễ Nhạc không êm thì cần để cho tà quái xung nhập, chử các Đấng thiêng liêng không chứng.

Vậy các Chúc sắc và nhơn viên trong Bộ Nhạc

cũng như Bộ Lễ, nên hết lòng sắng với nhiệm vụ, gắng lo trau gồi nghệ thuật cho tới chỗ tận thiện tận mỹ, để nâng cao tinh thần của nền Đạo.

Nơi một Đàn cúng mà Lễ Nhạc được trang nghiêm thì Đàn cúng được bao trùm, có thể nói là một bâu quang tuyến thiêng liêng huyền diệu, khiến cho chúng ta tưởng tượng là có Đức Chí Tôn và các Đáng Tiên Phật giáng đàn để chứng kiến lòng thành của chúng ta và ban ơn cho chúng ta.

Trái lại, nếu LỄ không nghiêm, NHẠC không hòa, thì Đàn cúng dường như có cái tâm trạng hỗn loạn, nô đùa, khiến người qui cúng có cái tâm trạng xao xuyến, bần thần, bất mãn. Lập Đàn cúng như vậy, chúng ta chẳng những thất lễ mà còn đắc tội với Đức Chí Tôn.

Ngoài ra, có người ngoài hay người của các Tôn giáo khác dự kiến, chúng ta lại làm hạ phẩm giá nền Đại Đạo, đó là chúng ta chất thêm tội lỗi nữa.

Thành thử, nhiệm vụ của Chức sắc và nhơn viên Bộ Nhạc cũng như Bộ Lễ lấy làm quan trọng và công quả của mấy vị đối với Đức Chí-Tôn là một công quả cao quý, chẳng phải tầm thường.

Đức Chí-Tôn có nói và tôi ưng thường nhắc nhớ chur Đạo hữu về mặt Đạo, không có công quả nào cao, công quả nào thấp. Kẻ chịu lao tâm, người chịu lao lực, lao tâm hay lao lực đều hướng về một mục tiêu là giúp ích cho Đạo, làm nên cho Đạo. Thé thì sự phục vụ đâu về phương diện nào và dưới hình thức nào, đều có cái giá trị Thiêng liêng duy nhất của nó. Cao hay là thấp là do nơi cái tâm của ta, do nơi có sự thành thật hay không mà thôi.

Áy vậy, hướng về tiền đồ đại nghiệp của Đạo, tôi xin toàn thể Chức sắc và nhơn viên Bộ Nhạc và Bộ Lễ lấy hết chí thành thi hành phận sự đặc lực để phục vụ Đức Chí

Tôn và phụng sự cho nền Chánh giáo, hầu ngày sau để tên tuổi noi sứ Đạo và lập vị xứng đáng ngày công viên quả mãn.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 4 Canh Tý (dl 24-5-1960).

THU QNG SANH
CAO HOÀI SANG



3- LỜI ĐIỀU TRÀN:

Ngài Bảo-Văn Pháp-Quân Cao Quỳnh Diêu có viết LỜI ĐIỀU TRÀN để dạy các học sinh học Nhạc Lễ nơi Lễ Nhạc Đường vào năm Nhâm Thìn (1952) như sau đây:

Yếu lý thuộc về Giáo khoa Lễ Nhạc hầu thành lập Chương tình để un đúc tinh thần cho học sinh, tượng trưng phép điều hòa noi cửa Đại Đạo.

NHẠC: vốn là một Đạo pháp rất thâm u, đã có trước buổi Khai Thiên, vẫn là một từ khí thông công với luồng điện-thoại truyền tẩu khắp Càn Khôn chiêu tụ chon hồn cả vạn vật.

Khi thành lập các địa giới, biến sanh đủ muôn loài, rồi thì vạn linh háp thụ lấy năm âm của thirc nhạc mà tỏ vẻ Hỉ, Nô, Ái, Ố, Ai, Dục riêng của mỗi loại. Nhưng do theo luật công bình thiêng liêng thì buổi sơ sanh của vạn loại cả thảy đều tự khởi với cái giọng đót-dát thô-bĩ. Chừng tìm hiểu được cái lẽ nhiệm màu của Trời Đất, nhon loại mới lần hồi trau luyện sửa đổi cho ra thanh tao trong giọng nói, giúp thêm tinh vi cho khuôn lễ, tiến hóa cho đến khi phù hợp tánh cách thiên nhiên với nhau mới có công hưởng phép điều hòa, mà xây dựng nền phong hóa riêng của mỗi quốc dân; hồn nước do nơi đó mà phân định cao thấp. Ấy là Đạo pháp để gầy nên cơ hiệp chủng y theo triết lý của Lễ Nhạc đã cạn giải.

Nguồn cội của phép điều hòa đã tìm được mà tin dùng vẫn từ buổi cổ thời do noi Đức Hiên Viên Huỳnh Đế. Khi Ngài ngự ché ra Lê Nhạc, Ngài để ý nghe thấy sự hỗn hợp của Bát hồn: Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, Ty, Trúc, tuy là khác gống nhau mà có thể tỏ ra vẻ hòa âm. Từ ấy, Ngài cứ bình tâm định trí để tìm hiểu lẽ nhiệm màu của luật thiên nhiên. Chừng rõ thấu cơ màu của Trời Đất, Ngài mới tùy noi hình thể của thức hồ cầm (tục gọi là đòn ty bà) có vẻ trạng thái Thiên triều: đôi bên tả hữu có dây văn dây vĩ, trên có Tr Thiêng Vương, dưới có Thập Điện Quân. Ngài nương theo kíu mẫu áy gây nên quốc vận, như Ngài đã thành lập một quốc gia.

Về nội dung: noi trreu đình có văn biền để bình chánh, noi biên cương có òa bị để ngừa loạn , xây dựng nên một quốc thể đủ vẻ nghiêm trang, thuần túy.

Về ngoại dung: Ngài đào qđp nên tổng, làng, hương đảng có đủ tánh tình ôn hậu để giáo hóa lê dân với tư cách điều hòa. Toàn trong nước, cả quan dân đều cộng hưởng thái bình, thành thủ trong buổi nọ, nhờ noi đó mà Kinh Lẽ và Kinh Nhạc xuất hiện, mà hẽ hai bộ Kinh Lẽ và Kinh Nhạc được ra mặt dùi đót là Nho-Tông đã sáng lập.

Tiếp theo là phép an dân của Đức Hiên Viên Huỳnh Đế, về sau có vua Nghiêu vua Thuấn là hai bậc Thánh Đế đều noi theo gương áy mà làm cho cuộc thế rất nên điều hòa, cả lê thú thấy đều được an cư lạc nghiệp. Từ ấy đến nay, thời gian đã trải qua trên bốn ngàn năm mà nhơn vật trong thế kỷ 20 này vẫn còn để tâm hoài vọng cho thời cơ điều hòa của phép Lê Nhạc buổi nọ được tái vãng.

Như thế thì buổi hiện thời, trong hàng trí giả còn có ai là chẳng biết rằng LÊ NHẠC vốn là hai quan điểm đặc sắc để khởi dẫn bước đầu tiên cho nhơn loại, làn hồi gây

mối cảm tình nhau mà đoạt được phép điều hòa, nhứt là trong buổi loạn lạc này, cả nhơn loại toàn cầu đều chịu thống khổ nguy nan, còn có chi hay để cải sửa cơ đời cho bằng phép ấy. Các Đáng thiêng liêng hay gọi nhắc chúng ta nên dùng pháp mầu của Nho-Tông để chuyễn thé là bởi đó.

Luận giải đường áy thì chúng ta đã rõ thấy rằng: nét hưng vong của một quốc vận, nhục vinh của một chủng tộc, suy thạnh của một gia đình, nên hư của một cá nhân, cuộc cờ đời biến đổi trở day đều do nơi đó cả thấy. Hà tất chúng ta nơi ưa Đạo Trời, vẫn có nhiệm vụ thật hành phép điều hòa trong cửa Đại Đạo để làm khuôn mẫu trước hết cho nòi giống Việt Thường theo bước, hầu gây nên Quốc Đạo theo mấy câu văn của Đức Chí Tôn đã dạy:

QUỐC ĐẠO kim triêu thành Đại Đạo,
NAM-PHONG thử nhứt biến Nhơn phong.
An dân liệt Thánh tùng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa tương lai lập Đại đồng.

Vậy thì hai quan điểm của Lê Nhạc, chúng ta cần phải giòi trau cho có vẻ thuần túy, để tượng trưng phép điều hòa thé nào cho xứng đáng một gương trong để soi sáng vẻ Đạo hạnh cho toàn cả Việt dân dõi chước, làm cho vạn bang nhìn nhận thì Quốc Đạo chúng ta tự gầy nên rồi Đại Đạo tùy đó mà hoằng khai trong các nước.

Muốn giải rõ hơn nữa thì thức Nhạc của hiền xưa đã gầy nên vốn để trạng thái vẻ thanh âm của phép điều hòa cho nhơn loại làm gương soi mình, hầu giòi mài trong lời lẽ cho có âm giọng thuần hòa thanh tao âm điệu. Vậy thì trước nhứt mây em Lê sĩ, Nhạc sĩ cần phải săn có học biết nhiều ít về văn chương, ngôn ngữ mới có đủ hầu sắp đặt theo thứ tự khép và lâm giọng của Nhạc-pháp, ngôn từ mới âm điệu, lời lẽ mới thanh tao, mà nói năng cho vừa lõ

tai người trong khi giao tiếp với nhơn quan xã hội để tượng trưng phép điều hòa ý theo nguyên pháp của Đại Đạo.

Vì LỄ NHẠC là Đạo-pháp điều hòa của Đáng Hóa công đã gây nên để un đúc tinh thần cho nhơn loại hâu khêu gợi gieo rắc sự cảm hóa với nhau mà lập thành cơ hiệp chung, cũng vì đó quốc-dân Pháp thường nói: La musique adoucit les moeurs. Nghĩa là: Âm nhạc để giúp đời được thuần phong mỹ tục.

Dường ấy thì những Chức-sắc có trọng trách dùi dân Nhạc sĩ và Lê sĩ, chúng vẫn là đoàn em sẽ có nhiệm vụ thể hiện Lễ Nhạc, chư vị cần phải do theo trình độ cao thấp của chúng mà gây nên, cần nhứt là tùy phương châm mà tạo lập lấy chương trình Nhạc Lễ cho có mục văn chương, trách cứ một vị Giáo-sư để dạy về văn từ, nhưng phải liệu lượng thế nào cho vừa với trí não của đoàn em mà dẫn lối, chúng nó mới có đủ tinh thần mãn đạt mà tập rèn hâu lần hồi tiến bước vào nghệ thuật cho có vẻ thanh cao.

a/-Về NHẠC PHÁP:

Vậy thì cứ thể hình Nhạc pháp hai phương Văn Võ khác nhau: các thức đòn đều thuộc về Văn ban, vì có sẵn bản của hiền xưa đã sắp đặt. Trong mỗi bản đều có lớp có lang tùng theo nhịp nhàng nội ngoại ứng biến mà diễn tả bài Nhạc của nghệ sĩ thế nào cho có đủ câu Âm câu Dương đúng với niêm thức của bản, mới có thể hòa âm với các giống đòn khác, chẳng khác nào như các nhà văn sĩ cần chủ tâm, tùy nơi âm vận, niêm, luật, phá, thừa, trạng, luận, chuyển, kết, cho đúng mà hành văn mới tác thành những áng thi phú văn từ đáng giá.

Hơn nữa, Nhạc sĩ cần phải thấu hiểu rằng: tuy nhà văn sĩ đã chung họa thi văn với nhau trong một đề chủ,

nhưng tinh thần trong bài văn đều do nơi khí phách riêng của mỗi người, tùy nơi tâm chí cao thấp mà biến tướng, nhờ đó mà ngoại nhân rõ thấy tài hay dở của văn sĩ. Nghệ thuật của Nhạc sĩ cũng vẫn đường áy, vì cũng do nơi giọng đòn thanh cao tao nhã hay là thô bỉ sượng sùng mà người nghe hiểu được trình độ tiến hóa của Nhạc sĩ là thế nào.

Khó hơn nữa là đâu cho thức đòn hay dở thế nào cũng đều phải khép vào khoảng mau chậm của nhịp do nơi lá phách của ban võ lược, tức là cặp trống và đồ ngang đã ra ni, mới có vẻ rập ràng của các giống đòn.

Cặp trống Nhạc và các món như: mõ, bạc, trống com, bồng, kèn, v.v..., tục gọi là đồ ngang, đều đứng vào ban Võ lược vì cả thảy đối chơi với nhau mà xây dựng nên nhịp, mỗi món vẫn có phận sự riêng, khi thì minh, lúc lại ẩn, phải tùy cơ ứng biến cho đúng phép mà làm cho rập ràng nhau mới vững đặt nhịp nhàng.

Nói tóm tắt là cả hai bên Văn ban, Võ bị đều phải tương đặc với nhau, giọng hòa Âm của thức Nhạc mới có thể trợ giúp vẻ trang nghiêm cho cuộc lễ.

b/- Về LỄ PHÁP:

Theo Lễ pháp thì Lễ sĩ phải thấu hiểu rằng: Lễ đã dạy kỹ, bước bằng chữ Tâm 心 tức là giữ trọn tấm lòng thành, đi đứng có mục thước, tùy theo nhạc chầu 7 lá phách mới bước vào một bước, áy là trạng thái bước Lễ đi đứng có vẻ tề chỉnh, còn hiến dâng Tam bảo: Bông, Rượu, Trà, tức là tạm dùng ba món để thể hình: Tinh, Khí, Thần, nghĩa là chúng ta hiến lễ cho Đấng Chí-Tôn với tấm lòng chí thành thường chứa ba tôn chỉ của Tam giáo là: Bác ái, Công bình và Điều hòa, tương tự như nơi cơ bí truyền có

thể hình tam giác đóng khuôn bao quanh lưỡng tâm (hiệu nhẫn).

Tóm tắt cả ý nghĩa là trong mỗi cuộc Lễ hiến cho Đức Chí-Tôn hoặc các Đáng thiêng-liêng hay là các lộc Tiên Hiền đã quá vãng, cả hành vi của mấy em Lê sĩ và Nhạc sĩ biểu diễn vốn để tượng trưng cái phép cư xử theo Lễ cho nhơn loại dõi chước.

Nếu muốn yên vui với nhau noi cõi tạm này, nhơn loại cần phải cộng sự với nhau bằng tấm lòng thành thật, tâm hằng giữ vững ba món báu là:

- Yêu đương với nhau,

- Đoan chánh với nhau,

- Hòa nhã với nhau, hâu được tránh khỏi mọi nỗi sai làm với nhau trong bước đường đời. Ấy là đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, vì Chí Tôn đã có dạy chúng ta nhiều lần với câu Thánh giáo này:

- “Chẳng cần chi hơn là Thầy thấy các con để tâm hòa nhã với nhau. Đó mới thật là Lễ long trọng các con hiến cho Thầy”.

Mà đó cũng là ba tôn chỉ của Nho, Thích, Đạo, do nơi thi văn Đức Kim Mẫu đã dạy rằng:

THI

Gắng sức trau giồi một chữ Tâm,

Đạo đời muôn việc khởi sai làm.

Tâm thành át đạt đường tu vững,

Tâm chánh mới mong mối đạo cầm.

Tâm ái nhơn sanh an bốn biển,

Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.

Đường Tâm cửa Thánh dầu chua vẹn,

Có buổi hoài công bước Đạo tầm.

Những yếu điểm này, chẳng những để cho Nhạc sĩ, Lê sĩ tìm hiểu để trau luyện nghệ thuật, mà toàn người

trong Đại Đạo cũng cần phải chú tâm về đó, hầu giờ mình cho đặc pháp mới đáng gọi là Môn đệ của Đức Cao Đại Thượng Đế.

c/-KẾT LUẬN:

Lời lẽ Tiểu Dẫn này, tuy sơ lược, song cũng có nhiều ý nghĩa nhiệm màu của phép Lễ Nhạc. Vẫn có thể được dẽ hiểu cho các Chức sắc và mấy em học sinh noi Lễ Nhạc Đường.

Vậy xin chư vị nên ký tâm về mấy lời văn tắt này. Nếu muốn cho đoàn hậu tần học tập Lễ Nhạc cho rập ràng thì rất dễ, còn trau luyện nghệ thuật cho ra vẻ thanh cao (nghĩa là được thanh tao và cao thượng) để dẫn lối thuận phong mỹ tục cho Việt chủng là việc rất khó, ta cần phải un đúc đoàn em về văn từ cho nhuận thâm thì nghệ thuật của chúng mới trở nên thuận túy mà biểu diễn trong các cuộc lễ, mà cũng vẫn có đủ tánh cách nho nhã cho mấy em, trong khi ra ngoài tương ứng với nhơn quan xã hội, dáng mặt một học sinh noi Lễ Nhạc Đường của Đại Đạo, vì Lễ Nhạc là hai quan điểm đặc sắc của Nho tông để đoạt phép điều hòa nâng cao hồn nước.

Chư vị phải để ý cẩn thận về đó cho lắm mới khỏi hổ lòng với lời Thánh giáo của các Đáng thiêng liêng đã dạy câu: Nho tông chuyển thế noi cửa Đại Đạo.

Làm tại Trung Tông Đạo Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngày 1 tháng 8 Nhâm Thìn (dl 19-9-1952).

BẢO VĂN PHÁP QUÂN
Cao Quỳnh Diêu (ấn ký)



**4 -LỄ NHẠC là hai điều trọng hệ
của Đức Chí-Tôn.**

ĐỨC HỘ PHÁP Thuyết đạo tại Bộ Nhạc-Lễ đêm

16- 09 *Canh Dần* (1950) lúc 8 giờ 40 tối.

“Trong buổi tiệc của Nhạc sĩ Tân-Khoa.

*“LỄ NHẠC là hai điều trọng hệ của Đức Chí-Tôn.
Khi Ngài đến vẫn chú ý về hai điều ấy, chúng ta cũng vẫn
biết, nên Đạo Cao-Đài là Nho-Tông chuyển thé, thì tức
nhiên của toàn cả xã-hội nhơn quẩn noi mặt địa cầu này
nhờ Đạo Nho sửa đoạn chỉnh đốn thiên hạ lại, chúng ta
thấy xã hội tinh túy đạo đức của họ dường như đảo ngược
lại khung hoảng tinh thần mà ra vậy.*

*Nho đạo đã lập xã hội ở Á Đông từ Tam Hoàng qua
tới nhà Châu rồi Ngài Châu Công chính đốn Tân Dân.*

*Lễ Nhạc sản xuất do noi Huỳnh Dé với Châu Công;
Áy vậy mình phải biết Nhạc khi nào cầm cây đòn, năm
mười cây hòa lại nó một giọng thì tức nhiên chữ Hòa do
noi Nhạc sanh ra vậy.*

*Lễ Nhạc do noi âm thính, bởi thế nên chúng ta thấy
Vạn Quốc giờ phút này, dầu văn minh thé nào mà hiếu
đặng nền tảng tiên của Trung-Hoa thì đều khen ngợi. Từ
thứ đến giờ, trên mặt địa cầu này, có nước Tàu là do Đức
Khổng-Phu-Tử chỉnh đốn hoàn bị nên Lễ Nhạc có phuơng
thé làm môi giới, làm khí cụ cho toàn vạn quốc đương
buổi này. Lấy tư cách lẽ độ làm ngoại giao, tưởng chắc
không nghịch nhau, chúng ta thấy tân tuồng của vạn quốc
họ đều thất lẽ ấy, mà thế giới khởi chiến tranh.*

*Mấy em Nhạc tự biết mình chẳng phải làm nghèè sơ
lược của bọn đòn thối ngoài đời như họ vây, thành ra hèn
hạ, còn nếu muốn biết tánh cách quan trọng của nó thì dở
lịch sử ra xem mới biết, dầu nước văn minh nào ở mặt địa
cầu này cũng không thể cải bỏ Nhạc được.*

*Mấy em phải biết cái tinh túy mà người ta có thể đo
lường Nhạc cao thấp mà hiểu được, vì có cho nên mỗi
nước có bản Quốc-thiều. Qua nói cùng mấy em rõ, giờ*

phút này mây em cầm cây đòn, giữ giá trị riêng để tự trọng lấy mình. Qua nói rõ hồi lúc Qua học đòn tài tử, Qua đòn không cần ai khen, không sợ ai chê, hễ cầm cây đòn lên giọng đều như nói chuyện về tinh thần với cây đòn của mình, nhứt là Đức Cao Thượng Phẩm sanh tiền buổi nọ, lấy cây đòn mà làm bạn thiết, hét thảy ngôn ngữ thường tình đều khinh rẻ. Qua nghe từ ngôn ngữ của Nhạc, Qua biết nó là bạn tri âm, tri kỷ, cao thâm hoạt bát của nó, nên lấy trí luận thì từ trước kia Bá Nha là bạn tri âm của Tử Kỷ, biết tri kỷ đặng để làm gương. Hễ cầm cây đòn thì phiêu phi ở giữa lừng trời. Nhiều khi tiếng đòn hợp với tinh thần, thay đường như tượng trưng ra khôi xác thân để giúp tinh thần cường liệt vô đối, cái năng lực của cây đòn là áy vậy, kể ngoài bàn luận, phê bình tánh cách hòa nhã mà thôi, mình kết tinh túy của mình, trọng hay khinh là do noi mình, nếu mình biết trọng thì họ trọng, nếu mình biết khinh thì họ khinh, mây em tưởng tượng nghe đòn của mây em, giờ phút này mây em có thể nghĩ nó có giới hạn và có thể làm bạn với ta.

Tùi thượng cổ, từ bức yết trọng, họ nói là bạn với nó vậy, chí hướng tự trọng của nó, từ trước kia những bức tiền nhân của chúng ta là bạn thế nào, thì ngày nay chúng ta cũng làm bạn như thế ấy. Mấy đúra thi đậu kỳ này, con đường Thánh Thể của Đức Chí-Tôn đã mở rộng cho mây em cù khoan thai bước tới. Qua để hy vọng tương lai kẻ nào cầm vận mạng của nó phải biết giá trị và tánh chất hòa hợp với tiếng đòn yêu điệu, hiền từ, lịch lâm, khí khái của mây em đã đào tạo. Ngày kia nó có giá trị và ảnh hưởng cho cả Quốc hồn là cây đòn của mây em, nó sẽ là tương lai vận mạng của nước, nhớ từ đây sắp về sau phải biết tự trọng lấy mình, mà biết tự trọng lấy mình thì sau thiên hạ mới trọng mình vậy”

5-Hôm nay Bàn Đạo giảng về ý nghĩa Lễ Nhạc.

Đức Hộ-Pháp nói:



"Tùi thử ai cũng cho âm thanh sắc tướng là tà mị, mà căn bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc mà chính Đạo Tam Kỳ là Nho Tông chuyển thé thì phải truy tầm nguyên lý àa nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thé nào?

Đôi phen chúng ta không hổ được cho uyên thâm khi dâng lễ cho Chí-Tôn lúc Nhạc Tầu Quân Thiên, hết lớp trống, qua đến Bảy bài thì lâu quá có khi phải chôn chân rồi nản chí, chính Bàn Đạo cũng vậy vì nghĩ rằng: Chí Tôn tư vị quốc dân Việt Nam nên tiền định chi chi cũng làm gương mẫu cho toàn Đại-đồng Thé giới mà có Lễ Nhạc này luôn luôn khi dâng Lễ thì ý nghĩa ấy át cao trọng lắm là phải.?

Bởi có nên khi mới Khai Đạo, Bàn-Đạo đến tại Thánh Thất Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bàn Đạo không tin nên hỏi Đức Lý Giáo Tông, Ngài dạy rằng, trên Ngọc Hu Cung có hai câu liên:

Phía hữu : Bát bìn vận chuyển ca Huỳnh Lão.

Phía tả: Vạn vật đồng thinh niệm Chí Tôn.

八 魂 運 轉 歌 黃 老

萬 物 同 聲 念 至 尊

Bàn-Đạo cũng không hiểu là gì, lần lần Bàn-Đạo hỏi nữa, Bàn-Đạo lại được dạy mà hiểu rằng:

“Kể từ phôi thai Càn Khôn vạn vật này, Chí Tôn là khởi sanh quang, biến thành hai khởi sanh khí, hai khởi ấy trụ lại thành một khởi lớn tương hiệp nhau mới nở sanh

tiếng Âm, người ta gọi là nổ âm, hay nghe tiếng Ni, Đạo Phật sửa lại thành Úm (Úm ma ni bát ị hồng) nhờ tiếng nổ áy Bát hồn mới vận chuyển biến sanh vạn vật và loài người..!

Tiếng áy bay ra nghe đến đâu thì khí sanh quang đến đó tức là có sự sống đến, bằng chǎng nghe được thì noi áy tiêu diệt nghĩa là chết mất mà thôi. Bởi cớ nên dùng những vật Bát âm, nó đã chết đi rồi như cái trống chǎng hụt là tấm da trâu đã chết mà với sự khôn ngoan của loài người nó mới có tiếng kêu được tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát hồn áy vận chuyển sống lại mà đánh lẽ Đức Chí-Tôn, vì cớ nên khi nghe Nhạc Tầu Quân Thiên là có âm thính sắc tướng, song hiểu xác lý: **Khi dâng lễ Chí Tôn qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận chuyển dâng cái sống cho Ngài.**

Nên chi từ đây, khi Nhạc Tầu Quân Thiên chúng ta xem quý hơn dâng Tam iBu, đều phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cảm không được đi lộn xộn thì lẽ áy giảm điệu kính trọng dâng cho Chí-Tôn mà không nên.

Khi áy là vận chuyển Bát hồn đánh lẽ Đức Chí Tôn, vì cớ Lễ Nhạc hiểu rõ lại thì Chí-Tôn không phải là tư vị nước Việt-Nam mà chính nghĩa là làm cho sống lại Bát hồn và Ngài vẫn vui nhận lẽ áy. Áy vậy mới có thể làm chủ và làm gương cho toàn nhơn loại được, thì danh áy không phải là quá đáng.

Xin khuyên toàn Đạo từ đây nên để trọng tâm mà kính trọng khi Nhạc Tầu Quân Thiên”.



6- NHẠC TẤU QUÂN THIÊN

樂 奏 壇 天

Đức Hộ-Pháp giảng giải rằng:

Bên Á Đông, trong nền Đạo Cao Đài có trống có chuông, còn bên Âu Châu có chuông mà không có trống là tại sao? Tại sao Á Đông dùng trống còn Âu Châu dùng chuông?

Trống là âm thịnh của Đạo. Thuở chưa có càn khôn vũ trụ, Đạo giáo có dạy: Hai lần nguồn khí đụng lại nổ ra khỏi lửa, khởi lửa ấy là ngôi Thái Cực. Chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn. Khi nào Trời sét nổ, chúng ta nghe sao? An Nam mình kêu “Âm” còn theo Đạo pháp kêu “Ùm”, vì có phép Phật sửa lại là “úm” (Úm ma ni bát n̄ hồng) câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền năng vũ trụ quản suát trong tay. Tềng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông.

Ấy vậy nguyên căn của Đạo Giáo do bên Á Đông này, có tiếng trống ngân bay qua Âu Châu, nên các Đạo giáo Âu Châu đều là hướng ứng theo Phật Giáo mà Phật Giáo xuất hiện nơi Á Đông. Vì vậy mà các nền tôn giáo phụ thuộc không đúng theo nguyên tắc căn bản.

Còn tại sao khi vô làm lễ, lúc “Nhạc Tấu Quân Thiên” tức là lễ hiến dâng sự sống cho Đức Chí Tôn là Thầy của cả càn khôn vạn vật, Bàn Đạo thường nhắc nhở tất cả phải đứng ngay ngắn, nghiêm chỉnh. Nhạc là hướng ứng của cả khởi sanh quang, của càn khôn vạn vật đồng thịnh. Nơi Á Đông có câu “**Biều, Thủ, Cách, Mộc, Thạch kim** dữ **Tư Trước** nãi bát âm”.

Các vật vô năng mà nói đến có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt đạo, hiệp lại với tiếng kinh mình đọc là

âm thính, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thính hiến lễ. Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn:

“Bát hồn vận chuyển ca Huỳnh Lão.

“Vạn vật đồng thính niệm Chí Tôn.”

Khi nhạc trỗi, cả thảy phải im lặng, hiến cả âm thính sự bí mật ấy gọi là **Phi Tướng Lễ**, chú ý là trình tấu với Đức Chí Tôn rằng : Các con bắt được mâu nhiệm nguyên căn ẩn Cha lành muốn cho các con nối nghiệp theo một khuôn phép trường tồn. Lễ đó trọng hệ như dâng Tam Bửu vậy. (TDII/80)



7-Quyền hành Tiếp Lễ Nhạc Quân

Tiếp Lễ Nhạc Quân là một phẩm Chức sắc cao cấp, thay quyền cho Bảo Văn Pháp Quân, C hưởng quản về Nhạc và Lễ, Khách Đinh và Nhà thuyền.

(Tiếp: Nhận lấy, đón nhận, tiếp rước. Lễ Nhạc: lễ nghi và âm nhạc trong cúng tế. Quân: người, ông)

Phẩm Nhạc Sư, phẩm cao cấp nhứt trong Bộ Nhạc, sau 5 năm công ngLEEP đầy đủ, được cầu thăng lên phẩm Tiếp Lễ Nhạc Quân khi phẩm này bị khuyết.

Phẩm Tiếp Lễ Nhạc Quân được cầu thăng lên phẩm Bảo Văn Pháp Quân khi phẩm Bảo Văn Pháp Quân bị khuyết.

Nhạc Sư đối phẩm Giáo-Sư Cửu-Trùng-Đài, còn Tiếp Lễ Nhạc Quân thì đối phẩm với Phối Sư Cửu-Trùng Đài.

Chú giải Pháp Chánh truyền có dạy:

“Ngoại Pháp-Chánh-Truyền, dưới quyền Hộ-Pháp thì còn Bảo-Văn Pháp-Quân (Art et Belles Lettres), trước Thầy phong đỡ làm Tiếp Lễ Nhạc Quân, nay đã vào chánh

Âm-nhạc Đại-Đạo

vị, đăng chính đốn Lễ Nhạc lại cho hoàn toàn cho tới ngày thành Đạo”.

Phận sự của Tiệp Lễ Nhạc Quân được Đức Phạm Hộ Pháp ấn định trong Thánh Lịnh số 23 ngày 22 -4 Quý Tỵ (dl 14-5-1953) khi thăng cấp cho Nhạc Sư Võ Văn Chở lên làm Tiệp Lễ Nhạc Quân.

Đây nguyên văn Thánh Lịnh nói trên:



Hộ-Pháp đường
Văn Phòng
Số: 23

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỒ ĐỘ
(Nhị thập bát niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LINH

HỘ PHÁP Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (DL 15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị.

Chiếu y Thánh Linh số 23, ngày 27 tháng 1 Nhâm Thìn (DL 22-2-1952) ân tứ cho Nhạc Sư Võ Văn Chở được thăng phẩm Tiệp Lễ Nhạc Quân.

THÁNH LINH

Điều thứ 1: Phận sự của Tiệp Lễ Nhạc Quân Võ Văn Chở được gia tăng như sau này:

1. Chưởng quản Khách Định.

2. Cai quản Ban Tống Trạo và toàn nhơn viên Đạo Tỳ.

Điều thứ 2: Người trọn quyền sắp đặt và phân công trong các Ban Lễ, Nhạc và Trạo cho mỗi vị, các tư kỵ phận.

Tiếp Lễ Nhạc Quân là chủ sự tang tế thì mỗi khi có Lễ, Lễ Viện Hành Chánh và Lễ Viện Phước Thiện phải cho người hay liền.

Điều thứ 3: Tiếp Lễ Nhạc Quân được phép giữ tài chánh của Lễ Nhạc Viện và cầm sổ sách thâu xuất cho phân minh mọi khoản. Sổ này mỗi cuối tháng phải có Phụ Thống Lễ Viện Hành Chánh và Lễ Viện Phước Thiện chấp thuận và ký tên mới đủ lẽ.

Điều thứ 4: Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Chưởng quản Phước Thiện, Tiếp Lễ Nhạc Quân, Phụ Thống Lễ Viện Hành Chánh, Phụ Thống Lễ Viện Phước-Thiện, Cai quản các Ban Lễ, Nhạc và Trạo, các tư kỵ phận, lãnh thi hành Thánh Lịnh này.

Tòa Thánh, ngày 22 tháng 4 Quý Tỵ (14 -5-1953).

HỘ PHÁP

(án ký)

Trong quyền LỜI PHÊ của Đức Hộ Pháp, nơi trang 15, Đức Phạm Hộ Pháp có phê như sau:

"Lễ sĩ, Giáo nhi, Nhà thuyết với nhơn viên Nhà thuyết là thuộc quyền của Tiếp Lễ Nhạc Quân quản suất, còn đào huyệt thuộc về phần nhơn viên dưới quyền Nhơn Quan Đạo tỳ."

Nhiệm vụ của Tiếp Lễ Nhạc Quân được Đức Phạm Hộ Pháp qui định là:

- Cai quản các Ban, Bộ: Bộ Nhạc, Ban Lễ sĩ, Ban Giáo nhi và Đồng nhi.

- Chưởng quản Khách Định.

Âm-nhạc Đại-Đạo

- Cai quản Ban Nhà Thuyền, Ban Tống Trạo và toàn nhơn viên Ban Đạo Tỳ.

Tiếp Lê Nhạc Quân là chủ về Tang Tê nên được phép gữ tài chánh của Lê Nhạc Viện, làm sở thâu xuất phân minh.



CHƯƠNG II NGHI THÚC NHẠC LỄ TRONG ĐẠI-ĐẠO



I- Thánh giáo Thầy dạy về Nhạc Lễ.

Ngày 18-5-Bính Dần.

(dl 27-6-1926)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Nhơn, con phải khởi sự kể từ ngày nay cho tới bùa Ngoc Đàn Vĩnh Nguyên Tự, tập Nhạc đủ lại hết. Như nhập Lễ thì đừng đánh trống Bát Nhã, mà đánh Ngọc Hoàng Sấm, nghĩa là mỗi hồi 12 tiếng, đồ xuống đủ 12 hồi, 3 lần như vậy.

Bạch Ngọc Chung cũng động ấy.

Khi nhập Lễ xuống “Khởi Nhạc” thì phải đánh trống và đòn Bảy bài cho đủ.

Chừng hiến Lễ, phải đòn Nam Xuân ba bài, vì Lễ Sanh phải hiến lễ bảy lái, đi chữ **Tâm 心**. Tới khi thài, thì đòn “Đảo Ngũ Cung”, rồi con lại bắt đầu đòn lại, cho chư Môn đệ tụng kinh.

Lịch, Tân-Luật con lập có Thầy giáng đủ Lễ hết. Vậy con truyền cho chư Môn đệ đặng chúng nó y theo mà hành lễ.

Nghĩa, con phải học xướng cho thuộc làu.

Biểu, **Đức** cũng vậy. Ba con phải nhớ lời Thầy dặn cho kỹ nghe.

Mấy đứa con là: **Nghĩa**, **Hậu**, **Đức**, **Tràng**, **Cử**, **Tắc**, **Sang**, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy:

Nghĩa, **Đức** đứng xướng ngoài, là tại bàn thờ Hộ

Pháp; rồi **Hậu, Tràng** đứng cập kế đó; kế ba con sau rốt hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái.

Còn ba bàn thờ trong thì biểu **Lịch** lập như vầy:

- Giữa Thượng Đàn,
- Hữu Ngọc Đàn,
- Tả Thái Đàn.

Còn Thánh ý của chư Môn đệ đã dĩ vãng thì tùy theo phái nó mà sắp kế theo bàn thờ Thầy.

Kỳ, Kim hầu xướng nội, là bàn thờ trong, biểu chúng nó đứng như vầy:

Kỳ bên mặt, Kim bên trái.

Còn **Bản, Giới**, một cặp Lễ Sanh đầu, đi giữa với một cặp nữa là Tỷ với Tiếp.

Tả thì Nhơn với Tương, hữu thì Giảng với Kinh.

Lập ngoài cho đủ ba bàn vọng, đều để chư Lễ Sanh hầu.

Chừng nào nội xướng, thì để cho Lễ Sanh điện lễ, cúng vật thì để sẵn ngoài ba bàn; chừng Lễ Sanh xướng, thì đem vô cho mấy vị chức sắc hiến lễ.

Trung, con phải cậy hai vị Lão thành Minh Đường hầu trong đặng tiếp lễ Thượng Đàn, Ngọc Đàn thì Kinh và Chương, còn Thái Đàn ngày ấy Thầy lựa.

Cười...

Minh, Thầy sẽ dạy nó đến.

Cười...

Ba bàn ngoài, thì mỗi bàn phải có hai viên chúc sắc hiến lễ.

Tương và Tươi tại giữa Thượng Đàn.

Muồi và Vân bên Ngọc Đàn, còn Thái Đàn ngày ấy Thầy định.

Cười...

Bản, đرنg dậy. Thầy vđ đi chữ Tâm là sao, rồi
Thầy mới dạy tiếp đặng.

(Phết trước mấy dấu ngón chon mặt, giơ lên, phết
qua một cái đặng làm cái chấm... Đứng hai chon cho
ngang nhau... Con phết đi, đứng thụt lại.)

Cư, con đi cho nó coi con.(1)

Các con coi Thầy đi đây nè.!

Hiếu lấy nước, con.

Con đi thê nào t hành hai chữ Tâm lộn ngược như
vậy. Cư đi trúng, đi lại nữa con.

Cư, giỏi con, phải vậy, như con muôn cho ra bộ lịch
sự, thì khi chấm gót, con nhún bộ xuống một chút.

Cười...

Giỏi, Bản ... Thầy tiếp.

Đọc lại **Nghĩa.**

Như ngoại xướng điện “Trà”, “Quì”, Chức sắc đồng
quì dung Trà lên khỏi đâu.

Một cặp Lễ Sanh đầu ở giữa hâu đặng cầm song
đặng bước lên. Khi xướng “Quì”, thì cung phết chon trái
đá chon mặt, quì xuống cho đều với ba cặp Lễ Sanh kia;
chừng trống nhạc đỏ, thì lần lần đứng dậy cho đều, day
mặt vào Bửu Điện.

... Phải vậy con... Hđ đứng dậy rồi, xây mặt vào
Chánh Điện, đế song đặng và cung vật xuống ngay ngực;
chừng trống đỏ lần thứ nhì, cung lên; nhạc lại khởi, thì
xem nhịp mà đi bảy lái; chừng ấy Thầy dặn Nhơn nó nhịp
lại cho các con đi.

Cười...Con Trung, con phải giữ y như Tân Luật mà
hành Lễ.”

(1) Đây là điểm mà Ngài Bảo-Văn nói Đức Chí-Tôn nhập
vô xác Đức Thượng-Phẩm dạy Ngài Cư đi Lễ chữ Tâm.

II- LỄ NHẠC ĐẠI- ĐẠO 禮 樂 大 道

**Nhạc hành lễ*

**Nhạc Đại đàn và Tiểu đàn tại Đền Thánh*

**Nhạc cúng Tứ thời tại Đền Thánh*

**Nhạc cúng Đại đàn tại Báo Ân Tù*

**Nhạc cúng Tứ thời tại Báo Ân Tù*

A- Nhạc hành lễ 樂 行 禮

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỒ ĐỘ

(Lục Thập Bát Niên)

Tòa thánh tây ninh

Kính *gởi* chư vị Chánh Phó trưởng phiên Nhạc 1,2,3. Chức sắc, chức việc và nhân viên thuộc ban Nhạc Tòa-Tthánh

Chánh yếu

Về việc cúng Đại Đàn, Tiểu Đàn và Tứ thời hai nơi Đền-Thánh và Báo-Ân-Tù.

Xin nhắc lại để đồ theo khuôn mẫu Lễ-nghi của các bậc Đại Đức tiền nhân ra công dạy dỗ Nhạc, Lễ, Kinh kệ buổi sơ khai, hôm nay chúng ta phải gia tâm chỉnh đốn cho y khuôn mẫu để khỏi phần thất lẽ.

Nhạc hành lễ là âm nhạc diễn tấu trong Đại đàn và Tiểu đàn khi cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Sau đây là bài *tra* Nhạc Sư Trần Thiện Niệm, cai quản Ban Nhạc Tòa Thánh, gửi cho các Chánh Phó Trưởng Phiên Nhạc, Chức sắc và nhân viên Bộ Nhạc, để thi hành về phần Âm nhạc trong Đại đàn, Tiểu đàn và Tứ thời khi cúng Đức Chí Tôn tại Đền Thánh và cúng Đức Phật Mẫu nơi Báo Ân Tù.

B-. Nhạc Đại đàn và Tiểu đàn tại Đền Thánh:

1- Toàn thể Chức sắc Chức việc tới Đàn vía phải mặc phẩm phục Chức sắc của mình. Đại đàn thì mặc Đại phục, Tiểu đàn thì mặc Tiểu phục, không có phẩm cấp thì không được ngồi vào băng Bán nguyệt, khi lên lầu H iệp Thiên Đài đánh lễ xong là 11 giờ 35 phút.

2- Gần tới giờ hành lễ, ban Nhạc phải ngồi vào băng Bán nguyệt, là nơi hành lễ trước 15 phút mà lo chu đáo các món Nhạc khí của mình. Đại đàn thì ở Nghinh Phong Đài và lầu Bát Quái Đài, Tiểu đàn thì tại lầu H iệp Thiên Đài.

3- Khi Chức sắc và toàn thể nhập đàn đến Hiệp Thiên Đài thì Nhạc không khua động, chuyện vẫn, thủ kèn chi cá, do lễ đài báo hiệu.

4- Nhạc chấp sự các môn chánh phai là vị Chức sắc quan trọng hơn, nghiêm chỉnh thi hành, vì trước Điện Chí-Tôn, Chức sắc phải trọng vọng khiêm cung đánh Lễ.

5- Trống Tiệp Giá phải là vị Trưởng ban y cǎn bǎn thủ vĩ phân minh. Các môn phu phải tề nhị khiêm nhường, giọng kèn oai linh không lệch lạc. Tới đòn 7 bài, hay 5 bài, hay 3 bài, cần thúc lệ.

6- Từng Hương, không đòn quá lợi và không ~~đòn~~ lớp trống Xuân, tới kinh Niệm Hương và Khai Kinh, dừng đòn cho đọc kinh lời quá, lệch chữ Kinh cùng ảnh hưởng đến toàn thể mỏi mệt và giảm tinh thần Tín ngưỡng. Đòn Nam xuân cho đc Kinh Ngọc -Hoàng và Tam giáo, ~~đòn~~ giữ mức trung bình, k quá mất giọng X uân, cũng không đòn lớp trống xuân, vì lớp trống xuân, Đức Chí-Tôn đã tiền định rồi.

7- Trống lập ban: đồ trống nhuyễn nhẹ ngắn, chờ gài thủ các môn phụ mới tiếp vào để không lấp câu xướng

cũng không trễ lạy (nhứt là chờ nơi Lễ đài báo hiệu).

8. Trong ba ầm Dâng Tam bửu, không ỡi người nhầm thủ vĩ bất động phách. Đàn nội tôn nghiêm gìn tiền hậu luật y nhứt mẫu khiến đàn nội không bị phóng tâm.

9- Thượng Táu Sớ Văn: câu sớ quan trọng, điểm trống tỏ ý uy linh, kính cẩn hơn; câu trung bình thì điểm trung bình. Phản sớ (đốt sớ) có uy linh, trống chuyển qua thết.

10- Trống lập ban: ba lạy xong gài trống vô đòn lớp trống xuân tụng kinh Ngũ Nguyên, lạy xong dứt trống lập ban.

11- Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài nhập Nội nghi và Hộ Đàn Pháp Quân, Tả Hữu Phan Quân nhập Nội nghi, bái xong dứt trống lập ban, trở thết trung bình. Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài đi về tới chỗ, tiếng kiêng đồ, toàn thể đứng lên xá, rồi bày ban đứng chờ.

12- Toàn thể nghe tiếng chuông bái đàn, nhạc gài thái bình, tiền bần hậu phú, tiền bước Chức sắc đi ra, Nhạc dứt, tịch, ấy là đàn tràn viên mãn.

C. Nhạc cúng Từ thời tại Đền Thánh:

1- Khi lên trung lầu Hiệp-Thiên-Đài thì ban nhạc đánh lẽ một lượt cho rập ràng. Còn 10 phút trước khi khởi lễ thì ngồi vào băng bán nguyệt, soạn lên dây đòn nhỏ nhẹ, cần nghiêm túc thủ lễ tỏ sự tôn kính vì là trước đại điện.

2- Đúng giờ hành lễ, chuông nhứt, nhạc rao đòn, Chức sắc, Chức việc và toàn đạo tới cấp Hiệp-Thiên-Đài thì nhạc đòn bài Hạ.

3- Kế tiếp chuông nhì, Chức sắc, Chức việc đồng xá, vào ngồi thì dứt bài Hạ. Nhạc liền ra Ai, chuông thỉnh Thánh vừa xong là khởi đòn Nam ai, Giáo nhi và đồng nhi tụng kinh Niệm Hương. Lạy xong, tiếp tụng bài Khai

Kinh. Hai bài giọng Nam ai này, đừng đọc kinh lời quá, khiến tiếng kinh ệch lạc không đúng chữ Kinh và không đúng giọng nếu đờn lời, cũng không đờn l López mái Nam ai trong đờn kinh này.

4- Tới đờn Xuân, Giáo nhi và đồng nhi tụng bài Ngọc Hoàng Kinh và luôn trong các bài kinh giọng Xuân này, không lệ quá mà mắt phù ba của giọng xuân, cũng không xen kẽ trống xuân vì kẽ trống xuân thể pháp đờn cho Năm câu nguyện, đặng dứt thời cho cúng đàn mà thôi.

5- Tới đờn Dâng Tam bửu, Giáo nhi đồng nhi chờ qua nhịp mới thài, đều đúng câu đờn nào cũng vậy. (Lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp vì chánh pháp môn nhịp điệu).

6- Thời cúng có Dâng Sớ, khi mãn thài thì đờn bài Hạ, tùy mau chậm, dứt để đọc sớ. Khi phần sớ, nhạc rao xuân, lạy 3 lạy xong thì nhịp vô lớp trống xuân đọc Ngũ Nguyên, dứt thì trở đờn bài Hạ. Nếu có Chức sắc Hiệp Thiên-Đài lên Nội nghi lạy thì chờ, khi về tó i chỗ thì đứng lên bài ban, Nhạc và Giáo nhi đồng nhi lạy. Nghi lễ kệ chuông bái đàn.

7. Cúng thời Ngọ, Nhạc còn đờn để Giáo nhi và đồng nhi tụng kinh Tuần Cửu, khi dứt kinh đền niệm Câu chú của Đức Chí Tôn, nhạc không được đờn nhái theo mà được đờn xuân tới cho ăn nhịp mà thôi.

8- Mối thời cúng Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, mỗi nơi có Chức sắc Bộ Nhạc để ứng hộ chư nhân viên trong thời cúng được nghiêm túc, tôn kính của Nhạc Thánh đường, đối với lòng tín ngưỡng của toàn đạo trong thời cúng, áy là gương mẫu Nhạc của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vậy.

9- Riêng về Chức sắc, Chức việc cúng thời Tý tại Đền Thánh phải mặc áo Tiểu phục cho nghiêm trang hơn. Mong chư Chức sắc Chức việc chú ý khoảng này cho

được chu toàn thiện mĩ.

D- Nhạc cúng Đại đàn tại Báo Ân Tù:

1- Tới 11 giờ 35 phút, ban nhạc lo chuẩn bị trước, nhút là lo chỉnh soạn các môn nhạc khí và nhân viên của mình.

Còn 15 phút đến 12 giờ thì đến lễ bái mà ngoài vào băng bán nguyệt, so dây đòn nhỏ nhẹ, nhút là kèn và trống cơm, muốn thử kêu rõ ràng thì phải tại cơ sở của mình, còn đến giờ cúng thử nhỏ cho biết ăn giọng âm thanh với đòn mà thôi.

2- Lên trước Đại Điện không được hút thuốc, nói chuyện ồn ào mắt vẻ trang nghiêm, vì là nơi tất cả tịnh tâm đánh lễ, còn hút thuốc cũng là trước đối với thiêng liêng, hơn nữa khi đi cúng cũng đã súc miệng sạch rồi.

3- Các môn chánh húa nhạc phải là người có phẩm lớn và đạo hạnh mà làm chuẩn hướng.

Nhạc Tấu Quân Thiên, trống gài đầu trung bình, bạc không phép lướt trống, vì thúc lệ thì lớp và âm thanh không phân minh, làm giảm uy hùng của Tiếp Giá. Còn đòn 3 hay 5 bài thì cần đòn lệ lên, nhớ tôn Thánh ý Đức Phạm Hộ Pháp, không hối thúc Tiếp Giá mà hối thúc đòn.

4- Tới từng Điện Hương: đòn xuân điện không đòn lời, cũng không đòn lớp trống xuân. Khi lễ quì, toàn thể nghe chuông thỉnh Thánh, nhạc raoặng vô đòn Nam ai. Giáo nhi đồng nhi đọc kinh Niệm Hương, dừng đòn đọc kinh lời vì trong giọng kinh quá trầm, chữ kinh lệch lạc, bỗn đao mỏi, giảm tín ngữ ống. Tới bài Khai Kinh cũng giọng Nam ai, hai bài này cần thúc nhịp lại.

5- Trống lập ban: trống nhỏ ngắn gọn, các môn tum bạc kèn và phụ chờ gài thủ vô sau nghe đúng pháp, còn đòn lên một lượt làm lấp mắt tiếng câu xướng của lễ sĩ, đòn kéo dài thời gian làm mất một lạy của tập thể.

6- Tới đờn Xuân, Giáo nhi đồng nêu đọc Phật Mẫu Chơn Kinh, giữ mức trung bình, lẹ quá mất giọng Xuân, cũng không đờn lớp trống xuân (vì như đã nêu ở phần trên), dứt, trống lập ban, lạy.

7- Lễ điện Tam bửu: qua những lớp bài Hạ và trống thét, lớp trống thét không đánh mỏ, bạc lẹ quá mất điệu thuần hậu trung dung, tới gài Đảo ngũ cung, giữ mức trung bình. Lễ tới Nội nghi, tới thượng Tam bửu, Lễ sĩ đổi sang thì nhạc thúc mực trung bình mà thôi, lẹ quá giảm giá nhịp điệu Nhạc Thánh đường.

8- Trống lập ban, lạy, một mình trống đồ nhỏ gài thủ thì các môn phụ lập vô thủ nhịp sau, còn đồ rầm lên lấp xướng, trễ lạy lụp chụp có khi lễ phải chờ vì Lễ hưng Nhạc tác.

9- Đến Thượng Tầu Sớ văn, từ xây tá đến thết ngắn. Lưu ý tới câu sớ quan trọng thì điểm trống, tôn kính uy linh hơn (~~đ~~ ro roi điểm ba), câu trung bình thì điểm trung bình (không ro ~~m~~ điểm ba). Tới phần sớ, đồ trống phần sớ có vẻ tôn nghiêm dâng uy hùng, tiếp thết luôn. Lạy 3 lạy.

10- Đến Ngũ Nguyên, gài trống vô đờn, chừng mức hồi khởi đầu không lẹ không chậm (như đờn Xuân và Tiếp Giá mới vô nhịp ban đầu) tới đây mới đờn lớp trống xuân với năm câu Nguyên, cuối cùng tận tâm cầu đảo của toàn thể đặng mãn đàn. Khi 3 lạy xong, nghe chuông, toàn thể đứng lên xá và đứng lưỡng ban.

11- Nhạc còn trôi đều, cho Lễ sĩ, Giáo nhi, đồng nhi, Tật tự, Kiếm đàn lạy, còn Nhạc khi m ăn Năm câu nguyên thì lo thi nhau mà lê bái, đến đây đồng chờ tiếng kiêng và ba tiếng chuông.

12- Lễ sĩ xướng: Lễ thành, nhạc đồ trống gài lớp thái bình, tiền bần hậu phú rồi dứt, tịch, mãn lễ.

E- Nhạc cúng Tú thời tại Báo Ân Tù:

1-Còn 20 phút **Tí giờ cúng** , Nhạc phải ứng trực sẵn, đến chừng còn 10 phút, Nhạc vô bái lễ, xong vào băng bán nguýt ngồi lên dây đờn nhỏ gọn và không nói chuyện ôn ào pha lẩn, thủ lễ nghiêm túc.

Tới giờ, Chuông nhứt, rao đờn vô bài Hạ. Chuông nhì, vô quì, dứt đờn bài Hạ, toàn thể n ghe chuông tinh Thánh, nhạc rao đờn vô Nam ai, Giáo nhi đồng nhi đọc kinh Nệm Hương (đứng vô đờn và đọc kinh quá lợi). Dứt bài Nệm Hương, lạy 3 lạy. Tiếp đọc bài Khai Kinh. Hai bài Nam ai này đọc quá lợi sẽ có nhiều chữ kinh lệch lạc.

2- Dứt bài Khai Kinh, tiếp đờn Nam xuân cũng không quá ẹ. Giáo nhi đồng nhi đọc Phật Mẫu Chơn Kinh, nêu lè sẽ mất giọng phù ba của hơi xuân, nhạc cũng không đồn lớp trống xuân (như đã nêu ở phần trên), dứt bài xuân, lạy 3 lạy.

3- Nhạc rao Xuân nữ, vô đồn Xuân nữ, đờn mức trung bình, nhứt là thuần túy thung dung pháp Nhạc Thánh đường (chờ không phải cải lương sân khấu), Giáo nhi đồng nhi cũng không nên tụng bài kinh Tân Tụng Công Đức Phật Mẫu kéo dài, ngược lại vì kinh đọc cúng không phải nói lối của sân khấu mà tưởng sân khấu là phi pháp. Phi pháp là phi lễ.

4- Mân bài kinh đờn giọng Xuân nữ, nhạc rao giọng Đảo, lạy 3 lạy xong, nhạc vô đờn bài Đảo, Giáo nhi đồng nhi chờ qua một nhịp mới khởi thài. Ấy là ý thức của Đạo nghiệp.

5- Ba lạy xong chờ gõ vô nhịp trở đờn lớp trống xuân một lớp, Giáo nhi đồng nhi tụng Ngũ Nguyện, dứt bài Ngũ Nguyện liền đờn bài Hạ, lạy 3 lạy xong, toàn thể đàn nội đứng lên. Nhạc dứt đờn. Toàn thể đứng lưỡng ban. Giáo nhi đồng nhi và Nhạc đi lạy, nghi lễ đánh chuông.

Lạy xong trở về vị trí.

6. Nghi lễ kệ chuông bái đàn, bái mân đàn.



III- Những phẩm tước về NHẠC tại Tòa-Thánh:

(Nhạc: Âm nhạc, âm thanh có tiết tấu hòa nhau nghe êm tai, để nói lên một ý nghĩa. Sĩ: Học trò. Sư: thầy).

Nhạc sĩ 樂士 là người chuyên về Âm nhạc.

Nhạc sư 樂師 là bức thày về Âm nhạc.

Nhạc Sĩ và **Nhạc Sư** là hai phẩm Chức sắc trong Bộ Nhạc. Phẩm thấp nhứt là Nhạc Sĩ, phẩm cao nhứt là Nhạc Sư. Nhạc Sĩ đối phẩm Chánh Trị Sư và Nhạc Sư đối phẩm Giáo Sư.

Muốn được vào phẩm Nhạc Sĩ, người học nhạc phải qua một kỳ thi do Hội Thánh tổ chức và phải đậu kỳ thi này, có cấp bằng của Hội Thánh. Khi đủ công nghiệp, Nhạc Sĩ phải thi lên Bếp Nhạc.

Thể thức thi Nhạc Sĩ: Biết cầm một cây đòn và trọn hiểu nhạc khi có Tiểu đàn và Đại đàn, Nhạc trống Tiếp Giá.

Thể thức thi Bếp Nhạc là: Biết trọn nghi lễ và nhạc nghệ về tài tử.

A- BỘ NHẠC 部樂

A: Department of Music.

P: Département de Musique.

Bộ là một ngành. Nhạc: Âm nhạc. Bộ Nhạc là cơ quan chuyên môn đào tạo các Nhạc sĩ cõi nhạc của Đạo và tổ chức các Ban Nhạc trong việc cúng tế và lễ nghi trong Đạo.

Bộ Nhạc và các phẩm Chức sắc của Bộ Nhạc được

chánh thíc thành lập theo Thánh Lịnh số 25 của Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 29-3-Tân Mão (dl 4-5-1951).



B-Nguyên văn Thánh Lịnh:

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 25

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỒ ĐỘ

(Nhị thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LINH

HỘ PHÁP Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị.

Chiếu y Sắc Lịnh số 51 ngày mồng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ 5 năm công nghiệp;

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phận thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị.

THÁNH LINH:

Điều thứ 1: Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có 9 phẩm ân phong như sau này:

1-Nhạc sĩ 2-Bếp Nhạc 3-Cai Nhạc

4-Đội Nhạc 5-Quản Nhạc 6-Lãnh Nhạc

7-Đè Nhạc 8-Đốc Nhạc 9-Nhạc sư

Điều thứ 2: Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thì từ hạ phẩm đến thượng phẩm, mỗi cấp đều có khoa mục đặng tuyển chọn danh nhơn để điều khiển nội Ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào đủ tài ứng thí thì

được phép xin thi và mỗi khi thi đậu là mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ưng thí vượt bậc.

Điều thứ 3: Nếu thi rớt vì không đủ tài thì ở lại phẩm cũ, chờ đủ 5 năm công nghiệp mới được cầu ân phong.

Phẩm Nhạc Sư đủ 5 năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân nếu có khuyết.

Điều thứ 4: Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với 9 phẩm của HIỆP-THIỀN-ĐÀI hay các phẩm khác của Cửu Trùng Đài và Phước Thiện.

Điều thứ 5: Chư vị: Bảo Thủ Tông Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chưởng quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Thượng Thông Lại Viện, Đạo Nhơn Chưởng quản Phước Thiện, Phụ Thống Lễ Viện Hành Chánh, Phụ Thống Lễ Viện Phước Thiện, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Linh này.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 3 năm Tân Mão.

(4-5-1951)

HỘ PHÁP

(án ký)

(*) Ghi chú:

Chỗ đối phẩm của Nhạc Sư trong Điều thứ 4 của Thánh Linh này, có điều chỉnh lại đúng theo lời dạy của Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ trong Đàn cơ tại Cung Đạo Đèn Thánh đêm 25-6-Nhâm Tý (dl 4-8-1972), xin xem bên dưới.

Khi trước, Điều thứ 4 trong Thánh Linh ghi là: Nhạc Sư đối phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (HTĐ), Phối Sư (CTĐ), Huyền Nhơn, Thánh Nhơn (CQPT). Điều này trái với Điều thứ 3 bên trên: "Nhạc Sư có đủ 5 năm công nghiệp mới được cầu thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân nếu có khuyết."

Vì có sự không khớp nhau giữa Điều thứ 3 và Điều thứ 4 trong cùng một Thánh Linh như thế, nên trong Đàn cơ tại

Âm-nhạc Đại-Đạo

Cung Đạo Đến Thánh đêm 25-6-Nhâm Tý (dl 4-8-1972) hồi 20 giờ 15 phút, Phò loan: Hién Pháp và Khai Đạo, Ngài Bảo Đạo Hồ Tán Khoa bạch cùng Đức Phạm Hộ Pháp: "Theo Thánh Lịnh số 25/TL, Điều thứ 3 định phẩm Nhạc Sư sau 5 năm công nghiệp được cầu phong vào phẩm Phối Sư, nhưng qua Điều thứ 4, Nhạc Sư cho đổi phẩm Phối Sư và Hiền Nhơn, Thánh Nhơn bên Phước Thiện. Hai điều đó không phù hợp nhau. Xin Đức Ngài chỉ dạy.

Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ đáp: Cho đổi phẩm Giáo Sư, sau 5 năm được đổi phẩm Phối Sư"



Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với 9 phẩm của HIỆP-THIỀN-ĐÀI hay Cửu Trùng và Phước Thiện.

BỘ NHẠC	PHÁP CHÁNH	CỬU TRÙNG	PHƯỚC THIỆN
Nhạc-sĩ	Luật sỹ	Chánh-trị-sỹ	Hành thiện
Bép nhạc			
Cai Nhạc	Sĩ tài	Lễ sanh	Giáo-thiện
Đội Nhạc			
Quân Nhạc	Truyền Trạng		
Lãnh Nhạc	Thừa Sứ	Giáo hữu	Chí thiện
Đè Nhạc			
Đốc Nhạc	Giám Đạo		Đạo-Nhơn
Nhạc sỹ	Cải Trạng	Giáo sư	Chơn-nhơn
	Chưởng Ân	Phối sỹ	Hiền-Nhơn
	Tiếp-Dẫn Đạo Nhơn	Chánh Phối sỹ	Thánh Nhơn
	Thập Nhị Thời Quân	Đầu sỹ	Tiên tử

C- Đạo phục của các Chức sắc Bộ Nhạc:

"Ngày 22-8 Đinh-Hợi (6-10-1947) quý ông Nhạc Sỹ Võ Văn Chở, Đốc Nhạc Đinh Văn Biên và Đè Nhạc Hồ Văn Sai có Văn-bản thỉnh giáo Đức Hộ Pháp về Đạo phục của Chức sắc Bộ Nhạc, được Đức Hộ-Pháp bút phê,

nguyên văn như sau:

“Bàn-đạo đã dạy trước rằng, mặc sắc phục hồng (màu đỏ), áo đỏ, quần trắng, như các vị Võ sĩ cựu, có viền kim tuyến bạc nơi cổ, nơi tay, ngay ngực có mang ba màu Đạo, chính giữa thêu hình cây Đòn Tỳ-bà. Dưới cây đòn thì để chúc tước của vị Chức sắc ấy, áo cụt khỏi tròn mà thôi. Từ Nhạc -Sĩ trở lên tới Quản-Nhạc viên kim tuyến bạc, từ Đề Nhạc đồ lên viên kim tuyến vàng”.

Ngày 27-11 Kỷ -Sửu (15-1-1950) Ngài Ho -Thế, Thừa quyền Hộ-Pháp, có sao lời phê trên gởi cho Ông Phụ Thông Lễ Viện Phước-Thiện và Nhạc Sư Võ Văn Chở qua Đạo thư số 84.

Như vậy, Chức sắc Bộ Nhạc đều mặc Đại phục y như nhau theo lời dạy trên, chỉ phân biệt ở tước phẩm ghi phía dưới cây Đòn Tỳ-bà trên Tam sắc Đạo thêu nơi ngực và màu kim tuyến viền nơi cổ và tay. Đức Hộ-Pháp không có dạy về Mão và Tiểu phục của Chức sắc Bộ Nhạc, nhưng trên thực tế thì Chức sắc Bộ Nhạc đội Mão và mặc Tiểu phục như sau:

a) Mão đại phục: Gọi là Hỗn-Nguơn-Mạo có hình dáng như mao Ngrõng -Thiên của Giáo -Hữu phái Ngọc nhưng thấp hơn một chút (cao khoảng 12 cm), giữa Mão, ngay trước trán có Tam sắc Đạo, gác xéo một cây Đòn Tỳ bà.

b) Tiểu phục: Từ Nhạc Sư đồ xuống Nhạc Sĩ đều mặc áo tràng trắng, có thắt ngang lưng một sợi dây nịt trắng như Tiểu phục của Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài từ phẩm Cải Trạng đồ xuống Luật Sư. Đầu đội Bán Nguyệt Mạo như cái calot trắng (giống Mão của Đầu Phòng văn), ngay gữa trán có huy hiệu hình chữ nhụt bằng kim khí, trên có Tam sắc Đạo và cây Đòn Tỳ-bà gác xéo”.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ-Pháp ra Thánh Lịnh mở

khóa thi tuyển Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đặng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong Đạo. Nguyên văn Thánh Linh ấy chép ra dưới đây:



HỘ-PHÁP ĐƯỜNG

Văn Phòng

Số: 13

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHÔ ĐỘ

(Nhị thập thất niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LINH

HỘ PHÁP

Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thông Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ-Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Nghĩ vì cần mở Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đặng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong cửa Đạo.

Do theo lời phê của Hộ Pháp ngày 6 tháng 10 Tân Mão phân định thể thức khoa mục Nhạc Sĩ và các cấp trong Bộ Nhạc.

THÁNH LINH

Điều thứ 1: Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc sẽ mở tại Tòa Thánh ngày rằm tháng chạp năm Tân Mão tại Báo Ân Từ đúng 3 giờ chiều. Những đơn xin thi phải đệ lên Văn phòng Hiệp -Thiên-Đài ngày 14 tháng chạp Tân -Mão là ngày chót.

Điều thứ 2: Thể thức thi Nhạc Sĩ là: Biết cầm một cây đàn và trọn hiểu Nhạc khi có Tiểu đàn và Đại đàn, Nhạc trong tiệp giá. Thể thức thi Bếp Nhạc là: Biết trọn nghi lễ và nhạc nghệ về tài tử.

Điều thứ 3: Ban Giám khảo trong cuộc thi này là:
Bảo-Thế Tông thơ-ký Chánh trị đạo: *Chủ tọa*

Nhạc sư Võ văn Chở: *Giám-khảo*
Giáo-Hữu Thái-Huờn Thanh: *Giám khảo*.

Chí-Thiện Lê-văn-Phuông: *Giám khảo*

Điều thứ 4: Vị Bảo Thệ Tông Thơ Ký Chánh Trị
Đạo và Chức sắc có danh sách trong Ban Giám khảo, các
tư kỲ phẬn, lÃnh thi hành Thánh Lịnh này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 9 tháng 12 Tân Mão.

(Dương lịch 5-1-1952)

HỘ PHÁP

(Ấn ký)



Tiếp Dẫn Đạo Nhơn 接引道人

Có hai trường hợp:

1- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn là
một phẩm Chức sắc cao cấp Hiệp-
Thiên-Đài, kế dưới Thập nhị Thời
Quân (*Tiếp*: Nhận lấy, đón nhận,
tiếp rước. *Dẫn*: ẫn dắt. *Đạo*
Nhơn: người đạo).

2- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn:
đối phẩm với Phối Sư của Cửu
Trùng Đài. Nhiệm vụ, quyền hành,
thăng thồng và Đạo phục của
Tiếp Dẫn Đạo Nhơn được qui định

trong Hiến Pháp Chức sắc Hiệp Thiên-Đài.

Vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đầu tiên của Hiệp Thiên
Đài là ông Gabriel Gobron, người nước Pháp, là một nhà
văn và nhà báo, có ~~hai~~ hai q uyền sách về Đạo Cao Đài



GABRIEL GOBRON

bằng Pháp văn để truyền bá Đạo Cao Đài nơi ngoại quốc là:

- Histoire du Caodaïsme (Ích sử Đạo Cao Đài), xuất bản năm 1948 tại Paris.

- Histoire et Philosophie du Caodaïsme (Ích sử và Triết lý của Đạo Cao Đài), xuất bản năm 1949 tại Paris.

2. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn là vị Phật cõi Cực-Lạc

Thế Giới: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn là một vị Phật cầm phuonor Tiếp Dẫn, tiếp rước các chơn hồn đắc đạo đến Cực lạc Thế Giới

. Trong Kinh Tam Nguon Giác ÊhĐức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn có giáng cơ cho một bài Thánh giáo sau đây: Ngày 2 tháng 2 năm Nhâm Thân (1932).

THI:

*Tiếp độ hiền luong bước thuận dàng,
Dẫn vào cửa Phật tránh thương tang.
Đạo thành muôn kiếp nhàn vui hưởng,
Nhơn sự màng chi cuộc trái oan.*

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

Diễn dụ:

Bàn tảng tiếp đặng chiếu chỉ lâm đàm cho cả thiện nam tín 尤 ít lời diễn dụ: Khuyên sớm lo tu hành, lo bồi âm chất, sửa mình cho vẹn vẻ, tam cang ngũ thường đừng sót.

Phàm muôn gàn đặng Tiên Phật thì phải trì tâm học đạo, hiểu nghĩa vi tiên, tình sư nghĩa đệ vuông tròn, hóa nhơn mới thuận.

Cái Hồi Long Hoa hào hào, thi người đạo đức, thường phạt công minh, chừng ấy kẻ có cắn Tiên thì Tiên rước, người có duyên Phật thì Phật đưa, còn những người vô đạo vô đức, Thần Tiên cũng thương xót nhưng không thể độ.

Nay Hội Tam Nguơn tuân hoàn sửa dựng, vót bực
hiền lương, đưa hàng thiện sĩ, phong cương sửa trị, lập hội
thái bình, khuyên ~~thần~~ nam tín nữ lo tu: trước tròn nhơn
đạo, rồi mau tính tu hành, ngõ nhὸ phước lớn, vượt qua
khổ hải, sẽ gặp

Thiên đàng, chớ tưởng cuộc thế gian là quê cũ, mê
đắm gây việc trái oan, sau khó trở về Cực Lạc.

THI

*Tang điền thương hải chẳng bao xa,
Khuyên thế lo tu kịp tuổi già.
Danh lợi đường đời như cụm khói,
Công thành cửa Phật tự liên hoa.
Lặng xăng mặt đất lo không cửa,
Thanh tịnh vườn Tiên khỏe vạn nhà.
Nhớ tới Long Hoa giàn sắp đặt,
Bàn tăng vội vã dắt thoàn qua.*

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

THẮNG.



**D- Cảm tưởng của Ngài Ngọc Chánh Phối Sư trong
ngày Khánh thành Bộ nhạc**

Ngày 25-10 Mậu -Thân (dl 14-12-1968) Bộ Nhạc
khánh thành HỌC ĐƯỜNG BỘ NHẠC TRUNG ƯƠNG
để đào tạo nhơn tài cho Bộ Nhạc và cũng để gìn giữ và
phụng sự nền Âm nhạc cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

Trong dịp này, **Ngài Ngọc Chánh Phối Sư** có đọc
lời Cảm Tưởng, trích ra sau đây:

*“Bởi truyền thống của mỗi Đạo là Nho-Tông
Chuyển Thé, Đức Chí-Tôn dùng Nhạc để ché ngự lòng
phàm, hóa lòng người, khiến cho được chí thiện chí mỹ.
Trên sở năng hoát truyền Lễ Nhạc, người Nhạc sĩ nên ghi*

nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn như sau: *Ngày nào Lễ Nhạc được hoàn toàn thì Đạo mới mong thành lập, mà Lễ Nhạc tức nhiên Hội Thánh của Đức Khổng Phu Tử đó vậy.*

Áy vậy, Nhạc sản xuất trong tinh thần, mà tinh thần mới thật là Đạo và trong Nhạc biểu tượng cho sự Lễ, như chúng ta đã thấy một bằng cớ là khi hòa đòn cùng nhau, mặc dù ngón đòn của mỗi người đều khác, sự hay dở, song cái nhịp trường canh là qui củ phải nương theo, nếu không tùng, chẳng khi nào hòa nhạc cùng nhau được, bởi khuôn khổ của Nhạc là hòa, áy là Lễ vậy. Trong tương lai, nơi này sẽ là chỗ đào luyện tinh thần Lễ Nhạc điều hòa của Nho-Tông Chuyển Thé, vì Nhạc có thể lực rất mạnh về đường đạo đức để sửa lòng người cho ngay chính hòa thuận”.

E- Đức Thượng Sanh Quyền Chưởng quản Hiệp-Thiên-Đài ban Huân Từ

Cũng trong ịp này, Đức Thượng Sanh Quyền Chưởng quản Hiệp-Thiên-Đài ban Huân Từ, trích ra đây:

“*Học Đường của Bộ Nhạc đã hoàn thành, đó là một công quả đáng ghi của Chức sắc Bộ Nhạc. Giờ đây, vì Chưởng quản và Chức sắc Bộ Nhạc phải gắng công đào luyện đàn em cho thành tài, đồng thời trau luyện nghệ thuật mình cho đến chỗ tận thiện tận mỹ, trước để phụng sự nền Đạo, sau để nâng cao phẩm giá của Âm nhạc là môn học rất trọng yếu của Khổng giáo.*

Khi mới khai sáng nền Đạo, Đức Chí Tôn rất trọng Nhạc và Lễ, vì cái hay của Lễ là giữ trật tự bên ngoài, cái hay của Nhạc là tạo sự điều hòa để kèm ché tâm tình bên trong cho khởi vọng niệm.

LỄ và NHẠC cùng hợp nhau và nếu giữ đúng nề nếp thì đàn cúng mới nghiêm chỉnh, được bao trùm một bâu không khí huyền diệu thiêng liêng khiến chúng ta cảm tưởng là có Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật giáng ngự để ban ơn cho toàn Đạo.

Trái lại, nếu LỄ không nghiêm, Nhạc không hòa, thì đàn cúng có cái trạng thái hỗn loạn khiến cho người đến lễ bái có một tâm trạng xao xuyến, tinh thần bất định. Đó là một sự thất lễ đối với các Đấng thiêng liêng, và như vậy Đức Chí Tôn không khi nào giáng đàn, tà quái có thể thừa dịp xung nhập gây nên điều rắc rối. Trong nhiều đàn cúng lúc ban sơ, Chức sắc thường bị Đức Chí Tôn giáng cơ quở trách vì đàn không nghiêm, LỄ Nhạc còn khuyết điểm.

Trong năm Ất Tỵ (1965), Đức Hộ Pháp cũng có giáng cơ tại Đền -Thánh dạy Chức sắc Bộ Nhạc nên trau luyện Nhạc điệu vì nghệ thuật còn kém. Sự kém cỏi đó, có lẽ một phần do NHẠC SĨ thiếu tập duyet, hoặc có thụ huấn mà chưa nhuần nhã.

Tôi ước mong mỗi Chức sắc Bộ Nhạc nên lưu tâm để tự mình trau luyện cho đúng mức độ nghệ thuật. Thường thức một bài đòn hay như nghe một bài thi sắc sảo, một câu đòn tao nhã điêu luyện như một câu thi tuyệt bút, có mãnh lực gợi cảm làm xúc động tâm hồn.

Vì vậy thời xưa, các Đấng Đế Vương dùng NHẠC để cảm hóa lòng người trong đạo trị dân, vì NHẠC có thể khiến cho dân trở nên thuần hậu và có thể di phong dịch tục.

Nhạc là món ăn tinh thần đứng đầu trong bốn thú phong lưu của Thánh Hiền thời xưa: Cầm, Kỳ, Thi, Họa, và các bậc Thánh Hiền đã dùng NHẠC để đạt đến lý tưởng cao siêu, giúp ích cho sự an bang tế thế, xây dựng nước nhà. Vì Nhạc có cái thể lực quan trọng như vậy, nên

Đéric Khổng Tử soạn ra Kinh Nhạc và cho đứng vào hàng Ngũ Kinh là: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Ðỗ Kinh Nhạc. Về sau, Ngài làm bộ sách Xuân Thu, nhập với năm bộ sách trước gọi là Lục Kinh.

Sau khi Đéric Khổng Tử mất, kể đến nhà Tần có việc đốt sách thì những Kinh ấy bị thiêu hủy hoặc thất lạc ít nhiều, nhứt là Kinh Nhạc thì mất gần hết, chỉ còn lại có một thiên, sau đem nhập vào bộ Lễ Ký đặt tên là thiên Nhạc Ký, thành thử trong sáu bộ Kinh chỉ còn lại có Ngũ Kinh là: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ và Kinh Xuân Thu.

Tánh của Đéric Khổng Tử hay ưa thích đàn hát. Lúc Ngài ở nước Tề ham học Nhạc Thiều, trong ba tháng say mê cho đến đổi ăn không biết mùi vị. Ngài nói: Ta chẳng ngờ học Nhạc vui đến như thế (Bất đồ vi Nhạc chí chí ư tư dã.)

Khi Ngài chầu lưu ánh thiên hạ thì bên mình không khi nào rời cây đàn Ngũ huyền cầm. Quan niệm của Ngài là tiếng đàn thanh nhã có thể nâng cao tinh thần và trù vững tâm chí siêu nhân của người quân tử. Lúc Ngài bị vây giữa khoảng nước Trần và nước Sái, bảy ngày không nấu ăn, chỉ ăn rau luộc suông, các đệ tử như Tử Lộ, Nhan Hồi, Tử Cống, vv... đều băn khoăn lo sợ cho Ngài, nhưng Ngài vẫn ung dung ngồi đàn hát.

Chúng ta thấy rõ Thánh nhơn trọng dụng Âm nhạc như vậy vì Nhạc nghệ là một bộ môn văn hóa cao đến tột độ và Nhạc Thiều có mãnh lực huyền bí cao siêu, giúp an dân trị nước, cải hóa xã hội.

Du Bá Nha đập nát Dao cầm, thè không đòn nữa vì người bạn tri âm là Chung Tử Kỳ đã mất thì không còn ai biết nghe tiếng đòn của mình. Khổng Minh Gia Cát Lượng mượn tiếng đòn mà lui giặc Tư Mã Ý. Trương Tử Phòng

nhờ có giọng tiêu ai oán mà trong một đêm giải tán tám ngàn đệ tử của Sở Bá Vương tại Cửu Lý San để cho Lưu Bang diệt được kẻ thù chung của thiên hạ, lập nên cơ nghiệp nhà Hán hơn 400 năm.

Công dụng của Nhạc Thiều thời xưa thì cao thượng như vậy. Ngày nay, người ta dùng Âm nhạc làm công cụ cho chủ nghĩa con buôn trên sân khấu, khiến nên Nhạc sĩ vì kế sành nhai phải bán rẻ tài nghệ, làm cái giá trị của Quốc Nhạc phải bị hạ thấp đến cực điểm.

Trong cửa Đại Đạo, chúng ta phải nâng đỡ ngành Âm nhạc, phải bảo tồn nhạc điệu cổ truyền để lưu lại cho đất nước tinh hoa của một nghệ thuật thuần túy, mặc dù cái tinh hoa ấy nay chỉ còn phuơng phát chút dư hương do sự phế cựu hoán tân của giới nhạc sĩ trong nước. Đi ngược với trào lưu thoái bộ đó, chúng ta không nên coi thường môn Âm nhạc và phải cố tâm gìn giữ cái chon giá trị của nó. Dù Nhạc Lễ hay Nhạc điệu tài tử cổ truyền, mỗi môn đều có cái hay riêng đặc biệt. Nếu học Nhạc dù là môn nào, phải có gắng học đến chổ cùng cực uyên thâm, nǎng luyện tập trau giồi để ngày càng thêm tiến triển mới đáng gọi là biết yêu nghệ thuật.

Từ đây, Bộ Nhạc Trung Ương đã có một ngôi Học Đường làm nơi đào tạo nhơn tài, Chức sắc đàn anh trong Bộ Nhạc phải ra công diu dắt Nhạc Sĩ thế nào cho khỏi mang tiếng hưu danh vô thực.

Với sự mong ước nói trên, Tôi xin cầu chúc vị
Chưởng quản và Chức sắc Bộ Nhạc thành công mỹ
mãn để phục vụ cho nghệ thuật và cho nền Đại Đạo”
Nay kính.

THUQONG SANH Cao Hoài Sang



F- BÁ NHA- TỬ KỲ

Trong làng nhạc thì ai ẵng bi ết qua đôi tâm hồn
cảm kích nhau vì họ hiểu được nhau qua tiếng đòn. Đôi tri



âm đó là Bá Nha và Chung tử Kỳ. Nhưng khi Chung Tử Kỳ mệnh bạc thì Bá Nha đòn trước mộ của Chung Tử Kỳ lần cuối, xong rồi đập vỡ đòn và nguyên rằng không bao giờ đòn nữa vì không còn một ai nghe được tiếng đòn. của mình.

Trong văn chương Việt-Nam câu chuyện Bá Nha, Tử Kỳ đã trở thành một điển cố cho là tri âm, tri kỷ để nói lên tình bạn thâm thiết, nghĩa là tình thân mật của một người Bạn hiểu được lòng mình, nghe đư ợc cả tâm tư như chính mình vậy.

Truyền thuyết cho rằng Bá-Nha là một tay đòn điêu luyện, Chung Tử Kỳ nghe được và cảm được tiếng đòn ấy.

Bá-Nha người đời Tống làm quan đến chức Thượng đại Phu, có tài chơi đàn rất giỏi. Thường phàn nàn trong thiên hạ không ai có thể thưởng thức được tiếng đàn của mình. Một đêm trăng sáng, nhân đi sứ ở nước Sở về, lại có gió mát, cảnh vật êm đềm, gợi hứng. Bá-Nha liền cho quân ghé thuyền vào bờ Hàm Dương lấy đàn ra khảy. Trên bờ sông, bấy giờ Tử Kỳ vừa đón cùi về, nghe tiếng đàn trầm bổng liền đứng dừng lại trộm nghe. Cung đàn đang réo rắt đàn lại đứt dây. Bá Nha cho rằng nơi này vắng vẻ, non núi chập chùng, chắc là có bọn trộm đạo chi chăng, liền cho quân sĩ lên bờ tìm bắt. Tử Kỳ vội lên tiếng đáp:

- Tôi là người đốn củi, chợt đi ngang qua đây nghe
Đại nhân gảy khúc đàn hay nên trộm lăng tai nghe chớ
không phải là người bất lương!

Bá Nha không tin một gã tiêu-phu trẻ tuổi lại biết
thưởng thức tiếng đàn tuyệt diệu của mình. Liền hỏi:

- Ta đàn bản gì ban nãy đó?

Tử Kỳ không chút ngần ngại đáp:

- Ngài đàn bản Đức Khổng-Tử thương tiếc Thầy
Nhan Hồi.

Bá Nha có ý trọng người am hiểu tiếng đàn của
mình, liền mới xuống thuyền và lên dây gảy một bản đàn
khác, tâm trí nghĩ mình đang ở chốn non cao. Tử Kỳ khen
hay:

- Tiếng đàn cao vút, chí của Ngài vòi voi ở chốn
non cao (*Nga nga hò, chí tại cao son*)

Bá Nha lại đàn một bản đàn khác, tâm trí lại nghĩ
mình đang ở trên dòng nước chảy, Tử Kỳ lại khen hay:

- Chí của Ngài cuồn cuộn như ~~đ~~ng ~~m~~ óc chảy
(*dương dương hò, chí tại lưu thủy*).

Bá Nha nhìn nhận Tử Kỳ là người Bạn tri âm của
mình, biết thưởng thức tiếng đàn của mình, nên rất quý
mến. Cả hai cùng đàm đạo rất thân mật và rất là tương đặc.
Bá Nha mời Tử Kỳ về Kinh đô nước Tống để chung
hưởng sang giàu. Tử-Kỳ từ chối vì còn cha mẹ già phải
phụng dưỡng, không thể trái đạo làm con. Cả hai cùng hẹn
nhau đến sang năm cùng hội ngộ ở nơi này.

Y hẹn, qua năm sau, Bá Nha vào triều xin với Vua
về thăm quê hương, đến chỗ cũ đem đàn ra khảy, nhưng
không thấy Tử-Kỳ đâu, tiếng đàn lại nghe như oán, như
than. Bá Nha sinh nghi liền tìm đến nhà Tử Kỳ hỏi ra mới
biết Chung-Tử-Kỳ đã chết. Bá Nha thương tiếc vô cùng,
xin đến mộ để viếng thăm người Bạn xấu số một lần cuối

Đến phần mộ Tử Kỳ, Bá Nha đem đàn ra khảy một bản đàn điêu nghe ra bi thảm, bày đồ tế lễ trước mộ Tử Kỳ. Bá Nha khóc than thảm thiết, đàn xong liền đập vỡ cây đàn, thề trọn đời không đàn nữa vì thiếu bạn tri âm.

Về sau, người ta dùng hai chữ “Tri âm” để nhắc đến Bá-Nha Tử-Kỳ. Tri âm có nghĩa là biết tiếng, biết thưởng thức tiếng đàn của mình.

Trong bài “Gửi phuòng hậu tử” làm trong phút sấp lâm chung; nhà Cách mạng Phan Bội Châu có câu:

Đàn Bá-Nha mấy kẻ thường âm?

Bỗng nghe qua khóc trộm lại thương thảm,

Chung-Kỳ chét ném đàn không gảy nữa.

(Hình ảnh trên được chạm khắc trước Đền Thánh)



G--Đức Hộ-Pháp giải rõ về chố hoà-hiép: Nhạc là Hòa

“*Chỉ hòa mới hiệp, hiệp mới có định; mà hễ có định mới có an, bằng chăng vậy sẽ có phản-động-lực. Hễ không hòa túc giục cho phải nghịch, hestation phái ly, mà ly túc nhiên động; hestation động túc nhiên phái loạn. Dẫu cho chúng ta quan-sát về đạo-lý-học, triết-lý-học, tâm-lý-học, cách trí-học, ta thấy quả quyết cơ quan tạo doan hữu-hình trước mắt ta nếu không tùng khuôn luật điệu hòa: Bàn Đạo tưởng càn-khôn vũ-trụ này đã tiêu diệt. Dẫu cho về đạo-lý-học, ta ngó thấy khởi đầu nếu cái nguồn-linh của Đức-Chí-Tôn không hòa-hợp với nguồn-âm của Phật-Mẫu thì Thái-cực chưa ra tướng; Hestate Thái-cực chưa ra tướng túc nhiên càn-khôn vũ-trụ này không ra gì hết.*

“*Chúng ta ngó thấy hành tàng tạo-doan trước mắt ta là sự điệu-hòa trong thân thể và triết-lý đạo-giáo ta biết rằng: nếu ta không đoạtặng bảy khỏi sanh quang thiêng*

liêng kia đặng tạo thành xác thịt thì ta không có. Ta không sanh ở đây: nói gần hơn nua nhứt điểm tinh-thần của Cha ta không hiệp với huyết bồn của Mẹ ta, thì tức nhiên không có sự hiệp-hòa cả khuôn luật tạo-doan này.

“Áy vậy chúng ta nương nơiđó khíđ ặng hay không? Cả cơ bí-mật của ta đều cả hình thể tạo-doan, ta ngó thấy con vật trước mắt ta nếu không hòa thì không có cảm-ứng, không hòa chắc cơ thể tạo-doan không có nam nữ; cốt yếu sanh nam nữ đặng hiệp-hòa nhau tức nhiên sanh sản loài người. Ngoài ra nữa ta đã ngó thấy, nếu như không có diển-lực diều-hòa do thiêng-liêng định; tức nhiên Bàn-Đạo dám chắc chưa có Thánh-Đạo. Bởi có ai thuận với ai đâu ! Các chủng-tộc cũng nương theo khuôn luật hiệp-hòa ấy mới tồn-tại, mới hiệp chủng tộc được.

“Về triết-lý-học chúng ta ngó thấy nhiều phản-ảnh nó không thể gì in nhauđư ợc. Hễ hiểu đặng quyền-năng của Đạo tỳ như: lửa và nước, hai món ấy không thể gì gần nhau được, như chúng ta thấy máy tàu, trước khi đã tìm ra năng-lực của nước, hiểu được như hơi nước, nó sẽ có cái quyền lực xô đẩy cả súc nặng 30.000 tấn; quả nhiên trước mắt chúng ta thấy, hiện tượng không thể chối đặng.

“Cái diển-lực thiên-nhiên, ta thấy khí âm dụng với khí dương thành ra sấm sét, lửa sét ấy do noi diển dương dụng với diển âm biến ra khói lửa. Nó mạnh thế nào chúng ta ngó thấy không thể gì tưởng-tượng được. Dem diển âm để riêng ra cách bức diển dương, hai cái dung nhau dữ dội lắm. Ta thấy áp-lực của hơi nước thế nào, tức nhiên ngày nay ta thấy không phải là diển-lực. Bây giờ ta có phương-pháp thâu đặng, thâu chúng lại làm ngọn đèn sáng-suốt.

“Cả tinh-thần quốc-gia xã-hội hay là Đạo-giáo, thiên-nhiên cũng vậy. Cái khuôn luật hoà là cái khuôn luật

tạo ra càn khôn vũ trụ, có nhiều cơ-quan phản-khắc nhau. Ta có quyền nào làm cho nó hiệp lại thì cơ-quan tạo-đoan nắm trong tay, ~~ving~~ như chúng ta ngó th ấy, không thể tưởng-tượng hai khói sức mạnh thiêng-liêng làm ra ngọn lửa. Ngọn lửa ấy nó soi-sáng trong tâm-tình hiện tượng.

“Khi xưa xã-hội nhơn-quản trên mặt địa-cầu này ta ngó thấy, các bộ-lạc tàn-bạo cùng nhau. Tại sao ? Tại nơi cơ thể hữu hình không làm thỏa mãn loài người.

“Hại thay! Cơ-quan hữu hình không làm thỏa mãn tâm lý loài ngời, từ thuở đến giờ với tinh-thần ấy chỉ có nương theo Đạo-giáo và biết thật thi, biết định hướng, biết tự chủ, biết định-phận mình trong thân sống; ngày nay Đạo-giáo trên mặt địa-cầu này hết quyền-năng vi chủ, hoàn cảnh quá khổ não của loài ngời, tuồng đời thảm khổ càng tấn tới, thấy cái sống càng khó-khăn, nền văn minh càng tiến lên một bước, thì khói thảm khổ của loài người càng thêm nữa. Hồi đương buổi bây giờ, ngó các chủng-tộc đối nại nhau, tranh sống với nhau, phản khắc nhau.

“Bàn-Đạo đã nói hồi nãy, nếu không hòa nhau đặng, tất nhiên phải nghịch, hễ nghịch tất nhiên phải ly; hễ ly tất nhiên phải xao động; hễ xao động tất có loạn lạc.

“Bây giờ hỏi muốn tìm giải-pháp để cứu tình thế, chúng ta để thử tinh thần, trí não suy đoán xem ta th ấy rằng: không hòa mới có nghịch, mới có ly, như không đồng tâm, đồng chí, đồng sống cùng nhau thì tức nhiên có xao động. Bàn-Đạo nói cả vạn quốc đó vậy; Động tức nhiên phải loạn.

“Bây giờ muốn tìm phương -pháp trị loạn đặng phải phương chiêu an ninh đương đặng, mình phải giải thoát nó; đương ly cách ~~inh~~ tìm phương hối hiệp; bây giờ nó đương nghịch, mình tìm phương-pháp hòa nó vậy”.

IV-NHỮNG ĐIỀU TRỌNG YẾU

A-Lễ Nhạc là gì ?

A: The rites and music.

P: Les rites et la musique

(Tham khảo thêm tài liệu của Hiền tài Hồng ba tiết 1, 2, 3)

Lễ Nhạc 禮樂 là Lễ nghi và Âm nhạc (Lễ là cách bày tỏ sự tôn kính bằng cử chỉ hay bằng cúng tế, cuộc lễ có nghi tiết. Nhạc: âm nhạc)

Lễ và Nhạc trong Đạo Cao Đài được Đức Chí-Tôn xem rất quan trọng, cho nên ngay từ khi mở Đạo, Đức Chí Tôn đã nhiều lần giáng cơ dạy về Lễ và Nhạc.

Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu từng phần một.

1- LỄ 禮

Chữ Lễ, trước tiên dùng với ý nghĩa là các hình thức cúng tế, cầu Thần linh ban phước và cúng tế Tổ Tiên. Sau đó, chữ Lễ được dùng rộng ra bao gồm những phép tắc phù hợp với phong tục và tập quán của dân chúng trong việc quan, hôn, tang, tế. Sau nữa, chữ Lễ có nghĩa thật rộng, gồm cả quyền bính của vua và cách thiết chế các hành vi của dân chúng cho thích hợp lẽ tự nhiên của Trời Đất.

Thế nên, Kinh Lễ của Nho -giáo viết rằng: “*Lễ giả, Thiên chi tự*” Nghĩa là: Lễ là cái trật tự của Trời. Do đó, Nho giáo rất chú trọng về Lễ và dùng Lễ vào 4 mục đích sau đây:

1/- Dùng Lễ để hàm dưỡng tánh tình.

Dùng Lễ để tạo thành một không khí đạo đức trang nghiêm, dần dần biến thành một tập p-quán tốt, khiến người ta làm điều phải một cách tự nhiên mà không cần suy nghĩ. Vào nơi đền chùa, thấy khung cảnh cúng bái trang nghiêm,

tự nhiên sanh lòng tôn kính. Vào chỗ đám tang, thấy cái không khí ảm đạm thê lương, tự nhiên sanh lòng bi ai.

Vậy nhờ Lễ mà con người được khơi dậy những tình cảm tốt đẹp cao thượng.

2/. Dùng Lễ để giữ tình cảm thích hợp đạo Trung dung.

Dùng Lễ để giữ tình cảm của mình không cho thái quá mà cũng không cho bất cập, theo đúng đạo Trung Dung. Nhờ vậy, thể xác và tinh thần của con người được quân bình, hành động lúc nào cũng được sáng suốt và chừng mực.

Đức Khổng Tử bảo Nhan Uyên là người đã hiểu rõ đạo Nhân hơn người là do Lễ: “*Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*”. Nghĩa là không phải Lễ chớ nhìn, không phải Lễ chớ nghe, không phải Lễ chớ nói, không phải Lễ chớ làm.

3/- Dùng Lễ để định rõ lẽ phải trái, tình thân và trật tự trên dưới phân minh. Nhờ Lễ mà ta phân biệt được kẻ thân người sơ, kẻ nhỏ người lớn, vì Lễ qui định sự đối xử khác nhau rõ rệt. Do đó không còn chỗ hiềm nghi, định rõ lẽ phải trái.

Nhờ Lễ mà định được Chính danh, có Chánh danh mới định phận cho thích hợp. Do đó có tôn ti trật tự, phép tắc luân lý từ gia đình đến xã hội, tạo nên một xã hội trật tự thái bình.

4/- Dùng Lễ để tiết chế lòng dục.

Dục vọng của con người thì không cùng và lúc nào nó cũng đòi hỏi phải làm cho nó thỏa mãn. Nếu không dùng Lễ để ché giãm, tất dục vọng sẽ làm con người hư hỏng. Dùng Lễ để ché giãm mà còn hướng dẫn dục vọng vào chỗ cao thượng nữa.

Lễ và Pháp luật đều có mục đích ngăn chặn sự hư

hỏng và tội lỗi của con người. Nhưng Lễ có ưu điểm là nó có thể ngăn cản những việc làm lỗi chưa xảy ra, còn dùng pháp luật là để trừng trị những việc tội lỗi đã xảy ra rồi. Do đó, Thánh nhân ợng Lễ hơn trọng hình phạt. Pháp luật tuy phải đặt ra, nhưng dùng sự giáo hóa về Lễ mà ngăn chặn trước sự phạm tội mới là ưu việt.

Tóm lại: chữ Lễ trong nghĩa rộng có bao hàm tính chất pháp luật. Nhưng Lễ chú trọng về mặt giáo hóa và ngăn ngừa sự hư hỏng, phạm tội; còn Luật pháp thì chú trọng trừng phạt những hư hỏng và phạm tội đã xảy ra.

Lễ thì dạy người ta nên làm điều gì, không nên làm điều gì và tại sao như thế. Còn Luật pháp thì cấm không cho làm việc này, việc nọ, hễ vi phạm thì bị trừng phạt.

Người làm trái Lễ thì bị chê cười, có tính cách trừng phạt về mặt tinh thần, người làm trái pháp luật thì bị trừng phạt về thể xác.

Thánh giáo:

*Lễ là hạnh nét của Thần Tiên,
Phải giữ lễ nghi thật vững bền.
Trước mắt phàm tuy trông chẳng thấy,
Chín từng lòng lòng Đáng bè trên."*

2- NHẠC:

Nhạc là sự hòa hợp của các thứ âm thanh mà tạo thành, thể hiện sự rung cảm của lòng người đứng trước ngoại vật, hay nói khác đi, chính sự rung cảm trong lòng người mới tạo thành tiếng Nhạc.

Khi người buồn thì tiếng nhạc có âm điệu bi ai; khi người vui-vẻ phấn chấn trong lòng thì tiếng nhạc nhanh, dồn dập, vui tươi; khi ngoại cảnh sanh lòng yêu mến thì tiếng nhạc hòa nhã dịu dàng. Ngược lại, tiếng nhạc có thể cảm hóa lòng người, khiến người nghe rung động theo nó, như khi nghe nhạc réo rắc thanh tao thì người nghe có ý

nghĩ cao thượng, khi nghe nhạc giựt gân, dâm ô thì người nghe có ý nghĩ thấp hèn.

Nhạc có thể lực rất quan trọng như thế nên bực Đế Vương thời xưa như vua Thuấn dùng Nhạc để hóa dân, khiến dân trở nên lương thiện.

Sách Nhạc Ký có viết: Nhạc là cái vui của Thánh nhân, mà có thể khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và làm cho phong tục dời đổi được.

Cho nên Tiên Vương mới đặt ra việc dạy Nhạc.

Nhạc cũng phải giữ lấy đạo Trung dung, dấu vui cách mảy cũng không làm mất cái chánh, dấu buồn cách mảy cũng không làm mất cái hòa. Như thế Nhạc mới điều hòa tánh tình của con người.

3- SỰ PHỐI HỢP NHẠC và LỄ:

Nhạc và Lễ đều có cái chủ đích chung là sửa đổi tâm tánh con người cho ngay chánh, đi dưỡng tình cảm cho thuần hậu. Nhưng mỗi bên có cách thức riêng biệt.

-Lễ cốt ở sự cung kính để giữ cho trật tự phân minh,

-Nhạc cốt ở sự điều hòa khiến cho tâm tánh được tao nhã.

Do đó, Lễ và Nhạc cần phải phối hợp với nhau thì mới thành tựu mục đích tốt đẹp. Nếu có Lễ mà không có Nhạc, tức là có Kính mà không có Hòa, thì nhơn quẫn ở với nhau có sự phân biệt thái quá, nên chia rẽ xa cách. Nếu có Nhạc mà không có Lễ, tức là có Hòa mà không có Kính, thì thành ra dễ dãi khinh lờn.

Vậy nên, có Lễ phải có Nhạc, có Nhạc phải có Lễ, để cho cái này bổ khuyết cái kia thì mới tạo được sự điều hòa tốt đẹp và một trật tự ổn định trong xã hội.

Lễ và Nhạc có ý nghĩa rất sâu xa và có tác dụng mạnh mẽ về đường đạo đức, vì một đàng khiến cho tâm tánh ở bên trong và một đàng khiến cho sự hành động ở bên ngoài, ốt cho trong ngoài hòa thuận. Trong hòa là

làm cho tâm tánh được điều hòa, ngoài thuận là làm cho hành vi cử chỉ thuận theo đạo lý, hợp lòng người. Trong và ngoài được như thế thì cái tà tâm và dục vọng không có cơ hội phát triển và dần dần sẽ biến mất, nhường chỗ cho Thánh tâm và những dục vọng thanh cao.

Nhưng Đức Khổng Tử lại nói: “*Nhơn nhi bất nhơn như lễ hà? Nhơn như bất nhơn như nhạc hà?*” nghĩa là: Người mà không nhơn đức thì làm sao dùng Lễ được? Người mà không nhơn đức thì làm sao dùng Nhạc được?

Ý của Đức Khổng Tử nói rằng: Dầu Lễ và Nhạc có hay đến bực nào đi nữa mà người dùng Lễ và Nhạc không có lòng nhơn đức thì cũng không có hiệu quả gì. Có nhơn đức tức là có tình cảm dồi dào, có trực giác mẫn huệ, rồi lấy Lễ Nhạc mà khiến thì công dụng của Lễ Nhạc rất hay; còn nếu không có nhơn đức mà đem dùng Lễ Nhạc thì chỉ là cái hу văn kêu cách trống rỗng mà thôi, không có tác dụng gì.

Đức Khổng-Tử chủ trương Lễ Nhạc cũng phải trung dung, không nghiêng hẳn về bên Lễ, cũng không nghiêng hẳn về bên Nhạc, vì: Nhạc thẳng hóa bừa bãi, Lễ thẳng hóa chia lìa. Khiến thích hợp tánh tình, phục sức và dung mạo là công việc của Lễ Nhạc.

Lễ Nhạc còn có địa vị trọng yếu trong phép trị nước và được đặt ngang hàng với Hành chánh và Hình pháp.

Lễ để chỉ đạo ý chí, Nhạc để điều hòa thanh âm, Hành chánh để thống nhứt hành động, Hình pháp để ngăn ngừa tội ác. Lễ Nhạc, Hành chánh, Hình pháp có mục đích cuối cùng là một, tức là thống nhứt lòng dân để thực hiện nền thanh trị”.

Ý của Đức Khổng Tử và các bậc Thánh xưa dùng Lễ Nhạc cao siêu như thế, nhưng lần lần, từ đời nọ qua đời kia, Nhạc và Lễ biến đổi theo tình đời và trở nên sái hết cả.

Lễ thì biến ra thêm phiền toái mà không giữ được sự Kính làm gốc, Nhạc thì biến ra đủ thứ đủ loại mà không giữ được sự Hòa làm gốc. Con người không được Nhạc Lễ hướng dẫn và kèm ché nên đã bị dục vọng vật chất lôi cuốn đến chỗ thấp hèn, đang tiến vào hố sâu vực thẳm.

May mắn thay cho nhơn loại! Nhứt là hữu hạnh cho dân tộc Việt Nam, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế khai sáng Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ tại nước Việt-Nam, Đức Chí-Tôn rất chú trọng về Lễ Nhạc, nên Đức Ngài đến để chỉnh đốn Lễ Nhạc lại cho hoàn toàn.

Trong Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyên, Đức Chí Tôn dạy về Lễ Nhạc rất kỹ, đôi khi Đức Chí Tôn phải giáng linh vào Cao Thượng Phẩm để biểu diễn về Lễ cho các Môn đệ nhìn thấy tận mắt rõ ràng mà học tập làm theo.

Lễ và Nhạc do Đức Chí Tôn lập ra, trên nền tảng cái cũ là Cỗ lễ và Cỗ nhạc của Nho giáo, để làm ra cái mới, khiến cho cũ và mới hoàn toàn dung hợp nhau, làm cho Lễ Nhạc trong Đạo Cao Đài có những nét độc đáo, sử dụng có hiệu quả nhứt, để đưa nhơn loại trở về con đường đạo đức chơn chánh.

Nơi Văn Phòng Lễ Nhạc Đường trong Nội Ô Tòa Thánh có đôi lối Lễ Nhạc:

**LỄ dĩ địa trần minh định nhân gian tôn trật tự
NHẠC do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ điều hòa**
禮 以 地 陳 明 定 人 間 尊 秩 序

樂 由 天 作 宣 通 世 界 主 調 和

- Lễ lấy sự bày ra trên mặt đất mà ché thành, định rõ phẩm bực con người nơi thế gian, kính trọng sự trật tự,

- Nhạc do Trời làm ra, bày tỏ cho thế giới thông hiểu nhau, chủ yếu là sự điều hòa.

B-Thanh âm và tiết điệu của Nhạc:

1-NHẠC (Fr : MUSIQUE) là thanh âm có tiết điệu dễ nghe Như hát, đàn, trống, kèn. Một âm LẠC là vui mừng. Đủ thấy Nhạc là một sự thoái-mái, vui hưng trong lòng.

NHẠC là một trong Ngũ -Kinh: THI, THU, LỄ NHẠC, DỊCH, XUÂN THU nhưng qua thời đại của Tần Thủy-Hoàng với chánh sách « Phản thư khanh Nho» tức là đốt sách chôn học trò, nên ngọn lửa Tần đã thiêu rụi tất cả chỉ còn lại bộ KINH DỊCH mà thôi, vì nhà Tần cho rằng đây chỉ là sách bói toán, không đáng quan ngại.

Thật ra:

“Bộ kinh NHẠC của KHÔNG-TƯ đã san định, nay chỉ còn có một ít trong thiên Nhạc-Ký, chép ở trong bộ Lê Ký. NHẠC được hiểu theo ý của cổ-nhân: NHẠC là do ÂM mà sinh ra. Cho nên mới hình ra ở cái THANH, những thanh tương ứng cùng nhau rồi biến ra thành phuong, tức là thành cung bức, trong, đục, cao, thấp, gọi là ÂM..

Âm chia ra làm năm bức là: Cung, Thuong, Giốc, Chûy, Vũ (Năm âm ấy theo luật Hoàng-cung gọi là năm chính thanh và hai biến thanh là biến Cung và biến Chûy, có khi gọi là thanh Văn và thanh Vũ, gồm tất cả là bảy thanh, nhưng khi nói ÂM-NHẠC thì **thì** ởng chỉ 5 âm chính, chứ không nói bảy thanh. Đem các âm so vào những Nhạc-kí để đánh ra tiếng: Kim, Thạch, Ty, Trúc : những đồ múa là **Can** 千 (khiên), **thích** 戀 (búa), **vũ** 羽 (lông chim sẻ), **mao** 旄 (lông đuôi bò) và những thi phú ca vịnh, gồm tất cả gọi là NHẠC.

Vậy nghĩa chữ NHẠC nói chung cả chuông trống, đàn địch, múa hát và văn thơ.

NHẠC với lòng người cảm-hóa lẫn nhau:

- Một là bởi lòng ngài ời cảm xúc ngoại cảnh mà thành ra tiếng NHẠC.

- Hai là tiếng NHẠC cảm lòng người rồi khiến lòng người theo tiếng NHẠC mà biến đi, như:

- Khi ngoại cảnh đau đớn thì lòng ngài ời thương xót, trong lòng đã thương xót thì thanh âm nghe tiêu-sái.

- Khi ngoại cảnh tốt lành tắt là trong lòng vui-vẻ thì thanh âm nghe thông-thả, êm-đềm.

- Khi ngoại cảnh thỏa thích, trong lòng hồn-hở thì thanh âm nghe hể-hả.

- Khi ngoại cảnh có điều không lành, trong lòng tức giận thì thanh âm nghe thô-thiển dữ tợn.

- Khi ngoại cảnh trông thấy tôn-nghiêm thì thanh âm nghe chánh-trực, nghiêm-trang.

- Khi ngoại cảnh làm cho sanh ra lòng yêu mến thì thanh âm nghe dịu dàng, hòa nhã.

2- NHẠC LÀ HÒA

Nhân-loại hoà không theo định-luật của vũ-trụ và vạn-vật.

Vì ở đây không phải trạng-thái Âm Dương. Hoà để sanh-hoa. Nhân-loại hoà để thuận; hoà nhưng vẫn giữ nguyên sắc-thái riêng nên gọi là Tập-thể-hoà.

Trạng-thái tập-thể-hoà giống như sự hoà đan, hoà nhạc (Hoà âm, lập ngôn). Trong dàn nhạc, mỗi Nhạc-sĩ tự do phát huy tài-nghệ; nhạc-cụ tự-nhiên trỗi giọng thanh tao, nhưng đồng theo nhịp nhàng trầm bổng, tạo nên một bản hòa tấu êm tai, phấn chí.

“Thầy nói: Vạn vật trong càn-khôn vũ-trụ có tác dụng tương-đối nhau. Vật này ảnh-hưởng đến vật kia một cách mật-thiết cho đến đổi trước mắt Thầy tắt cả là một bản nhạc đại-hòa toàn vǎng toàn thiện, để riêng rẽ thì

không một vật nào hoàn-toàn, nhưng hợp nhất lại thành một khối linh-diệu vô cùng. Lẽ Đạo là như thế.

“Giữa các con và một hạt cát, chưa một vật nào hơn một vật nào. Vạn-vật thấy đều có cái lý riêng của nó. Càng phân-tích lại càng chia rẽ, mà càng hoà-hiệp lại càng qui nhứt. Cười! Lý Đạo nhiệm-màu như thế, con hãy rõ cái lý chơn thật để suy gẫm.

“Một mùa Xuân không phải chỉ gồm có mây lành, trăng sáng, hoa đẹp, gió trong mà gồm cả những đám hoa gai gốc, những ánh nắng gay-gắt lẩn dịu-dàng, những dòng sông uốn khúc, những tâm lòng hờn-hờ cũng như những nỗi-niềm đau thương. Xuân là tất cả những hương sắc của đất trời hoà-hợp lại. Xuân là tất cả những nét đẹp và xấu hoà lẫn nhau trong đó thể hiện sâu xa nhất cái đẹp vĩnh-cửu và ngự trị trên ấy một ánh dương quang. Tóm lại Xuân là khoảng thời-gian thịnh sáng của một chu kỳ thời gian lẩn không gian. Đó lý Đạo nhiệm-màu là thế.

“Trong tốt có xấu, trong xấu có tốt, nhiều cái xấu tạo nên cái tốt, nhiều cái tốt tạo nên cái xấu mới lại do những cái gọi là xấu ấy hoà-hiệp nhau thành điểm tốt hoàn-toàn.

“Còn phân tán là còn luân lạc ra đi, khi hoà-hợp là lúc đầm-ấm trở về. Di, về mãi mãi cho cùng tận càn-khôn để chơn-linh mãi cao-trọng đó là ý chơn-chánh nhất của Đạo-màu.

“Tôn-giáo ở địa-cầu tuy nhiều như thế và dường phản-khắc nhau nhưng sự thật vẫn hoà-hợp lẩn nhau. Nếu không có sáo, không trống, không kèn, không đàn, không nhịp phách, không dễ chi tạo bản Đại-hòa.

Nhiều chơn linh tần-hóá không đồng đều thì có nhiều Tôn-giáo mở ra để thích hợp cho trình-độ của họ, Thầy cho mở Đạo cùng khắp các nơi không khác nào Thầy

cho nhiều trẻ đi học tùng phần, tùng cách xử-dụng nhạc cụ, để một ngày nào đó họp lân nhau lập thành một phiên Đại-Nhạc-hội.

- Phiên Đại-hội áy ngày nay chính là Hội Long-Hoa.
- Bản Hoà-tấu áy là bản Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ.
- Nơi Đại-hòa-tấu áy là Tòa-Thánh Tây-ninh tại nước Việt-Nam của các con”.

Ngày nay, Đức Chí-Tôn mở Đạo dùng cả Âm, thính, sắc, tướng, để cảm hóa nhân-tâm không gì bằng Âm-nhạc. Lại nữa linh-hồn của Đạo phải kể đến: Nhạc, Lễ và Đồng-nhi, tức là hồn của thi thơ đó vậy. Lời tựa trong kinh Thi đã diễn-tả được tinh-thần áy:

“Khi hoài-bão còn ở trong tâm của người là Chí, phát ra lời là Thi.

Tình đ-ộng ở trong mà diễn ra bằng lời, lời thấy chưa đủ thì ta ta-thán. Ta-thán thấy chưa đủ, thì ta ca vịnh. Ca vịnh thấy chưa đủ, thì bất-giác tay ta múa, chon ta nhảy.

Tình cũng phát-động ở trong mà diễn ra bằng âm thanh. Âm-thanhs thành bài gọi là âm-nhạc:

- Nước trị thì âm-nhạc yên và vui, chánh-trị được điều-hòa,

- Nước loạn thì âm-nhạc oán và nô, chánh-trị bị ngang trái,

- Nước mát thì Âm-nhạc buồn và rầu, dân-tình khốn đốn.

Bởi vậy, chính-đỉnh àn hay m át, làm động đến thiên địa, cảm đến qui thần, không gì bằng Kinh Thi”.

Từ khi mới mở Đạo, Đức Hộ-Pháp đã chú-ý đào luyện cho bộ Nhạc về môn Âm-nhạc cổ-truyền, Đức Ngài ban Thánh-lịnh cho Clirc -sắc Bộ Nhạc để đi hành Đạo địa-phương và giải-thích về giá-trị cần-thiết của Nhạc:

Nhạc 樂 là cái gì đặt bên trên âm-thanh.

Thanh 聲 là một tiếng kêu nào bắt cứ. Khi tiếng kêu đó có văn-vẻ, tiết-điệu thì gọi là **Âm 音**. Khi âm đó đưa tới Đức gọi là Nhạc.

“*Thanh văn chi vị âm, đức âm chi vị nhạc*”

聲聞之謂音德音之謂樂

Con vật mới biết thanh mà chưa biết âm (tạm nói theo thông lệ). Người thường chỉ biết âm mà chưa biết nhạc. Chỉ có bậc quân-tử mới biết được Nhạc túc là cái đức của âm-thanh. Cái Đức đó là Hoà. “Nhạc dù thiên địa đồng hoà” 樂與天地同和

Cái chính cốt của Nhạc là ở chỗ Hoà với thiên-địa. Muốn cho “chí đức” “chí Hoà” thì phải thấu triệt cả cái hoà hàng ngang ưng như hoà hàn g dọc. Chính là chữ thập+ đó vậy.

3-LỄ NHẠC là phần trọng-yếu của Khổng-Giáo

LỄ-NHẠC quan hệ đến luân-lý, phong-tục và chính-trị rất mật-thiết lắm, cho nên các Nho gia tìm cái căn nguyên ở trong đạo tự-nhiên của trời đất.

- LỄ là trật tự của Trời Đất
- NHẠC là cái điều-hòa của Trời Đất.

Hai bên dung-hòa nhau thì mới hoàn-toàn được. Nếu có LỄ mà không có NHẠC thì nhân quẫn ở với nhau thành ra phân-biệt thái-quá nhân tình bất thông; có NHẠC mà không có LỄ thì thành lру đâng, khinh nhòn.

Vậy nên có LỄ phải có NHẠC, để cái nọ chế cái kia thành điều-hòa. Vì một đường thì khiết tâm-tình ở

trong, một đường thì khiến sự hành-vi ở ngoài, cốt cho trong HOÀ ngoài THUẬN.

- Cái cùng-cực của NHẠC là HÒA
- Cái cùng-cực của LỄ là THUẬN

Nếu trong lòng mà tính-tình điều-hòa và ở ngoài mà hành-vi thuận hợp nghĩa -lý thì cái tà-tâm vọng niệm còn vào thế nào được lòng người ta nữa.

Vậy nên Thánh-Nhân dạy người cốt lấy LỄ-NHẠC làm trọng (ĐHP)

4- Lời Thỉnh giáo:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHÔ ĐỘ (Tam thập bát niên) TOÀ THÁNH TÂY NINH

Kính Đại-Huynh Tết -Pháp Hiệp-Thiên-Dài.
Tê-sĩ Tiếp Lễ Nhạc-Quân trân trọng giải đáp 3 câu hỏi của Đại-Huynh sau đây.

1. Dàn-Trống-Quan nghĩa là gì ?
2. Tại sao từ Phối sư trở xuống đưa linh-cữu có Dàn Bắc.?
3. Tại sao có khác nhau?

Xin giải đáp:

1-Dàn-Trống-Quan là môn Võ-Quốc-Thiên ối cỗ của Việt Nam.

a/- Đời thi từ Đế vương trở xuống Tam-Công

Đạo thi từ Đầu-Sư trở lên đến Giáo -Tông và Hộ Pháp được ngự hưởng bài Trống Quan

b/-Định nghĩa của Dàn-trống-Quan dùng trong nghi lễ đưa và rước.vv

2- Từ Phối-Sư đổi xuống khi qui vị phải còn hành nghi lễ chèo-hầu và chèo đưa.

Khi chèo đưa, ~~nh~~g tổng -trạo và Dàn-đòn trên thuyền Bát-Nhã thay cho Dàn-Nam, đó ~~ày~~. Dàn-Bắc là tiền phong hướng đạo.

3- Chỗ khác nhau là từ Đầu-Sư trở lên khi qui vị kỵ Long-Mã, không chèo ~~ầu~~, không chèo -đưa phải có dàn Nam thay cho Tông Trạo vv

Từ Phối-sư ~~t~~ xuồng còn chèo -đưa nên không được dùng Dàn-Nam, để tránh sự gây rối thính âm giữa Dàn-nam và Dàn đòn trên thuyền Bát -Nhã.

Thura Đại huynh,

Lời Lê Tệ sĩ biện minh trên đây là chính ~~n~~hình Đức Hộ-Pháp khi xưa đã dạy Tệ-sĩ với khẩu lệnh.

Bởi, từ ấy đến nay tuân theo khẩu lệnh Đức Ngài mà thi hành chó không có Văn chỉ truyền ký.

Thành thật kính đệ Ngài ngự lâm.

Nay Kính, Toà-Thánh, ngày 20-09-63

TIẾP LỄ NHẠC QUÂN

(Ký tên đóng dấu)



C- CHÍNH ĐÓN CÁC THÚC LỆ CÚNG KIẾN

Đạo Sứ của Bà Hương-Hiéu có ghi:

CHÚ GIẢI: Ngoài các thúc-lệ chỉnh đàn hành-lễ phải cho y một kiểu vở, phải định thêm lễ-nghi về quan, hôn, tang, tế, buộc các nơi phải tùng theo một luật-lệ, pháp giải-oan, phép tắm-thánh cũng vậy

Về NHẠC cũng phải chỉnh-đốn, nhứt là giọng đọc kinh của đồng-nhi phải phân biệt ba giọng: Ai, Xuân và Đảo Ngũ Cung. Hơi đọc kinh có ảnh-hưởng nhiều về sự HOÀ-BÌNH êm-tịnh và phát thanh của THÁNH-THẮT sở tại, cứ tụng một hơi ai-oán thì không khác nào cầu sự khố

não cho THÁNH-THẤT mình (Đạo sú II).

Thầy dạy :

“LỄ NHẠC chẳng hoàn-toàn, nhiều đúra cậy tài học
giỏi lượm-lặt sách xả rác hủ Nho, mong bài bác đăng vinh
mặt. Thầy bây giờ chỉnh đé phúc Thiên-Điều hành luật, ai
biết nguồn cội vội sửa mình mới mong thoát khỏi tà ma,
mà đi cho cùng bước Đạo.

Uống thay! Nền Đạo chẳng phải hư, ngày nay
không phuơng tái lập, THẦY giao cho mấy đúra, vì Đạo vì
đời khá hiệp trí chung lo, họa may mới với người đăng
muôn một.

Con được phép cho mấy anh ... coi Thánh giáo của
THẦY. Thầy cho các con hay rằng: **Đại-LỄ TÒA-THÁNH**
chẳng hoàn toàn theo cách thức dạy trước đây thà
biết rằng: có tà-quái chứng mà thôi nghe! (9-1 Canh Ngọ)

Bảo-Văn-Pháp Quân bạch: ..

- Được! nhưng ờn sơ sót, món nào li ệu chẳng có
ích, thì nên ché giảm, trừ ra NHẠC phải giữ cho toàn, đì
LỄ cho có vẻ nghiêm-nghi, áy là hai món đại khái đó.

“NHẠC còn chưa đủ thể cách, đòn đé rước chư
TIÊN THÁNH không phải vậy là đủ, người Nhạc-công
phải ăn mặc tinh-khiết. Sắp đặt vào khỏi NHẠC phải có
thứ lớp phân minh, chớ chẳng phải muốn đòn bài chi cũng
đặng, áy là trái Thánh-ý đó. Phải sắp đặt lại nghe à!

Nơi Đàn nào mà khác hơn Thánh-giáo và bày biện
nhiều trái cách thì Đạo hữu không phép tham-dự.

(TNHH 18-7-1928)

“Từ thứ đến giờ, trên mặt địa cầu này có nước Tàu
là Đức KHÔNG PHU TỬ chỉnh-đốn hoàn bị nên LỄ
NHẠC có phuơng thế làm môi giới, làm khí cụ cho toàn
vạn quốc đương buổi này” (ĐHP)

“NHẠC LỄ là phép nhà NAM, THẦY muốn giữ gìn sao cho trọn vẹn, các con hiểu ?” (21-8 Bính Dần ĐCT)

“LỄ NHẠC là hai điều trọng hệ của ĐỨC CHÍ TÔN, khi Ngài đến vẫn chú ý hai điều ấy (DHP).

Nhứt là Đức CAO THUỢNG PHẨM sanh tiền buổi nở, lấy con Đòn mà làm bạn thiết, hết thảy ngôn ngữ thường tình đều khinh rẻ (DHP)

LỄ NHẠC sản xuất do nơi HUỲNH ĐẾ với CHÂU CÔNG (DHP)

Chính cái tác-dụng mãnh-liệt của NHẠC đó mà có nhân đã giáo dục con người bằng cách ché ra “NHẠC”. NHẠC là cái vui của Thánh-Nhân mà khiến cho lòng dân trở nên tốt lành; có thể cảm lòng ngời rất sâu và di phong dịch tục được, cho nên Tiên-Vương mới đặt ra dạy NHẠC.

“Từ hàng CHƯƠNG-PHÁP đổ lên mới đăng “NHẠC CÔNG KHỞI NHẠC”, còn từ Đầu Sư đổ xuống, lê xuống “CHỨC SẮC TỰU VỊ”, lê xuống “giai quí” thì nhạc khởi.

NHẠC SĨ là một chức phẩm của Bộ Nhạc trong nền ĐÀO CAO-ĐÀI, NHẠC SĨ là phẩm cấp sau cùng về nhạc, đối phẩm với CHÁNH-TRỊ SỰ bên CỦU TRÙNG-ĐÀI”

NHẠC là hướng ứng của cả khói sanh quang của càn khôn vạn-vật đồng thịnh. Nơi Á-Dông có câu: *Biểu, thở, cách, mộc, thạch, kim, dữ ty, trước nãi Bát âm*”. Các vật vô năng mà nói đăng, có trật-tự niêm luật hòa nhau là đoạt ĐÀO, hiệp lại với tiếng Kinh mình đọc là âm thịnh nghĩa là con người cùng vạn-vật đồng thịnh hiến lê”

“Máy Em phải biết cái tinh-túy mà người ta có thể đo lường NHẠC cao thấp mà hiểu được.

Mình biết tinh-túy của mình, trọng hay khinh là do nơi mình; nếu mình biết trọng thì họ trọng, nếu mình khinh

thì họ khinh” (DHP).

“Ta nói cho chúng sanh biết: gấp TAM-KỲ PHÔ ĐỘ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi.

Tại đây là một nơi ta khởi ché sự TẾ LỄ THỜ PHƯƠNG lại” (TNHH).

Ý nghĩa hai câu liền về Bát hồn:

Hai câu liền này xuất xứ trên Ngọc-Hư Cung, từ phía tâ qua phía hữu của Ngôi Trời, nói lên tinh thần của Lễ Nhạc.

BÁT HỒN VẬN CHUYÊN CA HUỲNH LÃO
VẬN VẬT ĐỒNG THỊNH NIỆM CHÍ TÔN

八魂運轉歌黃老

萬物同聲念至尊

Giải nghĩa:

Câu 1: Bát hồn tức là tám phẩm cấp chơn hồn là: vật-chất-hồn, thảo-mộc-hồn, thú-cầm-hồn, nhơn-hồn, Thần hồn, Thánh-hồn, Tiên-hồn và Phật hồn, luôn luôn có sự vận chuyển để tiến-hoa, đều ca tụng danh của Đức Thượng-Đế (Huỳnh-Lão) là Đáng mở Đạo vàng (bởi Cao Đài là Phật Giáo chán-hưng).



Đại hồn chung ở lầu chuông

Câu 2: Cả muôn loài vạn-vật đều đồng niệm danh Thầy tức là Chí Tôn Đại-Tử-Phụ, Chúa tể vạn-vật trong càn khôn thế-giới.

D - Vì sao Đạo Cao-Đài ngày nay dùng cả Trống và Chuông?

Đạo Cao-Đài ngày nay là Cơ Đại-Ân-xá của Đức Chí -Tôn, nên Ngài đến độ cả xác lẩn hồn, độ sanh

và độ tử, độ cả Nữ và Nam, nói chung là cả Cơ Âm Dương Tạo-hóa. Thế nên tiếng Trống tượng cho Dương, mà tiếng Chuông tượng cho Âm. Bất cứ nền Tôn-giáo nào có **đ** Âm Dương thì Tôn-giáo đó mới tồn tại, mới lâu dài được.

Đạo Khổng dạy: “*Tác ư Lễ, hưng ư Thi, Thành ư Nhạc*” tức là hình thức làm tác động đến cảm quan của con người không gì bằng LỄ, làm hưng khởi phấn chấn cõi lòng không điều gì hay hơn THI và **¶** thành công chính là ở NHẠC. Do vậy mà ngày nay Đức Chí-Tôn đến mở Đạo đă:

“*Khởi ché sự Té lẽ thò phượng lại, mọi hình thức lẽ nghi điều chỉnh do noi Đức Chí-Tôn sắp đặt thật trang hoàng*”

Vì vậy, Đạo Cao -Đài có ba **Phi** môn chính yếu là “LỄ, NHẠC, ĐỒNG NHI” để phục vụ, điều hành việc Hôn, Tang, Tế -sự theo nghi thức của Đại-Đạo. Nghi thức Tôn giáo thì có đủ Chuông và Trống:

- Tiếng trống để Giác mê chúng sanh qui bồn thiện.
- Tiếng chuông để cảnh tỉnh nhơn tâm hướng thiện.

Thế nên:

- **Thời Nhứt kỵ Phổ-độ:** Phật pháp thịnh hành nên nhà Chùa dùng **tống**. Tiếng trống để phá tan bức màn vô minh cho dân tộc Á-Châu này.



- **Qua tần -kỳ thứ hai:** Phật pháp lại phát triển mạnh thêm như **Phật** Thích Ca Chưởng giáo Đạo Phật, mà Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, Châu Á. Kế đến Khổng, Mạnh, Lão, Trang...đều phát xuất từ Trung-Hoa cũng là châu Á. Tuy nhiên **đ**

làm quân bình cán cân Đạo pháp, cũng là ảnh hưởng của văn-minh tinh thần từ Á -châu lan rộng qua khắp Âu -châu, như giọng ngân của tiếng chuông làm Âm-hưởng nêu Đức Chúa Trời (Đức Thượng đế) mới phái Đức Chúa Jésus Christ đến Âu -châu để lập thành Thiên -Chúa-Giáo hồn thức tinh dân tộc Âu châu biết nhìn nhận chân lý tuyệt đối của đạo-màu, chính Ngài là Đức Chúa con đã đến đây thi hành mệnh lệnh. Từ đó nơi Nhà thờ là nơi qui ẩn con Chiên của Chúa chỉ dùng tiếng Chuông để cảnh tỉnh nhơn sanh mà thôi. Đó là “Tiếng chuông Giáo Đường”.

- *Nay qua thời Tam -Kỳ Phổ-Độ*: tức là giáp một vòng địa trời đất gọi là “*Thiên Địa tuần hoàn chau nhi phục thủy*” thì trở lại điểm ban đầu. Đức Chí-Tôn cảm cái Nghĩa của những Tín-đồ trung kiên của Phật, Tiên, Thánh, Thần, của những con chiên trung thành của Chúa, mới mở cơ tần độ Kỷ ba nên đây là lúc âm-thanh vang ầm của Chuông Tống đồng vang vọng lên như thôi thúc tất cả đều hướng về Thượng-Đế để được cứu rỗi trong thời mạt pháp này. Vì hồn như thời gian làm cho nền Chánh giáo của Đông Tây cũng bị lệch lạc cho đến thất kỳ truyền.



1-Đặc biệt là nghi thức cúng Đàn dâng Lễ Chí-Tôn Đờn Bảy bài

“Trong các thời Đại-dàn dâng lễ Đức Chí Tôn có Đờn bảy bài, do Thánh-giáo Đức Chí-Tôn dạy về ý-nghĩa của bảy bài đàn ấy, bởi trong các bài đàn này là thể hiện đủ tám món Nhạc khí của dân-tộc Việt-Nam. Chỉ duy hiến lễ cho Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế mới có bảy bài ấy là:

1- **Xàng xê** là khi trời đất mới sơ khai, chưa phân thanh truông, thuở còn hỗn độn.

2- **Ngũ Đôi thương** hay là bài Thương, là khí thanh bay lên làm trời.

3- **Ngũ đôi hạ** hay là bài Hạ, là lúc khí truông lảng xuống thành đất.

4- **Long đặng** là mặt nhụt chiếu sáng, sức nóng làm cho nước bốc lên thành mây.

5- **Long ngâm** là lúc mây gặp khí lạnh nén tụ lại thành mưa, từ trên trời rơi xuống.

6-**Vạn giá** là muôn vật đã định rồi, áy là lúc nước hợp với đất biến sanh, khiến sản-sanh ra vạn-vật, gọi chung là chúng-sanh.

7-**Tiểu khúc** là những vật nhỏ-nhít đều có định luật của nó, khi đất biến ra ngũ-hành sanh ra kim-thạch, thảo mộc, thú cầm đến loài người ...

Đức Hộ-Pháp thỉnh giáo: Vì sao phải đờn bảy bài ?

Đức Chí-Tôn dạy:

“Thầy thích nghe những bản áy, vì nó có ý-nghĩa của sự Tạo thiên lập địa, là buổi mới có Trời đất. Còn Đảo ngũ cung có ý-nghĩa là qui trở lại, tức là qui cỗ: đó là Vạn thù qui nhất bồn”

Đức Hộ-Pháp bạch tiếp:

Nếu lấy những bài đó hiến lễ thì Thầy tư-vị dân tộc Việt-nam sao ?

Đức Chí-Tôn phán dạy rằng:

“Trên thế-gian này chưa có nền Âm-nhạc cổ nào để rước Thầy mà đủ ý-nghĩa như âm-nhạc cổ của Việt-Nam; nên Thầy chọn nó làm tiêu-biểu cho toàn cầu, cho nhân loại noi theo” (18-5-Bính-Dần 1.926)

Xin lập lại một lần nữa lời Đức Hộ-pháp nói:

“*ĐÀO CAO DÀI* là nền Đạo qui pháp cả cái sống của Bát hồn mà dâng lễ trả cái sống. Khi mới phôi thai càn khôn do nơi hai khói khí mà tạo thành, ngày nay lại dâng lễ trọng cho CHÍ-TÔN túc là qui pháp cho khói sanh-khí ấy, túc là CHÍ-TÔN vui và duy nhất mà thấy sự sống trả lại cho Ngài.

Toàn đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm màu đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được chọn pháp của CHÍ-TÔN.

NHẠC là hưởng ứng của cả khói sanh-quang của càn-khôn vạn-vật đồng thịnh. Nơi Á-đông có câu “*Biều, thô, cách, mộc, thạch, kim dữ tư, trước nãi bát âm*”. Các vật vô năng mà nói đặng, có trật-tự niêm luật hòa nhau là đạt ĐÀO, hiệp lại với tiếng kinh minh đọc là âm thịnh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thịnh hiền-lễ (TDII/80)

Chú thích

Bát âm là tám loại âm thanh phát ra từ tám nhạc khí cỗ ở đông phương. (Bát: Tám, thứ tám. Âm: Tiếng, âm thanh. Tám thứ âm thanh vang ra từ Nhạc)

Bát âm tương ứng với Bát Quái, là:

1. **Kim:** Tiếng chuông thuộc cung *Đoài*.
2. **Thạch:** Tiếng khánh thuộc cung *Cấn*.
3. **Ty:** Tiếng dây đàn thuộc cung *Ly*.
4. **Trúc:** Tiếng sáo tre thuộc cung *Khảm*.
5. **Bào:** Tiếng sinh, kèn thuộc cung *Tốn*.
6. **Thô:** Tiếng trống đất thuộc cung *Khôn*.
7. **Cách:** Tiếng trống da thuộc cung *Càn*.
8. **Mộc:** Tiếng mõ cây thuộc cung *Chấn*.

Bát âm là chỉ âm nhạc nói chung.

Chú thích:

Bát âm là tám thứ tiếng về nhạc: **Biều 飄** (tiếng sên), **Thổ 土** (tiếng trống đất), **Cách 革** (tiếng trống da), **Mộc 木** (tiếng mõ gõ), **Thạch 石** (tiếng đá), **Kim 金** (tiếng chuông đồng) **Ty 絲** (tiếng dây đàn). **Trúc 竹** (tiếng ống sáo tre) (*dữ là* cùng với. *Tiếng Pháp là* *Avec*)

2-Cúng phải nghiêm trang:

Đức Hộ-pháp cũng ân cần dặn dò:

“Khi vô Đèn-Thánh, Đèn này gọi là Đèn-Thánh, thì thế nào mấy em phải hiểu. Qua đứng trên Ngai lấy hết tư tưởng của mấy em cái giọng của mấy em cầu kinh Qua ôm hết dâng lên cho Đức Chí-Tôn. Dâng đây, không phải là tiếng thường, áy là cái Thiên-thiều; Ngài hưởng rồi, Ngài trả lại cho mấy em cái Thiên-tinh. Có như vậy thì địa cầu này mới an tĩnh, mới thái bình được. Máy em ôi! Nếu cúng mà giọng đọc thô bỉ, không đồng một nhịp nhàng thì mong gì cái thieu -quang của Càn Khôn Vũ Trụ điểm-tĩnh đặng an hưởng”

E- Nguồn gốc Đạo học của Lễ Nhạc:

LỄ NHẠC sản-xuất do nơi Huỳnh-Đế với Châu Công. Thế nên Đạo Cao-Đài ngày nay Đức Chí-Tôn lập ba ban: Lễ, Nhạc, Đồng-nhi cốt lấy chữ hòa làm gốc, cũng là pháp qui Tam-bửu qua hình-thức:

- Lễ thuộc về TINH để thể hiện chữ tâm.
- Đồng-nhi đọc kinh hòa giọng là KHÍ.
- Nhạc là THẦN.

Nói chung đây là hồn Đạo. Do vậy mà Thể-pháp là tượng hình của Bí-pháp, phải chỉnh-đốn các thức lệ cúng kính, không được chế cải.

1-Đức Chí-Tôn mở Đạo dùng cả Âm, thính, sắc, tướng, để cảm hóa nhân-tâm không gì bằng Âm-nhạc

Ngày nay, Đức Chí-Tôn mở Đạo dùng cả Âm, thính, sắc, tướng, để cảm hóa nhân-tâm không gì bằng Âm-nhạc. Lại nữa linh-hồn của Đạo phải kể đến: Nhạc, Lễ và Đồng-nhi, tức là hồn của thi thơ đó vậy. Lời tựa trong kinh Thi đã diễn-tả được tinh-thần ấy:

“Khi hoài-bão còn ở trong tâm của người là Chí, phát ra lời là Thi.

Tình đ-ộng ở trong mà diễn ra bằng lời, lời thấy chưa đủ thì ta ta-thán. Ta-thán thấy chưa đủ, thì ta ca vịnh. Ca vịnh thấy chưa đủ, thì bất-giác tay ta múa, chon ta nhảy.

Tình cũng phát-động ở trong mà diễn ra bằng âm thanh. Âm-thanhs thành bài gọi là âm-nhạc:

- Nước trị thì âm-nhạc yên và vui, chánh-trị được điều-hòa.

- Nước loạn thì âm-nhạc oán và nô, chánh-trị bị ngang trái,

- Nước mất thì âm-nhạc buồn và rầu, dân-tình khốn đốn.

Bởi vậy, chính-đính àn hay m át, làm động đến thiên địa, cảm đến qui thần, không gì bằng Kinh Thi”.

Từ khi mới mở Đạo, Đức Hộ-Pháp đã chú-ý đào luyện cho bộ Nhạc về môn Âm-nhạc cổ-truyền, Đức Ngài ban Thánh-lịnh cho Chức-sắc Bộ Nhạc để đi hành Đạo địa-phương và giải-thích về giá-trị cần-thiết của Nhạc

“Qua lky một bằng có rõ -ràng, người Pháp đã nói: “La Musique adoucit les Moeurs”

Nhạc làm cho phong-hóa, luân-lý tốt đẹp dịu-dàng, mà không phải một mình nước Pháp mà thôi, mà các liệt

quốc Âu-Châu đều cũng nói.

Nhạc 樂 là cái gì đặt bên trên âm-thanh.

Thanh 聲 là một tiếng kêu nào bắt cứ. Khi tiếng kêu đó có văn-vé, tiết-diệu thì gọi là Âm 音. Khi âm đó đưa tới Đức gọi là Nhạc.

“Thanh văn chi vị âm, đức âm chi vị nhạc”

聲聞之謂音 德音之謂樂

Con vật mới biết thanh mà chưa biết âm (tạm nói theo thông lệ). Người thường chỉ biết âm mà chưa biết nhạc. Chỉ có bậc quân-tử mới biết được Nhạc tức là cái đức của âm-thanh. Cái Đức đó là Hoà. “Nhạc dù thiêng địa đồng hoà” 樂與天地同和

Cái chính cốt của Nhạc là ở chỗ Hoà với thiên-địa. Muốn cho “chí đức” “chí Hoà” thì phải thấu triệt cả cái hoà hàng ngang ưng như hoà hàng dọc. Chính là chữ thập + đó vậy.

2- Hai câu liên về LỄ NHẠC:

Hai câu liên về LỄ NHẠC đã minh định tôn chỉ và lập trường của LỄ NHẠC quan trọng đến mức độ nào rồi!

LỄ xuất phát từ nơi cõi trần này để làm sáng tỏ đức độ của con người phải biết tôn trọng sự trật tự, lớn nhỏ phân minh.

NHẠC do thiên nhiên tác động để truyền bá rộng rãi khắp toàn cầu với mục đích duy nhất là sự điều hòa

LỄ dĩ Địa trấn minh định nhơn gian tôn trật tự

NHẠC do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ Điều Hòa

禮以地塵明定人間尊秩序

樂由天作宣通世介主調 和

Ngày nay Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài lấy NHO TÔNG chuyển thế mà Đạo Nho lấy LỄ NHẠC làm trọng yếu. Thế nên ba ban LỄ, NHẠC, ĐỒNG NHI là bộ phận chủ yếu của NHẠC Đại-Đạo ngày nay.

3- Những âm-thanh trong vũ-trụ tạo thành Tam-bửu của Nhạc:

Cái vi-diệu của Nhạc là HÒA. Cái gốc hòa phát nguyên từ trời, đất và người, gọi là Thiên, địa, nhân làm cái gốc của vạn-vật:

- Trời sinh ra vạn-vật,
- Đất nuôi vạn-vật,
- Người làm thành vạn-vật.

Người cảm-thông cái nghĩa của đất trời mà lý hội:

- * Trời sinh ra vạn-vật bằng hiếu đế.
- * Đất nuôi vạn-vật dưới hình-thức ăn uống.
- * Người hoàn-thành bằng LỄ NHẠC.

Tuy nhiên làm sao thấy được nhạc?

Vì nó từ trong lòng vũ-trụ, Từ trong lòng vạn-vật, Từ trong lòng mọi người.

Nếu cả tiếng côn-trùng không tấu lên làm sao nghe được âm-thanh rộn-rã. Tiếng gió không khua động cành lá làm sao nghe được rì-rào? Lòng người không cảm hoài, vui buồn ai-oán thì làm sao có được khúc nhạc lòng.

Tất cả hòa thành Nhạc của vũ-trụ vạn-vật. Nếu được tinh-ba chắc lọc hòa-đồng với vũ-trụ sẽ thành Thiên thiều.

Sự tinh-ba đó là điêu-hòa nên mới sinh ra Lễ túc là trật-tự, ngăn-nắp, khiêm-cung, hòa-ái.

LỄ NHẠC là hai điêu trọng-hệ của Đức Chí-Tôn. Khi Ngài đến vẫn chú ý đến hai điêu ấy.

Thầy nhán mạnh: Nhạc Lễ là pháp nhà Nam. Thầy muốn giữ-gìn sao cho được trọn vẹn, các con hiểu?"

CHƯƠNG III

A-VŨ TRỤ và ÂM NHẠC

Đức Hộ-Pháp giải:

1- VŨ-TRỤ-QUAN nói về phần ÂM-NHẠC:

Ngày 16 tháng 4 năm Giáp Ngọ (1954) tại văn phòng Tiệp Lễ Nhạc Đường.

“Đây là *Dịch-Lý qua Thái-cực đồ* thuyết: lấy ý mà hội chớ không thể lấy lời mà truyền.

Vũ-trụ lúc đầu là khí hồng-mông mờ-mờ, mịt mịt, u u, minh minh, đào độn qua lại, lại qua, có lúc lặng lẽ vô vi, thanh truet hồn-hợp gọi là Vô-vi chi-kí.

Trong khí Hu-Vô có phát hiện ra một vầng quang minh linh-diệu vô cùng túc là THÁI-CÚC. Song THÁI CÚC Đơn Nhứt tuyệt đối ẩn, không rõ ra cho nên không sinh hóa được, muôn sinh-hóa được phải có đối, phải có tương đối, có điều hòa. Vậy nên Thái cực biến hóa thành ra Âm và Dương. Âm dương theo lẽ điều hòa mà sanh hóa Ngũ hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ để biểu thị cái chất đã thành hình.

Lúc Âm Dương phân định thì khí khinh thanh lên làm trời, khí trọng truet xuống làm đất.

Âm Dương được điều hòa với nhau mà sinh hóa muôn vật, vật nào bẩm-thụ khí sanh quang đặng nhiều làm Phật, Tiên, Thánh, Thần. Vật nào bẩm-thụ ít thì làm người hay các loài khác như côn trùng, thảo mộc, thủy tú, son xuyên

Tóm lược thực thể:

“Vô cực nhi Thái cực”. Thái-cực động sinh hóa ra khí Dương lại bình tĩnh. Bình tĩnh lại động sinh hóa ra khí Âm.

Một lần động, một lần tĩnh, hỗ-tương quan hệ, gốc

chung phân hóa ra một Âm Dương là hai cách cơ bản thiết lập: Dương biến, Âm hợp vào mà sinh hóa ra Thủy, Hỏa, Kim, Thổ, Mộc là năm nguyên khí phân bố có thứ-tự, bốn mùa thời tiết của một năm vận hành

Hỗn độn mà thành vũ-trụ lấy nguyên-lý sinh động là cơ bản áy là khí, vô hình phi chất, biểu hiện ra hữu hình và trở nên vạn-vật.

Cái siêu hình mà không rời hiện thực, cái dòng thực tại toàn diện siêu nhiên và tự nhiên duy nhứt.

Các bậc Thánh-nhân hiểu rõ nguyên lý uyên thâm nên hòa mình vào cảnh sắc thiên-nhiên cùng một thể chung cùng một cảm thông.

Đức vua Phục-Hy quan sát trời, đất để biết. Biết để ứng-dụng vào đời, điều-lý tâm linh, vạch ra tám quẻ để thông cái thịnh-đức của Trời và bày tỏ cái tình của vạn vật.

Thừa kế cái chí thành của Thánh nhân, nên Tôn giáo CAO-ĐÀI với nghi lễ, với cơ bản vận dụng sinh động món nhạc khí: Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, Tơ, Trúc.

Tiết tấu: *Thanh, Kỳ, U, Nhã, Bi, Tráng, Du, Dương* gọi là Bát âm để biểu thị cho Bát hồn và làm cho Bát hồn sống dậy.

Trên Bạch-Ngọc-Kinh có đôi liên:

“Bát hồn tư mặc ca Huỳnh-Lão

“Vạn vật đồng thịnh niệm Chí-Tôn”

Lòng chí thành để bày tỏ thịnh đức rộng lớn “HƯ VÔ CHI KHÍ” Vô cực nhi Thái cực là mẹ cha của vũ trụ.

Để diễn lưu điệu thiên phong văn võ nhạc thời xưa, Nghiêu Thuấn với nghi nhạc thời nay.

Nhạc tấu Quân thiên và **tiết tấu bảy bài** gọi là ghi nhớ thuở hồng mông mở mang trời đất.

Bảy bài đàn hiến lễ Đức Chí-Tôn:

1. **Xàng xê:** biểu thị thuở hòng mông đào độn
2. **Ngũ đổi thương:** biểu thị lúc phân chia khí Dương
3. **Ngũ đổi hạ:** biểu thị lúc phân chia khí Âm
4. **Long đăng:** biểu thị phân ra khí thanh làm Trời
5. **Long ngâm:** biểu thị phân ra khí trược làm đất
6. **Vạn giá:** biểu thị sinh hóa muôn loài
7. **Tiểu khúc:** biểu thị thủy tú sơn xuyên

Đức Hộ-Pháp dạy tiếp:

“Mấy em được nghe rõ lời dẫn giải nêu trên: VŨ TRỤ và ÂM NHẠC.

Trong khi Nhạc Táu Quân Thiên và tiết táu bảy bài, nếu có lỡ bước phải dừng lại thành kính tưởng niệm.”

2-TINH THẦN LỄ NHẠC

“LỄ giả biểu tượng thiên-lý chi tiết-văn, thật hiện nhơn sự như chi tắc.

“NHẠC giả ứng hiệp Ngũ hà nh chi sanh hóa, tuyên thông bát phong chi hòa khí”

Ý nghĩa:

- LỄ là nêu rõ hình tượng tiết-văn của Trời, như là tiết Xuân, tiết Hạ, tiết Thu, tiết Đông, cùng là mặt nhựt, mặt nguyệt, các vì tinh-tú đều vận chuyển bốn mùa, không khí nào ngưng trệ hay là xâm phạm nhau.

Còn đối với việc người đều có uy nghi và phép tắc phân-minh đẳng cấp, tôn-ti thượng hạ, không khi nào loạn hàng thất thứ.

- Nói về NHẠC là ứng hiệp sự sanh hóa của Ngũ hành: KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ và tuyên bố thông truyền không khí điều hòa cả bốn phương, tám hướng, nên sách lê-ký có nói rằng:

- “*LỄ giả thiên địa chi trật tự,*
- *NHẠC giả thiên địa chi điều hòa”*

Ý nghĩa: LỄ là khuôn viên trật tự của Trời đất, NHẠC là không khí điều hòa của Trời đất.

Vì lẽ cho nên Thánh hiền xưa nghị ché ra LỄ để bình phục lòng dân không cho rối loạn, còn tác Nhạc để dung hòa tiếng nói của dân không cho hỗn-hào, là sở dĩ hiệp đồng lòng dân mà lập ra đạo trị nước, hóa dân cho tất cả đều biết cung kính khiêm nhượng và thuận hòa thân ái, gây ảnh hưởng đi đến chỗ trung thứ Đại Đồng.

Vậy nên phép hành LỄ được điều hòa tức thị là NHẠC. Phương tầu nhạc có trật tự tức thị là LỄ. LỄ-NHẠC phải tương đắc cùng nhau mới cảm-kích Thần minh báo ứng phước lành.

Từng xem cổ sử, thấy đời thượng cổ có vua Thuấn Đế dĩ NHẠC hóa dân, nghĩa là Ngài dùng NHẠC tiêu thiêu ca bài “Nam phong” cảm hóa lòng dân. Ca bài Nam phong là có ý nghĩa “*Nam phong trường dưỡng vạn vật*”, mong cầu cho dân chúng đều thịnh-vượng mùa-màng, an cư lạc nghiệp, nhờ ảnh-hưởng của ngọn Nam phong mà tự nhiên quốc gia thịnh-trị, thiên-hạ thái-bình.

Trải đến thời Trung cổ có vua Văn-Vương “*dĩ LỄ hóa dân*”, nghĩa là Ngài dùng LỄ-NGHI pháp độ cảm hóa lòng dân. Hễ khi nào người dân có phạm lỗi thì Ngài vẽ vòng mà phạt cho biết cải-hóa ăn năn tự mình giác ngộ, trau giòi trở nên Hiền Thánh. Nhờ ảnh hưởng của LỄ Nghi mà tự-nhiên nhà không đóng cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi.

Nhận xét cho chí lý thấy vua Thuấn-Đế và vua Văn-Vương chỉ dùng NHẠC-LỄ để cảm hóa lòng dân là chủ tâm cầu khẩn cho dân mình đều trở nên Hiền-Thánh.

Nay đến thời kỳ chuyển thế tái tạo qui cổ, may

duyên gặp Đấng Chí-Tôn đến khai Đạo lập Giáo, dùng phương pháp dung hòa hiệp nhứt cả NHẠC-LỄ của Thuần-Đế và Văn-Vương để cảm hóa toàn thể chúng sanh đều trở nên đời Thánh đức cộng hưởng thuận phong mỹ tục thanh-trị thái bình.

Chiếu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyễn về Khoản thi văn dạy đạo, rằng:

THI

*Đời hiệp lẫn nhau nỡ chẳng thương,
Thương Đời nên mới đến đem đường,
Đường dài vó ngựa tua bên súc,
Súc yêu lòng người khéo để gương,
Guong Đạo noi theo đời Thuần-Đé.
Đé dân vẹn giữ lỗi Văn-Vương.
Vương hầu lê thú ai là chí?
Chí quyết làm cho thế khác thường.*

Qua bài thơ trên, ĐÁNG CHÍ TÔN chỉ dạy rõ rệt, duy chỉ có hai câu luận làm cho chúng ta chú ý, rằng:

***“Guong Đạo noi theo đời Thuần Đé
Đé dân vẹn giữ lỗi Văn-Vương”***

Nhận thấy xưa kia vua Thuần Đế dùng Nhạc Tiêu thiều cảm hóa lòng dân, đền thời kỳ này ĐÁNG CHÍ TÔN lại dùng Nhạc tiêu-thiều ca tụng Nam xuân cảm hóa toàn thể chúng sanh đều được hòa thuận thương yêu.

Còn luận đến pháp hành-lễ thì ĐÁNG CHÍ-TÔN dùng pháp Nhựt-dụng thường hành lễ bái cảm hóa toàn thể chúng sanh đều phát khởi Đạo-tâm, biết cung kính khiêm nhượng, hiển nhiên rằng tinh-thần của LỄ NHẠC rất quan hệ cho việc trị quốc an dân bình phục tâm-lý toàn thể thiên hạ đều hiệp kính, đồng hòa không còn tranh chấp hơn thua hay là kỳ thị chủng tộc và tất cả xem nhau như anh em một nhà.

Bởi cớ cho nên Tiên nho có nói “*Văn huyền ca nhí tri nhã*” ý nghĩa là người có chí hướng vì m^r óc, vì dân, nghe đến tiếng đờn, tiếng ca hay tiếng tơ, tiếng trúc, thì người có thể quyết đoán quốc gia thạnh-trị hay là suy vong

Vậy nên người biết phép hành Lễ và hiểu phuong tấu nhạc, phải sáng suốt nhận định lợi hại như thế nào. !

Sự thật là một triệu chứng hiển-nhiên. Đáng Chí Tôn đến chấn hưng cổ Lễ và cổ Nhạc của tổ tiên Việt-Nam chúng ta bốn ngàn năm về trước là chủ yếu nâng đỡ tinh thần đạo đức cho dân tộc Việt-Nam, phải tôn-trọng nền Nho-Tông thuần-túy cổ-truyền, để làm gương mẫu cho thế giới dân tộc đều cảm hóa noi theo (thông tin Đại-đạo 7)

3- NGUỒN GỐC và SỰ VI DIỆU CỦA NHẠC

Đời Tam Hoàng chế CHỮ tượng theo hình và dấu chân chim, chân thú, thì NHẠC lại theo tiếng chim kêu hoặc tiếng động của sự vật mà chế .

Vua Phục Hi do tiếng chim phượng kêu, ghép trúc làm ống tiêu, chế theo hình chim phượng, tiếng thổi âm thính phát ra giống tiếng chim phượng gáy.

Thú lớn gọi là Nhã-tiêu ghép liền 23 ống, dài một thước bốn tấc (thước ta). Thú nhỏ gọi là Tụng tiêu ghép liền 16 ống dài hai thước một tấc. Cả hai thú gọi là tiêu quản. Còn thú không đáy là đồng tiêu.

Về sau vua Hoàng-Đế sai Linh-Luân lấy trúc ở Côn khê chế ra ống Địch, ống Địch có bảy lỗ cầm ngang mà thổi, cũng giống như tiếng chim phượng, trông giản tiện lắm, người đời sau thấy ống tiêu-quản rườm-rà mới chỉ dùng ống Địch cầm mà thổi dọc. Thú dài gọi là Tiêu, thú ngắn gọi là Địch.

Ông sinh do Bà NỮ-OA nghe tiếng chim Loan mà sáng chế. Vua truyền cho ông NV h-Viễn đúc 12 cái chuông đánh lên hòa với giọng tiêu.

Còn trống do tiếng sấm mà chế.

Lịnh truyền cho ông Thái-Dung đặt ra nhiều bản: như bản Hàm-Trì, bản Thùa-Vân, bản Vân-Môn, Nam Phong....

Điệu phân làm bốn:

- Thanh thương
- Thanh dốc
- Thanh chủy
- Thanh vũ

Đến vua Thuấn, chim phượng bay đến múa và gáy, nhơn đó mới chế khúc nhạc thiều.

Đòn cầm năm dây (Ngũ huy èn cầm) ứng theo năm cung ; tượng Ngũ hành, xuất phát âm cung ngũ khí: Cung (thổ), Thương (kim), Giốc (mộc), Chủy (hỏa), Vũ (thủy).

Cầm tức là cầm, nghĩa là cầm chỉ những sự dâm-tà mới giữ được Chánh đạo. Vua Văn-Vương và Vũ -Vương do theo Cầm-lý dẫn-giải cho cái đạo trị nước an dân là từ gia-đình đến triều-chánh, chánh lệnh nghiêm minh mới thái-hòa.

Cuối Ân có Sư Điêu chế ra khúc nhạc My-my, vua Trụ nghe lấy làm thích lắm, bởi khiêu gợi dâm đãng kiêu sa. Đến khi vua Vũ -Vương đánh Trụ mất nước. Sư Điêu ôm đàn chạy về phía Đông, nhảy xuống sông Bạch-Thủy, tục truyền về sau có ai thích âm nhạc mà đi qua đây, ban đêm nghe văng-văng tiếng đàn ở dòng sông.

Đức Khổng-Tử là bậc Thánh-sư, lúc ở nước Tề học nhạc Thiều Ngài hiểu đến chỗ nguyên-lý tinh-thâm vi diệu của Nhạc, trong ba tháng say mê ăn không biết mùi-vị

Ngài nói: ta chẳng ngờ học NHẠC vui đến thế “*Bất*

đồ vi nhạc chi khí ư tư giả”.

Khi Ngài chầu lưu khắp thiên hạ thì bên mình không khi nào rời cây đàn Ng -huyền-cầm. Quan niệm của Ngài là tiếng đòn thanh-nhã có thể nâng cao tinh thần và trù vững tâm-lý siêu nhiên của người quân-tử. Lúc Ngài bị vây giữa nước Trần và nước Sái, bảy ngày không ăn, chỉ ăn rau luộт suông. Các Đệ-tử như Tử-Lộ, Nhan Hồi, Tử-Cống... đều băn-khoăn lo sợ cho Ngài, nhưng Ngài vẫn ung dung ngồi đàn hát.

Bực Thánh nhân còn trọng dụng Âm nhạc như vậy, vì Nhạc-nghệ là một bộ môn văn hóa cao đến tuyệt độ của Nhạc Thiều có cái mãnh-lực huyền bí cao siêu giúp nước trị dân, cải hoán xã hội.

BÁ-NHA đập nát cây đàn thè không đòn nữa vì người bạn tri-âm là CHUNG TỬ-KỲ đã mất thì không còn ai biết tiếng đòn của mình.

KHÔNG MINH GIA CÁT mượn tiếng đòn mà lui giặc TU MÃ Ý.

Trương Tử-Phòng nhò có giọng tiêu ai oán mà một đêm giải tán tám ngàn đệ tử của Sở Bá Vương tại Cửu-lý San.

Công dụng của NHẠC-THIỀU hồi xưa Thánh-hiền đã dùng NHẠC để đặt ra cái lý cao siêu, giúp cho sự kinh bang tế-thế. Thế nên Nhạc được liệt vào hàng Ngũ -kinh là Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lê và Kinh Nhạc.

4-LỄ NHẠC LUẬN

LỄ: Trong việc lập đàn thiết Lễ, muốn tỏ lòng thành kính nên phải thiết lễ lập đàn, lập Lễ tất phải có Nhạc

Cái sở dụng của NHẠC, LỄ là thế nào ?

Lập LỄ thì phải có người Lễ Sĩ, áo mao chỉnh tề,

hết lòng thành kính, hai tay nâng cúng vật lên ngang mày theo nhịp-nhàng của Âm-nhạc, từ từ điện lễ đi lên, tỏ vẻ rất là tề chỉnh, đi bộ trang nghiêm, ấy để khiến người bàng quan sanh lòng tôn kính, cho nên tinh ~~tàn~~ LỄ là tôn kính.

NHẠC: trống, chuông, đờn, kèn, ống tiêu và nhiều thứ âm thanh khác nhau.

Trống dẫn đầu khai NHẠC, trống có hai cái âm dương khởi động văn vũ, sấm động thấu suốt cùng trời đất.

Trống là sấm: Sấm CHÂN ở phương đông (là mặt nhụt) kế đến là đờn nguyệt ở phương Tây, theo nhịp sống mà khải hòa đồng tây, âm dương hòa thuần).

Kế đến đờn Nhị (đàn Cò), gáo , chờ ba nhịp mà cùng hòa, tức là Thủy Hỏa đồng Ký -té, rồi đó các khí cụ khác đồng hòa theo một loạt do trống điều khiển cho đúng nhạc lý thành thuận, đồng thời dấy lên một lượt (tức đều đú) rất là êm dịu, hòa thuận buổi lễ chen lẫn tiếng lớn, tiếng nhỏ, giọng phù trầm nghe như nhường nhịn lẫn nhau rất là hòa điệu, để cho mỗi nhạc khí thung dung phô diễn sở năng của nó, cho nên tinh thần nhạc là HÒA .

LỄ NHẠC: Nguyên ngày xưa ~~kinh~~ nhân đã quan sát vũ trụ nhận thức được luật vũ trụ, nhận thức được luật trật-tự và điều hòa của TRỜI, ĐẤT rồi theo đó mà chế ra LỄ NHẠC cho nên nói rằng :

- *LỄ giả thiên địa chi tự*

- *NHẠC giả thiên địa chi hòa.*

Tiền Thánh đã dụng ý chế ra LỄ NHẠC rất là hay mà cái ~~trí~~ mạnh tinh thần ấy có thể uyển -chuyển kích động lòng người đến chỗ cao xa, lòng Tín-ngưỡng xúc động mà hoài bão đến sự siêu thoát của tinh-thần.

Cũng như sức mạnh của tinh thần ấy LỄ NHẠC có thể cảm hóa được lòng người về đường đạo đức.

Kính là vâng thuận, có vâng thuận mới có hòa thuận

Vậy LỄ NHẠC thường phải đi đôi với nhau mới có kết quả mỹ mãn.

LỄ mà không có NHẠC hay có NHẠC mà không có LỄ thì buổi lễ ấy mất tôn nghiêm hòa kính.

Kính và hòa là **nhin** tâm và **tâk** sự luôn luôn phải hòa mình với nhau cùng trời đất Càn khôn vũ trụ.

Nếu Kính mà không hòa phải ly tán, Hòa mà không kính thì lòng **mọi** phải loạn: như hội họp nhiều người mà không có điều lễ, biết kính nhường để làm cho có trật tự trên dưới lớn nhỏ.

Người lớn mà khinh thường kẻ nhỏ, hành động nói nǎng không **ết** độ. Kẻ nhỏ mà hỗn áu, không kiêng nể người lớn. Trật tự không có thì chung qui phải giải tán.

HOÀ mà không **KÍNH** tức là loạn

KÍNH mà không **HOÀ** là phản nghịch

Than ôi! Gia đình ly tán, xã hội loạn lạc thì than ôi làm thế nào quần tụ để giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống của con người. Xem đó cũng đủ hiểu LỄ và NHẠC rất là tương quan mật thiết của người trong việc hàm dưỡng tánh lành trong đời sống của con người ở trên mặt thế này vậy.

Vậy có LỄ phải có NGHĨA mà có NGHĨA cũng phải có LỄ là trật-tự và hòa bình để dâng hiến mà hiệp cùng **ũ** trụ: TH IÊN. ĐA. NHƠN nên **ạn** vật hóa THUẦN



5-THIẾU HỌC LÝ TÍCH CƠ NHẠC

Về cơ-nhạc xuất hiện cũng tại lý Âm Dương của trời-đất mà tác thành CƠ-NHẠC, vì kể từ hồn độn sơ khai thì **nhứt** Thái -Cực sanh Lưỡng-Nghi, phân Tr -Tượng rồi

bien thành Bát-Quái mà tạo thành càn-khôn vũ-trụ, rồi có NGŨ-HÀNH hầu hóa sanh nhơn-loại và vạn-vật.

Nên vìđó mà các Đếng Tiên -Vương, kể từ Đức PHỤC-HY, THẦN -NÔNG, HUỲNH -ĐÉ, ĐẾ NGHIÊU, ĐẾ THUÁN, rồi tiếp nối vua Thang, vua Võ, chánh thức mở mang là CHÂU-CÔNG, KHỒNG-TỬ’.

Đức PHỤC-HY bậc chí Thánh, Tèn -Vương thông thiên-văn, định địa-lý, tiếp xem Bát quái Hà Đồ mà rõ việc nhiệm-mầu của Đấng Tạo-Hóa, đặng thống danh chánh đạo về Bát âm, Ngũ thanh và Lục Luật cho CƠ NHẠC cổ thời sơ khai.

Về Bát-Âm là Cơ-Năng ưa Bát -Quái: CÀN, KHẨM, CÁN, CHÂN, TỐN, LY, KHÔN, ĐOÀI.

Ngũ thanh là cơ-năng của ngũ-hành là: KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ.

a/- **Lục-Luật** là cơ năng ưa con số 12 của sanh quang khí, bậc Tiên-Vương minh ịnh Bát âm là: Bào, Thủ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, Ty, Trúoc. Nên các Đấng mới tạo ra ống Luật, ống Lũ, Ngọc thạch, Tỳ bà và đòn cầm, đòn sắc, các loại NHẠC này đều lượng theo thể thiên pháp địa, bốn mùa tám tiết, ngũ hành lục hiệp, quân thần tá sứ chi nghĩa, văn võ đẳng cấp chi nhân, chúng sanh hiếu hòa trung ết đẽ . Ấy là giữ phong hóa nhơ n-luân cho chánh nghĩa, khai thông pháp tam-tài vậy là: THIÊN, ĐỊA, NHƠN.

Còn hện nay **Văn Bát âm** là: Tam, Tiêu, Tranh, Đản, Kiềm, Tỳ, Cò, Độc.

Bát âm võ là: Bồng, trống, kèn, chiêng, tum, mỏ, đầu, bạc.

Vì có trống sơ khai nên có câu chú: “Úm ma ni bát ri hồng”

Còn câu kinh Phật -Mẫu rõ hơn :

“Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh”

Nhớ hồi ĐÀO CAO ĐÀI sơ khai, ĐỨC CHÍ TÔN dạy bậc Thiên-phong phải học NHẠC -LỄ thì Đức Hộ Pháp có ý thắc mắc bạch với ĐỨC CHÍ TÔN:

Đời đã chê Âm-thanh ác tướng sao ĐỨC CHÍ TÔN còn buộc chức sắc học NHẠC -LỄ làm chi?

ĐỨC CHÍ TÔN dạy rằng: Trên Bạch-Ngọc-Kinh có đôi câu liền, đặt hai bên tả, hữu:

“BÁT HỒN TƯ MẬT CA HUỲNH LÃO

“VẠN VẬT ĐỒNG THỊNH NIỆM CHÍ TÔN”

Từ đây về sau Đức Hộ-Pháp không còn thắc mắc nữa.

b/- Về NGŨ THANH:

Cung Thanh-Cung làm chủ cho bốn mùa: Trung ương, Mù, Kỷ, Thổ.

Cung Thanh-Thương làm chủ ba tháng về mùa thu Tây phương, Canh, Tân, Kim.

Cung Thanh-Giốc làm chủ ba tháng về mùa xuân: Đông-phương, giáp, ất, mộc.

Cung Thanh-Chủy làm chủ ba tháng về mùa Hạ: Nam-phương, Bính, Đinh, Hỏa.

Cung Thanh-vũ làm chủ ba tháng về mùa Đông: Bắc-phương, Nhâm, Quý, Thủy.

Trong mỗi cung có một Tiên-Hoàng làm chủ..:

- GIÓC Long MỘC Tiên hiệu Hoàng Bá

- CHỦY Long HỎA Tiên hiệu Hoàng-Trọng

- THƯƠNG Long KIM Tiên hiệu Hoàng-Thúc

- VÕ Long THỔ Tiên hiệu Hoàng-Thiếu.

Đây là NGŨ -CUNG và NGŨ -HÀNH gắn liền với Thập-Thiên-can và Thập-Nhị địa chi.

Thập-nhị Địa chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Kinh Phật-Mẫu hằng ngày tụng đọc rằng:

“Thập thiên can bao hàm vạn-tượng

“Tùng địa chi hóa trưởng càn-khôn.”

Ấy là tạo hóa có 10 thiên can và 12 địa chi cùng tương liên với Lục Luật và Lục Lữ mà lưu hành trong một năm được điều-hòa, nhơn-loại và vạn vật tồn sinh, tiến hóa theo luật thiên nhiên của trời đất.

c/- Về Lục căn, Lục Lữ:

Nguyên vì ống Luật và ống Lữ có 6 bậc Âm và 6 bậc Dương :

- **Lục Luật** về dương là: Huỳnh chung, Thái thốc, Cỏ tây, Nhuy tân, Duy tắc, Vô dịch.

- **Lục-Lữ** về âm là: Đại lữ, Giáp chung, Trung lữ, Lâm chung, Nam lữ, Ứng chung.

Thành số định là 12 vì trong một năm có 12 tháng, 6 tháng thuộc Dương là lục Luật, 6 tháng Âm thuộc về lục Lữ để huân bố các khí hậu trong càn khôn vũ mà trưởng-dưỡng vạn vật cho tiến-hóa lên.

Buổi cổ thời Đức Hiên-Viên dạy ông Linh-Quản đến phía Tây Chấn (đại hạ) sau núi Côn-Lôn lấy tre nơi hang Giải cốc, lấy ba lóng chia làm hai ống.

Đức Ngài dạy phân bậc, dùi lỗ rồi dạy thổi hào khải tấu cung Huỳnh chung. Về sau các bậc Thánh Đế, kế tiếp chế ngự ra 6 ống, 12 ống và 36 ống, có ống dài, ống ngắn cắm vào trái bầu để hòa với tiếng chim phụng trống, kêu là Hoàng, thuộc dương Lục Luật, chim mái kêu là Phụng thuộc âm Lục Lữ, hào sánh tấu cung Huỳnh chung để cầu được sự an-lành, sanh sanh hóa hóa và nhơn-tâm chẳng cho phóng-túng mà sai việc cang thường, luân-lý, đạo đức, nghĩa nhân là bằng căn Luật Lữ, làm cho vạn pháp do theo điều hòa vạn loại trong càn khôn vũ trụ.

Trong Thánh giáo ĐỨC CHÍ TÔN dùng nhạc-lý mà dạy ĐÀO rằng :

“Trong tám tiếng phân tường gai cáp
“Vọng CUNG THƯƠNG cao thấp tùy nhau
“GIÓC CHỦY vỡ hiệp thanh-tao
“Lục-căn Lục Lữ phân sao cho đều”

Xét lại Cơ Nhạc có căn nguyên tông tích lịch sử từ thuở sơ khai, càn khôn phân định, nguyên thủy khai hóa dục tấn nhơn-loại giữ đạo đức nghĩa nhân ghi ân-thâm từ đời Tam-Hoàng Ngũ-Đế. Tuy có khoản thạnh suy nhưng không thất chánh, đến đời Châu-Công, Khổng-Tử gia tâm chỉnh-đốn hoàn bị đủ Ngũ-Kinh Tứ Truyền, đến đời Tần Thi-Hoàng “khanh sĩ ph ần-tho” tức là đốt sách, chôn học trò nêu KINH NHẠC bị mất chỉ sót còn một thiên ghép vào kinh LỄ cũng có phần giảng-giải các kinh truyện như trong bộ khai-tịch diễn nghĩa, thiên Nhạc-ký và tự-diễn giải-nghĩa, thì NHẠC có lăm điệu mật thiết sâu xa, đối với nhơn loại và cơ nhiệm mầu của tạo hóa.

Cũng vì thời-kỳ quá ư văn-minh cực điểm, đem nhiều điều dễ theo cho nhơn loại khiến sai chon truyền đạo nghĩa của Thánh trước Hiền xưa. Đẻ rồi chuyên chế, khinh khi, ganh ghét, hiệp lẩn, thù hằn, chiến tranh làm cho phong di tục diệt, kinh kệ xem thường, nghĩa-nhân che lấp đạo đức, lẽ-nghi âm nhạc lần lần coi là loại tình thường lệ tục.

Hôm nay ĐỨC CHÍ-TÔN hoằng khai Đại-Đạo Tam kỳ Phổ-Độ là NHO TÔNG chuyên thé, Phật giáo chấn hưng, như vậy BỘ NHẠC HỘI-THÁNH rất cần, về tinh thần, hình thức, bản bài của nghệ thuật; nhạc khí, nhạc lý, nhạc điệu phải được ra vẻ là thuần-túy, hầu đáp ứng với nhơn sanh trong nền Đại-Đạo.

Nên nhớ lại lời phô hóa của Đức Hộ-Pháp rằng:
“*THI THO, LỄ NHẠC là căn-bản chọn truyền pháp NHO TÔNG, BỘ NHẠC là của chính mình Đức Chí-Tôn đã lập*

với *BỘ LỄ*, *dâu dở* hay *Bần-Đạo* không quyền luận biện, chỉ làm theo ý muốn của Đức Chí-Tôn mà thôi”.

Và Ngài nói :

“Dầu nước nào có văn minh cực điểm tới đâu nữa, cũng không thể cài bẩn NHẠC được. Nên có câu: “*HƯNG Ư THỦ, TÁC Ư LỄ, THÀNH Ư NHẠC*” ấy là lời trong *NHO GIÁO* vậy”.

Thiều học lý tích cơ nhạc xin vắn tắt trên đây

Bộ nhạc, ngày 6 tháng 7 năm Quý Sửu

Chưởng quản Bộ Nhạc Trung-ương (dl: 4-8-1976)

Phó Chưởng quản Bộ Nhạc Trung ương

Nhạc sư

TRẦN-VĂN-NIỆM

Phê kiến:

Nhạc Sư

VÕ THÀNH TUOI

Tóm lại:

Dầu nước văn minh nào ở trên mặt đất cầu này cũng không thể bẩn bẩn NHẠC được “(ĐHP).

Ấy vậy, mình phải biết NHẠC. Khi nào cầm cây đòn, nắm mười cây hòa lại có một giọng thì tức nhiên CHỮ HÒA do nơi NHẠC mà sanh ra vậy” (ĐHP).



6-BẨY BÀI đòn “NHẠC TẤU QUÂN THIÊN”

Khi hiến lễ CHÍ-TÔN (Đại đàn) phải đòn bảy bài.

Thầy dạy:

“Khi nháp, lẽ xướng KHỎI NHẠC thì phải đánh trống và đòn bảy bài cho đủ” (TNII/24)

Ghi thêm kỹ niệm của Tiếp-Lễ Nhạc-Quân giải thích có sự hội ý của Ngài Bảo Đạo năm 1979. Khi hỏi về ý nghĩa bảy bài đòn:

“Con người được xem là tiểu thiên địa vì có những phần liên quan với TRỜI ĐẤT, được đứng vào phẩm tam tài: THIÊN, ĐỊA, NHƠN.

Vì:

- Trời có Tam bửu Ngũ khí
- Đất có Tam bửu Ngũ hành
- Người có Tam bửu Ngũ tạng

Trước khi luận qua về mỗi thể ta thử tìm biết đại cương về bảy bài đàn cúng CHÍ-TÔN trong thời Đại-đàn. Vì phần nhạc lý, nhạc pháp có liên quan đến sự vận hành của Trời đất.

Tuân y Thánh-Giáo đã dạy: Cúng CHÍ-TÔN đòn đủ bảy bài. Bảy bài gồm có: Xàng xê, Ngũ đồi thượng, Ngũ đồi hạ, Long đăng, Long ngâm, Vạn giá, Tiêu khúc.

Về ý nghĩa :

1/-Xàng xê: là qua lại, lại qua của thời kỳ sơ khai hồn độn

2/-Ngũ Đồi Thượng: Ngũ khí thanh phù giả vi thiên năm khí nhẹ bay lên làm Trời

3/-Ngũ Đồi hạ: Ngũ khí trước trầm giả vi địa (năm khí nặng rơi xuống làm đất) là lúc phân ra khí Âm.

4/-Long đăng: biểu thị lúc phân ra khí thanh: Trời

5/-Long ngâm: Biểu thị lúc phân ra khí trước: Đất

6/-Bản vạn giá: Biểu thị sanh hóa muôn loài. (Người)

7/-Bản Tiêu khúc: Biểu thị thủy tú sơn xuyên



7-NHẠC TẦU QUÂN THIÊN so sánh ý nghĩa Lê BÁT MAN TÂN CỐNG.

LÊ “Bát-Man tân công” có từ đời nhà Châu. Nhà Châu có bốn chư hầu lớn là: Tây Bá Hầu, Đông Bá Hầu,

Nam Bá Hầu, Bắc Bá Hầu. Còn 800 chư hầu nhỏ khác đều bị xem như chư Hầu Man Rợ. Mỗi năm các chư hầu nhỏ phải đem công một vật nạp cho chư hầu lớn, để rồi bốn chư hầu lớn nạp lại cho Châu Vương.

800 chư hầu nhỏ khi dâng công sứ có bản Nhạc đặc sắc để tiếp Vua và dâng lễ Cống, nên gọi là ‘Bát-Man tấn công.”.

Bản ‘‘Bát-Man Tấn công” được phổ biến trên đài phát thanh Sài-gòn thời Nguyễn văn Thiệu vào chiều thứ Tư mỗi tuần, mở đầu cho chương trình Phổ thông Giáo lý. Bản Nhạc này do Đức Cao Thượng-Sanh viết lời.

Bàn tới Lễ ‘‘Nhạc tấu Quân Thiên” tức là bản nhạc tiếp Đức Thượng Đế nó có tính cách tương tự như bản nhạc của 800 chư hầu hiến vua thời nhà Châu.

Lễ ‘‘Chinh sát cúng phẩm” cũng mường tượng với lễ của Chư hầu nhỏ đến dâng lễ Cống. Vua sai một quan Lễ bộ ra xem coi vật hiến có xứng đáng không, có đồ giả không? Có đầy đủ theo ước hẹn không? Nếu đủ điều kiện thì Quan Lễ Bộ mới nhận.

Còn nay một chức sắc Hiệp-Thiên Đài thay mặt Hội-Thánh đến xem xét Tam Bửu coi có tinh khiết không?, coi có Bông tốt, Rượu mới, Trà thơm không? Lại còn trấn Pháp vào đó để biến Bông thường làm ‘‘Tiên Hoa’’, Rượu thường làm ‘‘Tiên Túu’’, Trà thường làm ‘‘Tiên Trà’’ để tượng trưng thể xác, trí não và linh hồn của sanh chúng làm báu vật dâng lên Đại-Tù-Phụ.

Còn 6 vị Lễ sĩ cầm đèn Vàng, xanh, Đỏ để đưa hộp đựng Tam Bửu lên vị chánh tế là :

- Cặp đèn phái Thái là đại diện cho phái Phật
- Cặp đèn phái Thượng là đại diện cho phái Tiên
- Cặp đèn phái Ngọc là đại diện cho phái Thánh (phái Nho) để dâng Tam bửu cho Đức Chí-Tôn. Tam bửu

phải qua vị Chánh tế, cũng như xưa các chư hầu đại diện cho dân chúng nơi địa phận mình dâng cho 4 chư hầu lớn, rồi 4 chư hầu lớn dâng lên vua, nên khi đến vị Chánh tế, ta phải nhờ 4 vị Lễ sĩ nhịp theo nhịp trống tiếng đòn làm Lễ trọng mà hiến cho Đại-Tù-phụ.

Cái hộp đựng Tam Bửu có tên là “Tam bửu Ngọc Hàm”. Vậy từ “Nhạc Tấu Quân Thiên” đến “Chỉnh sát Cúng phẩm”, rồi Lễ cầm đèn Thái, Thượng, Ngọc đem “Tam bửu Ngọc Hàm” đến vị Chánh tế, tiếp thu lễ điện của Lễ-sĩ dâng Bông, Rượu, Trà lên Đức Chí-Tôn, tất cả gọi là lễ “Bát Man Tấn công”.

Câu : *Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,*
Vạn vật đồng thanh niệm Chí-Tôn

Là câu liễn nơi Ngọc Hư Cung, giải thích thêm rõ nghĩa là: “*Bát Man tấn Cống*” nói trên.

Chú thích:

Chữ “Quân” trong câu “Nhạc tấu Quân Thiên” buổi trước đã dùng, có lẽ do theo điển tích trên đây. Nhưng phần đông trong Thuyết đạo lại còn viết “Huân Thiên”

(Bài này của ông Sĩ-tài Huỳnh-văn Hướng lúc sinh thời, Anh đã viết tay trao cho Tôi, bảo tôi ghi vào quyển Nhạc mà Tôi đang soạn. Thế mà nay đã 17 năm trôi qua. Giờ đây đã ra người thiền cô. Tập Nhạc này mới được ra đời)



8- NGUỒN GỐC Thần bí của LỄ NHẠC:

Theo quan-niệm cỗ-nhân dù ĐÔNG hay TÂY thì NHẠC cũng có một nguồn gốc rất thần-bí.

Người Ấn-Độ cho rằng NHẠC do vị Nữ-Thần Saraswati, con gái của thần sáng tạo vũ-trụ Brahmā chế tạo ra, còn các raga (điệu nhạc) chánh thì do thần Mahadev và vợ là Nữ-Thần Parviti sáng tạo. Người Ấn-Độ lại còn

tin rằng điệu raga megh là điệu nhạc thuộc hành thủy khi nào hát lên thì trời mưa nên trong những năm hạn hán, họ thường thỉnh cầu các ca sĩ danh tiếng đàn hát lên điệu nhạc ấy để cầu mưa.

Đối với dân Trung Hoa thì NHẠC do các vị Thánh vương chế tạo ra khi nghe tiếng chim phụng, chim loan, tiếng sấm. Người đầu tiên làm việc ấy chính là vua Phục Hi, nghe tiếng chim phụng kêu Ngài đã làm ống tiêu bằng trúc theo hình chim phụng. Khi thổi lên, ống tiêu phát ra những âm thanh giống như tiếng hót của chim phụng. Đến đời Hoàng Đế, nhà vua đã chế ra một loại ống thổi gọi là kèn dốc mà khi âm thanh phát ra thì tạo thành thanh “GIỐC” giống như tiếng hai con chim phụng cùng kêu lên hay hai con rồng cùng ngâm lên. Theo Đức KHÔNG TỬ thì NHẠC do âm sinh ra “*Nhạc giả âm chi sở do sinh dã*”.

Mà ÂM có năm bậc: CUNG, THƯƠNG, GIỐC, CHỦY, VŨ. Vả lại NHẠC có một nghĩa rất rộng gồm cả đàn, hát, văn thơ, chuông trống.

9. SỰ QUAN TRỌNG CỦA NHẠC

Vì NHẠC có một nguồn gốc thần-bí như thế nên NHẠC có thể làm điều-hòa Trời Đất; hòa chung với Trời đất. Ngoài ra NHẠC còn có thể cảm hóa lòng người vì tình dục con người thì do ngoại cảnh sinh ra trong khi tính tình thì do Trời phú cho: phàm là người ai cũng có cái tính bởi huyết khí, tâm trí sinh ra mà cái tình AI, LẠC, HỈ, NỘ thì không thường. Sự ứng cảm khởi ở ngoại vật mà động rồi cái tâm thuật mới hình rõ ra. Thật vậy, khi nghe âm thanh thong-thả êm-dềm thì lòng người cảm thấy vui-vẻ mà khi nghe âm thanh trầm buồn thì lòng người cảm thấy xót xa hay khi nghe âm thanh chính-trực thì lòng người cũng trang nghiêm, tôn kính. Vì NHẠC cảm hóa

con người một cách sâu xa nên có thể biến cải tâm-tánh con người khiến con người trở nên hiền lương nhân hậu hoặc độc ác, tàn bạo, dâm đảng.

Nhạc thanh thiện khiến người làm điều thiện, NHẠC thanh ác khiến người làm điều ác. Như vậy, tác dụng của NHẠC còn để di dưỡng tính tình con người nhờ những âm thanh tao nhã. Đức KHÔNG PHÚ TỬ nói rằng:

“Xét cho cùng các lẽ về NHẠC để trị lòng người thì cái lòng giản dị, chính trực, từ ái, thành tín, tự-nhiên phơi phói mà sinh ra”

Chính vì cái tác-dụng mãnh-liệt của NHẠC đó mà cỗ-nhân đã giáo -dục con người bằng cách chế ra NHẠC.

“NHẠC là cái vui của Thánh-nhân mà khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và di phong dịch-tục được cho nên Tiên-Vương mới đặt ra dạy Nhạc”.

10. SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA LỄ VÀ NHẠC

Như vậy chủ đích của NHẠC cũng tương tự như chủ đích của LỄ là vừa tiết-chế tánh-tình mà ưng vừa hàm-duưỡng nó, nghĩa là vừa bắt buộc tính-tính phải tuân theo qui-luật vừa bồi dưỡng để nhân-tính càng ngày càng phát triển hầu tiến đến chỗ chí-thiện.

Trong thiêng NHẠC-KÝ (sách Lễ ký) chép rằng:

“Người ta sinh ra vốn tinh, đó là tính Trời, cảm với vật ở ngoài mà động là cái muốn của tính. Vật đến thì cái biết của mình biết, nhiên-hậu cái ưa, cái ghét mới hình ra. Cái ưa cái ghét mà không được tiết-chế ở trong, cái biết của mình bị ngoại vật dẫn dụ, cứ thế mà không nghĩ lại thì thiên-lý tiêu-diệt vậy.”

Xem thế, ngoại vật có thể làm mất cái thiên-tính của người ta đi, bởi vì:

Cái thường tình của hạng người trung-nhân hễ có thừa thì xa-xỉ, không đủ thì bỗn xén, không ngăn cấm thì dâm đảng, không theo tiết độ thì sai lầm, buông thả lòng dục thì hờ-hởng. Cho nên ăn uống phải có hạn-lượng, y phục phải có tiết chế, cửa nhà phải có pháp độ, súc tụ phải có số thường, xe cộ và đồ dùng phải có hạn-chế, đó là để phòng cái nguồn loạn vây”, vì lẽ đó nên mới “theo thường tình của người ta mà đặt ra LỄ để ngăn giữ người ta khỏi làm bậy”. Như vậy thì “LỄ tiết chế cái tình, cấm sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ nước khỏi tràn và nếu nói rằng đê cũ không dùng chi mà phá nó đi thì sẽ bị nước tràn ngập, nói LỄ cũ không dùng đi mà bỏ nó đi thì át có rối loạn.”

Nếu LỄ đã đủ cái chủ-đích như thế nào thì NHẠC cũng được cổ-nhân đặt ra với chủ-đích như thế ấy hay nói khác đi LỄ-NHẠC được các Thánh-Nhân tạo ra là để chế ngự-tình ngr ời mà nếu bỏ đi thì lấy gì đe -nén dục-vọng xấu-xa nữa. Sách LỄ-KÝ viết rằng: “Ngoại vật khiến người cảm-xúc không cùng, vậy thì cái ưa cái ghét của người mà không được tiết chế thì khi vật đến người bị cảm mà hóa theo giống như điều mìnhusa mu ôn. Người mà hóa theo giống như vật mìnhusa mu ôn thì thiên-lý Trời phú cho sẽ bị tiêu diệt và có thể thực hành tất-cả những cái dục-vọng xấu xa. Đã như thê át có cái tâm bội nghịch, trá ngụy, có những hành vi dâm-dật, tác loạn. Vì đó mới sinh ra những việc kẻ mạnh hiếp người yếu, số đông tàn-bạo với số ít, kẻ có trí thì lừa dối người ngu, kẻ can đảm làm khổ kẻ nhát gan rồi kẻ đau ốm không được nuôi dưỡng, người già, con trẻ, kẻ cô độc không được an thân, áy là cái đường đi tới đại-loạn vây. Vì thế mà Tiên-Vương chế ra LỄ NHẠC để tiết chế cái tình của người: “Dây rơm, mũ mấn, khóc lóc là để điều chỉnh lẽ tang, chiêng trống, đồ dùng, ca vũ là để

định cái giới-hạn cho sự biếu-lộ cái tình trong những lúc vui-vẻ; lễ cưới, lễ quan (lễ đội mũ), lễ cài trâm là để phân biệt con trai, con gái, tiệc liên quan, giỗ chạp là để làm cho sự giao tiếp giữa các hạng người được thích đáng, đúng đắn.

Đức Khổng-Tử cũng rất chú trọng đến việc học thi, học LỄ, học NHẠC để sửa đổi tâm-tính đúng-đắn ngay chính.

- “Hưng khởi cái chí khí là ở THI.
- “Sửa sang phẩm cách cho đứng đắn là ở LỄ
- “Điều hòa tính tình cho hoàn toàn là ở NHẠC”

Do câu:

“HƯNG Ứ THI, TÁC Ứ LỄ, THÀNH Ứ NHẠC”

Do đó nếu thiếu NHẠC thì xã hội không điều hòa mà vũ trụ cũng chưa hoàn-hảo. LỄ-NHẠC quả thật rất cần thiết cho xã hội, cho loài người. Trong “Xuân thu phồn lộ” Đỗng Trọng-Thư, người đời Hán, viết rằng:

Trời đất và người là cái gốc của vạn vật, Trời sinh ra vạn vật, đất nuôi vạn-vật, người làm thành vạn-vật. Trời sinh ra vạn-vật bằng hiếu để, đất nuôi vạn vật bằng ăn mặc, người hoàn thành bằng LỄ NHẠC.

Tuy nhiên, dù LỄ NHẠC giống nhau về chủ đích nhưng lại khác nhau về cẩn nguyên.

“Trời cao đất thấp, muôn việc khác nhau cho nên nhân đó mà đặt ra LỄ CHẾ để phân tôn-ti, trật tự. Trời đất và vạn-vật lưu hành không nghịch với hội họp khí tính cho điều hòa để hợp đức mà sinh ra dục thế mới thành ra có NHẠC”

Như vật LỄ là làm cho Trời đất trật tự.

NHẠC là làm cho Trời đất điều hòa.

Trong Trời đất, muôn vật khác nhau thì về nhân sự phải có LỄ phân ra trật-tự khác nhau để cho vạn-vật có

thứ-tự phân minh. Trong Trời đất, vạn vật tuy có khác nhau nhưng cũng đồng một thể, cùng theo một lẽ điều hòa mà sinh-hóa nên chế ra NHẠC để hợp đồng lại làm một.

Nhưng LỄ NHẠC phải luôn luôn hòa hợp nhau, bồ túc nhau, cái nọ chế cái kia thì mới hoàn toàn đư ợc:

NHẠC làm cho hợp đồng, LỄ làm cho phân biệt. Hợp đồng thì trọng thân nhau, phân bi ệt thì trọng kính nhau. Dùng NHẠC quá thì thành raru đảng, dùng LỄ quá thì phân-ly cách biệt mất cái tình thân-ái, thích hợp tính-tình, trang sức dung mạo là việc của LỄ NHẠC vậy.

Ngoài ra về phương diện đạo đức, LỄ-NHẠC có một ý nghĩa sâu xa, một tác động rất mãnh liệt vì:

- NHẠC là động ở trong, LỄ là động ở ngoài.
- Cái cùng cực của NHẠC là HOÀ
- Cái cùng cực của LỄ là THUẬN.

Nhưng thế nào là hòa, thế nào là thuận?

Hòa là làm điều hòa tính-tình trong lòng, còn thuận là làm cho cái hành-vi ở ngoài luôn luôn thuận hợp với điều hay, lẽ phải và nhờ đó con người có thể diệt mất cái lòng tà của mình đi.

Mặc dù LỄ-NHẠC quan trọng như thế nhưng phải được thực-hiện cho đúng tôn chỉ của LỄ là kính, NHẠC là hòa mới được, nếu LỄ-NHẠC mà không kính cũng không hòa thì ôi! Dùng LỄ NHẠC phải có ích lợi gì? Đúc Không-Tử đã quan niệm rằng đồ lụa cùng chuông trống là những vật cần-thiết cho LỄ cho NHẠC nhưng nếu LỄ NHẠC không kính không hòa thì dùng các vật ấy làm gì nữa. Bởi thế, Ngài than rằng:

“Lễ vậy! Lễ vậy! Ngọc lụa vậy hay sao?

“Nhạc vậy! Nhạc vậy! Chuông trống vậy hay sao?

Xem thế, LỄ-NHẠC có một mối tương quan mật thiết với nhau nên trong các buổi tế lễ tại Đền-Thánh Tây

Ninh, NHẠC chiếm một địa-vị hết sức quan-trọng và làm cho buổi té-lễ được thêm phân trang-nghiêm.

11-Phật Shiva thổi ống tiêu để thức tỉnh quần linh:

Đức Shiva-Phật mình trần quay về chánh Bắc, đứng trên Thất-dầu-xà túc là Thần hủy diệt, ngó qua phía hữu, ấy là ngôi thứ nhì tương trưng phần Âm Dương, cơ sanh hoá cũng là cơ hủy diệt, ấy là ngôi Bảo tồn.

Phật Shiva cũng như Hộ Pháp ngự trên Thất Đầu Xà để trừ bốn mầm độc trong bản thân nhơn loại, đó là Ai, Nộ, Ó, Dục. Nhìn vào thực tại Đấng đó cũng là hiện thân của Hộ Pháp, nhưng **thổi ống tiêu để thức tỉnh quần linh**, hướng miệng ống tiêu để đưa sinh khí vào cung Chấn chánh Đông ức là cung Pháp, nơi tụ nguồn Thần. Nếu những tư tưởng quấy ở con người có dấy lên sẽ bị ngự trị phần Ai Nộ Ó Dục của nhơn sanh để giữ còn cái nguồn Linh của Thượng Đế,

Ông tiêu có bảy lỗ tượng cho Thất tình, nếu con người khéo tu biến thành thất bửu cũng thể hiện cho thất khiếu sanh quang, nhưng đắc pháp rồi thần khí phục hồi mở được Cửu khiếu nhờ kết tụ Tam diệu sẽ chiêu ngàn ánh Xá lợi. Nên Thích Lão định danh là Mâu Ni Bửu Châu hoặc Thủ Mẽ Huyền Châu hay Cửu Khúc Minh Châu

Diêu-Trì-Cung là nơi *ng* của Đức Phật -Mẫu, ngày nay Ngài *đ*en tại mặt thế gia n này *đ*t tượng -trung bên Ấn Độ: Phật-Giáo Ấn-Độ gọi Ngài là Shiva Phật, là cái hình ở trên Bát-Quái-Đài chúng ta *đ*trên nóc, thấy có “Tinh Nhũ” nơi ngực của Ngài đó.

Hồi buổi Chí-Tôn phân *đ*nh, phân tánh của Ngài, lấy Khí túc nhiên là Ngài dùng cái “Linh-Pháp” của Ngài biến tướng ra Phật-Mẫu. Phật-Mẫu thuộc về Âm, Chí-Tôn

thuộc về Dương, Âm-Dương hèle lại mới biến hóa Càn Khôn Vũ-Trụ, sanh ra vạn-vật.



12-GIÁ TRỊ ÂM-NHẠC CÔ TRUYỀN VIỆT-NAM trước QUỐC TẾ.

Lời Toà soạn đăng trong tuần báo Việt báo số 18:

*Luận về NHẠC, chúng tôi xin chân thành nói lên cùng
quí vị nào có ý coi thường bộ môn ÂM-NHẠC CÔ TRUYỀN.*

*Quí vị có ngò đâu, cách đây 21 năm (vào năm 1970) với
Nhạc khí thô-sơ. Một cây Cò, cây Tranh mà ông TRẦN VĂN
KHÊ đã góp danh dế cho nước nhà trong kỳ Đại i nhạc hội
quốc tế tại Budapest , được vang với hạng nhì so cùng 70
nước khắp Năm-châu.*

*Thiết nghĩ danh dự áy đủ cảnh tinh những ai hướng
ngoại mà cũng đánh thức quí vị Nhạc sĩ lão thành rằng thế giới
còn biết thưởng âm, quí vị không đến đổi phái ném cây Cầm
không khảy nữa, còn với quí bạn hậu-học, hãy cố gắng để gìn
giữ sắc thính cổ truyền của Tổ tiên Việt Nam, hoặc phát huy nó
đến tuyệt-mỹ với lý uyên thâm của bộ môn ÂM-NHẠC CÔ
TRUYỀN, đừng để lu-mờ mà phải tội cùng các vị tiền nhân đã
đem danh dự về cho Tổ quốc chúng ta.*

*Để quí vị được thưởng lầm, chúng tôi xin trích lục
nguyên văn bức thư của ông TRẦN-VĂN-KHÊ từ Budapest gửi
về, đăng trong tuần báo VIỆT BÁO số 18. Từ 17 đến 24-09-
1949 phát hành tại saigon, do Lê Thọ Xuân làm giám đốc (bức
thư đăng nơi trang 4,5 và 23) nguyên văn như sau:*

**Tại Đại Nhạc Hội BUDAPEST trước hàng 70 nước
khắp Năm-Châu bạn TRẦN VĂN KHÊ
Đã lãnh giải II cho VIỆT NAM CÔ-TRUYỀN.
(Bài của Nhạc sĩ Trần văn Khê)**

Vẫn biết rằng nhờ toàn dân Việt Nam đang anh dũng tranh đấu, nhờ những lý do chính trị, họ phải để cho Việt Nam có một hai kết quả gì, nhưng tôi sung sướng vì đã được đem chút tài mọn mà phụng sự tổ quốc: Nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Tại ..

Gởi những anh chị em quen biết

Budapest, 25-8-1949

Tôi gởi thư này để các Bạn chia vui với Tôi và để khoe với các Bạn rằng trong kỳ thi Đàn cổ với các nước tại Budapest, tôi đã đem giải nhì cho Việt Nam ngang hàng với Mông cổ, thua Nga và hơn Lô-ma-ni và Hung-Gia-Lợi

Hôm tôi được mời lại phòng văn hóa của Đại Nhạc Hội Budapest để bàn về những cuộc tranh tài về NHẠC và KHIÊU-VŨ, tôi đã nói với những nhân viên phòng văn hóa rằng: Nước Việt Nam đã xa xôi lại còn đang tranh đấu giành tự do thành ra các nhân tài vì nhiệm vụ kháng chiến không thể dự Hội nghị. Chúng tôi là những sinh viên ở Âu Châu, bất tài, chỉ có gắng trình bày một phần nào của văn hóa Việt Nam. Vì nó là bốn phận của chúng tôi chớ ra mà tranh tài với các nước thì chúng tôi không dám.

Nhưng nhân viên phòng văn hóa nói rằng: Nếu Việt-Nam không tranh tài các môn đờn Piano hay Violon thì ít ra Việt Nam cũng có một lối nhạc cổ đặc biệt và các nước như Mông-cổ, Hung-gia-lợi cũng sẽ đem những cây đàn cổ thô-sơ ra dự thi, anh cố gắng để Việt Nam có thể góp mặt với các nước chớ!

Bảo tôi ra tranh tài thì tôi không dám, nhưng bảo tôi ráng dự-thí để Việt-Nam được góp mặt với các nước thì tôi khó thể chối-tù. Thế là tôi nhận lời.

Về nhà tôi nói với anh em .

“Chắc chắn thế nào mình cũng hạng chót, nhưng ít ra trong lúc dự thí và khi có kết quả đầu hạng chót đi nữa mình cũng làm cho tên tuổi Việt-Nam được người ta để ý thêm một chút. Tôi kỳ thật là liều mạng già, làm lì ra dự thí để cho tên Việt-Nam được nhắc nhở đến.

Tuy nghĩ thế nhưng lòng vẫn pháp -phòng. Và chiều ngày 17-8-1949 tôi ôm cây đàn ờ “chết nhạc” của tôi lại, gắn cục tòng chỉ cho ngay, thay dây mới và phủ bụi cây đàn tranh và nắn dây cho nó êm dây. Đúng 4 giờ chúng tôi lại Magyar sinhaz mà dự thi.

Trong lúc chờ đợi, tôi nghe người giới thiệu đọc bằng tiếng Nga, pháp, Anh, Hung rằng hôm nay có những nước Tiệp-Khắc, Hung gia-Lợi, Lô-ma-Ni, Bảo gia Lợi và Việt Nam dự thi về Nhạc và Khiêu vũ theo xưa, tôi đâm ra lo.

Đoàn Tiệp -Khắc ra sân khấu với trên 80 thanh niên nam nữ hát những bài hát cổ và múa những điệu đặc biệt theo đồng quê.

Đoàn Bảo -Gia-Lợi đem trên 100 thanh niêng xướng những bản xưa và nhảy múa rầm rộ, lại thêm có giàn nhạc violon đòn theo điệu Tziganes. Mặc dầu Trời không nóng ấm mà tôi toát mồ hôi. Trời ơi ! Người ta đi dự thí với hàng trăm người, với bao nhiêu bài hát, điệu múa với cả giàn nhạc, mà tôi đơn thân với hai cây đàn quèn này tôi sợ làm xấu hổ cho Việt Nam quá. Tôi nhớ lại ân hận rằng không có năn ní anh Tư Huyện mượn cây đàn Cò cẩn để cây đàn Cò bạch chàng của tôi ra sân khấu dự thi coi kỳ quá .

Nhưng kia đoàn Hung -gia-Lợi ngoài nhẫu lối khiêu-vũ theo xưa còn có thêm một giàn nhạc xưa với cây đàn giống như Tam thập lục với mấy ống sáo bằng đồng, bằng cây.

Đoàn Lỗ-Ma-Ni lừa ra hai người kỳ tài: một em bé 13 tuổi thổi ống sáo năm lỗ những điệu nhạc xưa giống như tiếng sáo của mấy mục đồng đuổi trâu về xóm. Một thiếu nữ chỉ dùng một lá cây mà thổi một điệu Nhạc xưa, tiếng kêu tương tự như giọng kèn tiêu của nhạc ta. Rồi giàn đờn gồm có mấy cây đờn tam thập lục, đàn hình bầu dục như cây tì-bà. Thêm vào đấy bao nhiêu điệu múa tung bừng.

Chết tôi rồi ! Áo tôi ướt đầm cả mồ hôi khi bỏ màn, người giới thiệu ra nói, bây giờ đến phần anh VĂN KHÊ biểu diễn cỗ nhạc Việt Nam.

Trái kị với quang cảnh tung bừng đầy màu sắc, rầm rộ với những điệu khiêu vũ trên sân khấu mênh mông đơn thân và độc mã với cây đàn Cò xấu xí .

Màn kéo lên.

Khán gã hơi ngạc nhiên vì từ 4 giờ đến bây giờ toàn những ban nhạc, những đoàn khiêu vũ, bây giờ lại chỉ có một người ngồi với một cây đàn dị kỳ.

Phóng viên các báo ~~up~~ hình. Ánh Magnésium làm chóa mắt tôi.

Khi lên dây xong, ~~anh~~ thần lại, tôi thấy trên lầu 8 người Giám khảo ngồi trước tám tờ giấy trắng. Thính giả lặng thinh. Tôi nghe tim tôi đập mạnh .

Cầu xin ông Tổ Nhạc giúp cho tôi trong phen này

Những bàn tay lỗi lạc như sáu Tủng, Tư Huyền, Sáu Quý, Chín Kỳ.. Các anh ở đâu để tôi lãnh trách -nhiệm nặng nề là thay mặt cho Cỗ-nhạc Việt-Nam đây ?

Tôi bắt đầu rao ít câu. Tôi không rao theo các điệu cải lương. Tôi phỏng theo điệu sa mạc rồi đặt ngay ra nhiều câu với nhiều ngón run, ngón vuốt

Hôm nay tôi để cả tâm hồn tôi vào đấy, tôi đàn bức trên rồi xuống bức dưới. Cả rạp im lặng nghe .

Dạo đàn trong 5 phút tôi ngâm 6 câu sa mạc vừa ngâm vừa đàn phụ họa theo. Dứt bài tiếng vỗ tay vang dậy cả rạp và họ vỗ mãi trong gần hai phút không ngừng. Tôi hơi vững lòng lên tinh thần lấy đàn tranh ra. Tôi nhấn trên một sợi dây đến chín chữ đàn khác nhau. Phóng viên các báo lại chụp hình một lần nữa. Tôi rao đàn tranh trong 5 phút lại bắt đầu ca bản Bắc cung ai, lại cũng vừa đàn vừa ca. Trước khi ca tôi có cắt nghĩa sơ bằng tiếng Anh và tiếng Pháp ý nghĩa bài hát một thiếp phụ than thân trách phận.

Tôi cố diễn lại sự đau đớn của thiếp phụ bằng giọng ngâm, bằng chữ nhán, bằng nét mặt và khi dứt bài một tràng pháo tay vang lên. Tôi phải trở ra chào thính giả mấy lượt. Nhưng tôi nghĩ rằng đó chẳng qua là lối xã giao chớ so với các giàn nhạc kia tôi còn cho mình kém quá.

Nhưng tôi đã rán hết sức tôi và tôi đã thành công, tôi đã làm được một số thính giả cảm động vì bài hát.

Nhiều phóng viên các báo: Hung, Tiệp, Lỗ đến hỏi tôi về cây đàn Cò và đàn Tranh và họ nói rằng đây là lần đầu tiên trong lịch sử mà cây đàn Tranh và đàn Cò lên tiếng tại kinh đô nước Hung.

Cùng đi với tôi, Anh Nguyễn Ngọc Hà đờn bản Thiền thai bằng Guitare électrique, nhưng khi nhà báo Út hỏi cây đàn gì anh Hà bảo là cây đàn Lục huyền cầm Hạ Uy-di cho nó có cái tên Việt Nam. Anh Hà rất được hoan nghênh với cây đàn và có điều lạ là dân chúng Hung chưa nghe Guitare Hawaïenne àn nào cả và rất thích giọng đàn uốn éo.

Làm xong phần sự, chúng tôi ra về sung sướng ở chỗ Việt Nam cũng đã góp mặt với các nước khác trong cuộc tranh tài này.

Vài hôm sau, nước Nga với một Nhạc công danh tiếng biểu diễn Balalaika và những cây đàn cổ khác . Nước Mông Cổ với cây đàn Tam, lúc khai lúc kéo. Nhạc sĩ Mông cổ đã kéo rất hay như tiếng violon-cellle.

Đến bữa 24-8-1949, sau khi ban Giám khảo cộng đồng lại thì cô thông ngôn hỏi hả chạy cho tôi hay: Anh Khê này! 4 ông/chiều anh 1 tại Âm-nhạc-viện mà lãnh thưởng. Phòng văn hóa vừa cho hay anh được giải thưởng về Nhạc. Anh thay đồ đi mau . Tôi có mấy lời khen anh đấy.!

Thay đồ đi mà tôi vẫn nghĩ rằng có lẽ mình hạng chót nhưng họ cho giải an-ủi hoặc một cấp bằng danh dự chi chi chớ chẳng lẽ mình hơn người ta .

Đến Âm-nhạc-viện thấy bao nhiêu đại biểu các nước ngồi chật, trên bàn danh dự có chủ tịch thanh niên thế giới, chủ tịch sinh viên thế giới, mười bốn viên giám khảo, các nhạc sư, nhạc trưởng các nước.

Hôm ấy, Nga được 50 giải thưởng đàn violon, đàn piano, lọp xướng, độc xướng, kèn trumpet.. các anh nhạc sĩ Nga hạng nhứt cả.

Đến phiên Cổ nhạc, hạng nhứt Garayev (Nga), hạng nhì Biemian (Mông Cổ) và tôi (Việt Nam) hạng ba Plorilkia (Lỗ ma ni) và Beres (Hung gia Lợi)

Khi kêu đến tên tôi, tôi đi lên sân khấu và trong lúc chủ tịch phiên nhóm bắt tay tôi và cả rạp vỗ tay, phóng viên các báo chụp hình, tôi sung sướng vì đại biểu các nơi không phải hoan nghinh cá nhân tôi mà hoan nghinh cả một nền Cổ nhạc Việt-Nam. Tôi sung sướng vì tôi đã không làm hổ mặt Việt Nam.

Và nói ra cắc các bạn cười tôi sao yếu tánh chớ trong những trường hợp thế này tôi thấy mặt tôi nóng bừng và nước mắt từ đâu tuôn dài theo má khi tôi trở về chỗ

ngòi. Lúc đřng trên sân khấu tôi cố dǎn và rán cười nhưng khi về đến chỗ ngồi lại thấy nước mắt đâu nó tuôn ra như thế ?

Dở quá bạn nhỉ ? Nhưng Nhạc sĩ nào lại chẳng dễ xúc cảm hơn người.

Hôm nay khi các báo đăng kết quả, khi các đài phát thanh loan báo tin các cuộc tranh tài, nhiều bạn nhạc sĩ các nước tìm tôi hỏi thăm về Âm nhạc Việt-Nam, về những cây đàn ồ, tiếc rằng không có những cây đàn sén, đàn kiêm, đàn tì bà, đàn độc huyền để cho họ biết thêm, vì khi qua Pháp tôi chỉ có đem được hai cây đàn cũ, mua lại của người ta. Nhưng hiện giờ tôi quý hai cây đàn ấy lắm. Chúng nó đã giúp tôi khi tôi trình bày Cố N hạc Việt-Nam vào hôm 24-08. Có lẽ tôi đã sống được một phút cảm động nhứt trong đời Nhạc của tôi.

Vẫn biết rằng nhờ toàn dân Việt-Nam đang anh dũng tranh đấu, nhờ những lý do chính trị họ phải để cho Việt Nam có một hai kết quả gì, nhưng tôi sung sướng vì đã được đem chút tài mọn mà phụng sự Tổ quốc.

Nước Việt Nam yêu quý của CHÚNG TA .



B- ĐẠO DỊCH TRONG NGHI THỨC CAO-ĐÀI

I- Luận Đạo

1-Đạo là Dịch: Không một ai phủ nhận, nhưng khi vào nghệ thuật như Âm nhạc Việt-Nam, hay nói chung là Nhạc Dân tộc cổ truyền thì không thể thiếu tinh-thần Dịch lý để điều-hòa từ Âm thanh đến tiết tấu. Càng không thể không biết Dịch, khi Thánh-nhân chế tác các loại đờn đã áp dụng Dịch-học vào nghệ thuật một cách sâu sắc.

Xưa Vua Phục-Hi là một nhà thông-minh huệ trí, ngẩng lên thì ngắm Thiên-văn, cúi xuống thì xét lý Âm Dương, chẵn lẻ, vì cớ đó mới vạch thành nét: Một nét liền tượng Dương — một nét đứt tượng Âm — (Đây cũng là do theo lý tính của người mà phân biệt Âm Dương, Nam Nữ. Chỉ một Âm, một Dương làm đầu mối cho muôn ngàn sự vật trong cõi Ðời này. Cả thế-giới hữu hình lẫn vô hình, chính hai ngôi này làm khởi thuỷ, như cha và mẹ trong gia-dình; vạn-vật là đực cái, trống mái.

Người dân-tộc Campuchia hay Chàm họ cũng biết đến hai ngôi này, họ cũng lấy vật Tổ đẻ thờ gọi là Cái “Linga” tức là hình ảnh “chày đặt lên cõi” cũng là hình ảnh Âm Dương, nhưng suy-nghĩ của họ còn nằm trong thời áu-trĩ, tức là còn bán khai, chưa ti ến-hoa.

Dịch-học gọi là Lưỡng-nghi (Lưỡng nghi tức là hai ngôi Âm Dương), cũng gọi là Kiền khôn.

Hai ngôi tác-dụng lên nhau thì có biến-hoa. Sự biến-hoa ấy giống như một tế-bào cứ tăng gấp đôi lên: một sinh hai, hai sinh bốn, bốn sinh tám. Khoa-học gọi là theo luật song tiến-số. Dịch-học gọi là Lưỡng-nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát quái, Bát-quái biến hoá vô cùng mới thành ra Kiền-Khôn thê-giáy.

2-Thành lập nêu quẻ Kiền ══ Khôn ══

Biến-hoa lần này là qua hai giai-đoạn: thêm âm, thêm dương lên ngôi Dương thành ra hai nét dương ══ gọi là Thái-dương số 1, lấy Dương làm gốc, cho một âm đặt lên dương nữa sẽ có dạng là ═— gọi Thiếu-âm số 2.

Bấy giờ đến ngôi Âm biến-hoa cũng như trên, lấy âm làm gốc, thêm dương lên sẽ có một dương một âm —— gọi là Thiếu-Dương số 3, tiếp-tục thêm âm sẽ có hai âm —— gọi là Thái Âm số 4. Lưỡng-nghi sanh Tứ-tượng là

lần biến-hoá ở giai đoạn này, tức nhiên hai nghi sinh được 4 tượng là *Thái dương* số 1, *Thiểu-âm* số 2, *Thiểu dương* số 3, *Thái-âm* số 4. Gọi là tượng, tức là tượng hình, mỗi **tượng chỉ có hai vạch** thôi.

Vạn-vật biến-hoá không ngừng, thế nên Tứ tượng cũng biến-hoá theo qui-tắc như trên. Tức nhiên lần này Tứ tượng biến Bát-quái, gốc Tứ-tượng vẫn đặt ở dưới, Ví như:

Thái-dương qua hai lần thêm dương, thêm âm lên trên thành ra lần đầu có 3 nét dương tạo thành quẻ KIỀN
 Kiền vi Thiên (Kiền là trời) là quẻ số 1.

Lần sau thêm lên nét âm thành quẻ ĐOÀI tức là có một Âm trên hai Dương. Đoài vi Trạch số 2. Trạch là hồ, đầm, ao...

Thiểu-âm cũng qua hai lần thêm dương, thêm âm thành ra quẻ LY Số 3, Ly vi hoả (ly là lửa), tiếp theo là quẻ Chấn vi Lôi số 4, CHÂN là sấm.

Thiểu-dương cũng qua hai lần biến sẽ có quẻ số 5 là TỐN Tốn vi phong (Tốn là gió). Quẻ số 6 là Khảm vi thuỷ, KHẨM (Thuỷ là nước).

Thái-âm qua hai lần biến-hoá như trên, sẽ cho ra hai quẻ là CẤN số 7 và KHÔN số 8 Bát-quái là Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn

Vì sao phải học dịch, vì Càn Khôn là hai cánh cửa để đi vào Đạo Dịch. Kinh Đại-Đạo ngày nay luôn hiển hiện hai chữ CÀN KHÔN:

Lại nữa những phương pháp chế tác Nhạc cũng như tạo ra các Nhạc khí, nhạc cụ đều dùng đến cách án Tam tài, Bát phương, Bát hướng...đâu đâu cũng hiện tinh thần Dịch-lý trong đó. Dịch là trọng yếu của môn Âm Nhạc Cổ truyền Việt-nam đó vậy..

Kinh Phát mẫu:

*Càn Khôn sản xuất hưu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh*

.....

*Càn khôn tạo hóa sánh tài
Nhứt triêu, nhứt tịch kinh bài mộ khang.*



II- NGHI THỨC CHỈNH ĐỐN LÒNG NGƯỜI TRƯỚC ĐÃ

LỄ là những phép tắc qui củ được đặt ra hay là tập quán của xã hội. Nghĩa rộng Lễ còn là quyền chính của nhà vua cùng cách tiết chế của nhân dân và cả những việc thích-hợp với cái lẽ công chính-dính của đạo-lý và lẽ thích-nghi của sự-lý.

LỄ còn là cái thực của Nghĩa. Lễ tự đối với từng người là những qui củ đặt ra buộc thân-xác phải theo để tới mục-dịch chính-dính và bền-bỉ của mình. Lễ còn là những cái tự khắc-phục chính thân mình để khỏi ra ngoài tập-quán của cái Lễ thi-hành, để hàm-duồng cái tính-tình của đồng-loại, giữ mực trung mà xử-kỷ tiếp-vật, tức là tự xử với mình và tiếp người vậy.

Thế nên, Thánh-nhân mới đặt ra Lễ để ngăn giữ cái tình cảm của người ta cho có chừng mực, không nên có lúc thái-quá, lại có khi bất-cập.

Không-Tử nói rằng: “*Cung nhi vô lẽ tắc lao, thận nhi vô lẽ tắc tú, dũng nhi vô lẽ tắc loạn, trực nhi vô lẽ tắc giáo.*” Nghĩa là: Cung kính không có Lễ thì nhọc, cẩn thận không có Lễ thì khiếp sợ, Dũng mà không có Lễ thì loạn.

Tính thẳng mà không Lễ thì ngang-ngạnh, nên kẻ vũ-dũng mà không có Lễ át là kẻ vũ-phu mà làm loạn. Trong cuộc mạnh lớn mà không có Lễ thì át lầm điều càn

bậy nên người Quân-tử coi cuộc mạnh-mẽ to lớn mà không phải Lễ thì không bước chân vào vậy.

Phu-Tử lại nói rằng: “*Phi lẽ vật thi, phi lẽ vật thính, phi lẽ vật ngôn, phi lẽ vật động.*” Tức nhiên: không phải Lễ chớ trông, không phải Lễ chớ nghe, không phải Lễ chớ nói, không phải Lễ chớ động.

Như ở đây nói rõ là: *Không phải Lễ chớ bước vào.*

Người Quân-tử trong lúc thời mình đang mạnh-mẽ lớn-lao như vậy, tài đức lớn lao thì tới đâu hay thi-hành gì ai mà chẳng phục, chẳng hanh-thông? Những nơi không phải Lễ thì không bước chân vào. Trong cuộc Đời, người Quân-tử xử-kỷ, tiếp-vật như vậy tỏ rõ là có một nghị-lực tự-chủ mạnh-mẽ to lớn biết là dường nào! Có thể ngăn-cản ép mình theo ý-muốn của mình mà không bao giờ phóng đãng theo vật-dục. Như những kẻ vũ-phu có cái lực nồng cù đinh, sức đánh muôn người, ra trận thì bách chiến bách thắng mà tâm mình vẫn chưa được chính. Như ~~N~~-phá Luân cứng mạnh thế mà cũng thành mèm-yếu bên cạnh nàng Joséphine. Trụ-vương sức địch muôn người mà cái trí chỉ xiêu vè với nàng Đắc-Kỷ.

Thứ hỏi lỗi áy do ai? Do nàng Joséphine chẳng? Do nàng Đắc-Kỷ chẳng? Ngẫm cũng buồn cười; Người ta đẹp, người ta quyến rũ với sắc nước hương trời ấy thì mặc người ta, can chi tới mình, mà đầm, mà lụy rồi đổ cho tại “Đàn bà”! Chỉ có thắng mình không đư ợc mà tự làm lụy cho mình, mà làm cho “Ngửa nghiêng chín bê, gập-ghình ba châu” là tại các Ông chứ sao lại đổ là tại Đàn bà đẹp?

Cái vũ-dũng của những đáng nhân-quân đó ững chỉ là những sức mạnh đè-ép được người mà chưa có thể tự đè ép được mình, cho nên mới bị cái nạn vong-quốc.

Cái sức mạnh to lớn không chính-đính có thể mất được mà cái trí óc của đứa thất-phu khó lòng ~~w~~ óp nổi.

Cho nên cái trí của đấng Quân-tử to-lớn mạnh-mẽ lăm thay, không cần trí người mà tự trị mình được thì át người phải trị được. Ôi! những lời răn của Thánh-nhân cao xa lăm thay!

Khổng-tử nói rằng: “*Tam quân khả đoạt Suý dã, xá-phi bát khả đoạt trí dã*” Luận-ngữ:Tử-hãn IV. Nghĩa là có thể bát được Tướng suý trong đám ba quân mà không thể cướp được cái trí của đứa thất-phu. Ở đời chẳng gì mạnh mà to bằng cái Trí, chẳng gì giàu-có hơn cái Trí. Người biết luyện cái Trí có thể tự khắc kỷ, đó là bậc Đại tướng đại-tài mạnh mẽ như Trời-đất, giàu có hơn bốn bể.

Đạo Cao-Đài chỉ một câu là đủ: “Ngũ nguyện Thánh-Thất an ninh” tức nhiên chính mình phải tự an cái tâm của mình, làm Chủ cái tánh của mình.



1-Trong khi Cúng Tú thời tụng niệm qua những bài Kinh Tam giáo:

-Về Phật giáo tâm kinh Thờ Đức Thích Ca nhưng kinh xưng tụng Đức Nhiên Đăng, cũng như bên nhà Thiền Tăng đồ thờ Thích Ca mà niệm Di Đà. Xưng tụng Đức Nhiên Đăng là xưng tụng cái đức khai nguyên, vị Phật đầu tiên ven đường mở ngõ dọn nền. Còn thờ Đức Thích Ca là thờ cái công lập nên ngôi nhà Phật Giáo, đó là cái lý hữu thi hữu chung mới là Trung đạo sẽ thành Đại Đạo.

-Về Tiên Giáo Tâm Kinh xiển dương oai linh Thái Thượng, niêm danh cũng Thái Thượng, nhưng cúng đàn ngày sinh của Lão Tử, cũng như thờ Đức Quan Âm Tị Kính, mà cúng đàn ngày của Đức Quan Âm Diệu Thiện.

-Về Thánh Giáo Tâm Kinh xưng tụng Đức Văn Tuyên. Cũng vậy, nhưng niêm danh Khổng Thánh là vị Hưng Nho. Cúng đàn cũng ngày của Khổng Thánh.

Đây là ba Tôn giáo buổi Nhị Kỳ, vị Giáo Chủ cõi ta bà làm cái lý trung hoà, nên Đức Thích Ca thuyết kinh Di Đà, vị Phật buổi Nhứt Kỳ, đắc linh phô truyền giáo pháp. Đến Tam Kỳ Đức Thích Ca còn thuyết Di Lạc Chơn Kinh đó là Ích bàn giao cơ tận độ chúng sinh cho Cao Đài ở thời kỳ Đức Di Lạc. Bởi Sơ hội Long Hoa Đức Nhiên Đăng Chưởng giáo Thanh Vương Đại Hội. Nhị hội Long Hoa Đức Di Đà Chưởng Giáo Hồng Vương Đại Hội. Tam hội Long Hoa Đức Di Lạc Chưởng Giáo Bạch Vương Đại Hội. Đức Di Lạc: vị Cổ-Phật thứ ba đứng ra cứu đời, vâng mệnh trời đến để lập lại thời Thượng Nguơn Thánh Đức.



2 - TINH KHÍ THẦN VÀ PHÁP ĐỊNH VỊ CÀN KHÔN

1/-Cúng Đại Đàn:

Chỉ có nơi Tòa Thánh mới được cúng, còn các Thánh Thất, thì cúng Tiểu Đàn. Ở tư gia cúng thường mà thôi.

Vậy chúng ta phải năng đến Tòa Thánh hoặc các Thánh Thất cúng Đàn để được dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn.

Theo Tân Luật qui định, người Đạo mỗi tháng phải đến Thánh Thất hiến lễ trong hai ngày Sóc Vọng. Điều này, chúng ta cũng không còn chối cãi gì mà không làm cho hết bốn phận, vì một tháng chỉ có hai ngày mà thôi.

2/-Đàn thường:

Đạo Cao-Đài quan trọng ở sự cúng Tứ thời

Đức Hộ-Pháp giảng qua Lời Thuyết Đạo rằng:

“Bản-Đạo tưởng thầy trong trí cần phải buộc cả thầy Di cúng” Đi cúng tức là Cúng Tứ Thời vậy.

Về việc Cúng Tú thời:

Tân Luật: Điều thứ hai mươi qui định Chức sắc giữ Thánh Thất mỗi ngày phải làm Tiếu Lễ bốn lần theo Tú Thời: Tý, Mèo, Ngọ, Dậu. Mỗi thời phải cúng đúng 12 giờ khuya, 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, 6 giờ chiều. Ở tư gia, dầu cúng một thời nào trong Tú Thời cũng phải giữ đúng theo những giờ đã qui định trên đây mà hành lễ.

Một ngày có 24 giờ, chia làm hai thời điểm: ngày và đêm là Âm Dương. Mỗi một thời điểm là 12 giờ, tượng là Thập Nhị Thời Thần, mỗi thời có 2 tiếng đồng hồ, chia làm bốn khoảnh-khắc:

- Thời Tý: từ 11 giờ (đêm) đến 1 giờ khuya.
- Thời Mèo: từ 5 giờ (sáng) đến 7 giờ sáng.
- Thời Ngọ: từ 11 giờ (trưa) đến 1 giờ trưa.
- Thời Dậu: từ 5 giờ (chiều) đến 7 giờ tối.

Thời Tý cúng đúng 12 giờ (khuya) là chính giữa của thời, là trung hòa chi Đạo. Có nghĩa rằng: Trung là cái gốc lớn của thiên hạ, hòa là cái đạt Đạo của thiên hạ. Cùng cực cả trung và hòa, thì Trời Đất định vị, vạn vật hóa dục. Tiên Nho có câu: “*Trung giả dã, thiên hạ chi đại bản dã, hòa giả dã, thiên hạ chi đạt Đạo dã. Chí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên*”.

Đây là cái gờ giáp giới, ngày cũ hết, ngày mới bắt đầu, nên 12 giờ đêm của 30 tháng 12 (chạp) gọi là giờ giao thừa.

Còn lại ba thời: Mèo, Ngọ, Dậu cũng cúng đúng chính giữa thời như vậy, tức là 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, 6 giờ chiều

Sở dĩ phải cúng đúng vào các giờ qui định trên là vì Đạo Cao-Đài lấy hai chữ chính trung làm cơ bản, nghĩa là chánh Tý, chánh Ngọ, chánh mèo, chánh Dậu vậy

Đức Chí Tôn phân định thời **Tý, Ngọ cúng rượu.** **Mẹo, Dậu cúng trà** là một ý nghĩa huyền bí cao siêu để cho con cái của Ngài được hưởng Bí-pháp vô vi là một đặc ân vô giá của Ngài ban cho đó vậy.

***Thời Tý:** Là thời cực Âm sanh Dương, là thời Nguồn Khí ảm Đức Chí Tôn phát khởi, do nhứt điểm Dương sanh chi thủy, vận chuyển Càn Khôn hóa sanh vạn loại, nên dạy **hiến rượu** là muộn cả khí phách, năng lực của toàn Môn-đệ giúp hay cho phần diễn lực của Đức Chí Tôn. Hiến lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta hưởng khí sanh quang ảm Đức Chí Tôn làm cho khí phách của chúng ta được mạnh mẽ, trí não sáng suốt.



Theo Dịch-lý là quẻ Phục (Địa Lôi Phục) tức nhiên quẻ trên là Khôn vi *Địa*, dưới là Chấn vi *Lôi*. Đọc là Địa Lôi Phục. Có một Dương chịu dưới 5 Âm. Dương bắt đầu tiến dần lên. Gọi là Dương tiến, tất nhiên Âm phải thoái, hay cũng nói là Âm tuyệt Dương sinh

Thời Ngọ: Là thời Nguồn Khí của Đức Chí Tôn đến buổi cực thạnh, đầy đủ ánh Dương quang, soi thấu cả nguồn sanh khí của toàn thể vạn loại, tức là cực Dương sanh Âm, là nguồn tịnh dưỡng Nguồn Khí, nên dạy **hiến rượu.** Hiến lễ Đức Chí Tôn giờ này, chúng ta được hưởng khí sanh quang ảm Đức Chí -Tôn, hàm dưỡng khí phách của chúng ta được an tĩnh. Thé nên dạy hiến rượu cũng như Thời Tý vậy.



Dịch-lý ứng vào quẻ **CẤU** (Thiên-phong Cấu) tức nhiên quẻ trên là Càn vi *Thiên*, quẻ dưới là Tốn vi *Phong*, đọc là *Thiên Phong Cấu*. Quẻ này có một Âm dưới 5 Dương, tức là thời Dương tiêu Âm trưởng, nghĩa là Âm lần lần lần Dương ra ngoài.

***Thời Mèo:** Là thời Nguồn Thần của Đức Chí Tôn sau những giờ định tĩnh mà phát khởi biến hóa, sanh trưởng muôn loài, do Âm Dương vắng lai giao thới, gọi rằng Thủy Hỏa ký túc, vạn loại hữu sanh, nên dạy hiến trà dùng Âm Dương thủy là mượn cả linh-hồn yên tĩnh điều hòa của chư Môn-đệ giúp hay cho phần Bí-pháp của Đức Chí-Tôn. Hiến lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta hưởng được Thần lực của Đức Chí Tôn mà làm cho Chơn Thần của chúng ta được tráng kiện.



Dịch-lý ứng vào quẻ Đại-Tráng (*Lôi Thiên Đại-Tráng*) tức nhiên quẻ trên là Chấn vi *Lôi*, quẻ dưới là Càn vi *Thiên*, đc là *Lôi Thiên Đại-Tráng*. Quẻ này 4 Dương ở dưới đã lấn dần hào âm ra ngoài, đó là thời Dương tiến Âm thoái, hay là Dương thạnh Âm suy.

***Thời Dậu:** Là thời Nguồn Thần của Đức Chí Tôn giáng hạ và tịnh dưỡng, cũng do Âm Dương vắng lai giao thới, Thủy Hỏa ký túc, vạn loại toại sanh, nên dạy hiến trà. Dùng Âm-Dương-thủy cũng như thời Mèo vậy. Hiến lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta được hàm dưỡng Chơn Thần an tĩnh.



Dịch-lý ứng vào quẻ Quan (Phong Địa Quan) Túc nhiên quẻ trên là Tốn vi *Phong*, quẻ dưới là Khôn vi *Địa*, đc là *Phong Đạ Quan* (có khi đc là Quán). Tất nhiên quẻ này là quẻ đảo ngược của quẻ Đại-tráng, có nghĩa là quẻ này có 4 Âm đã lấn hai Dương ra ngoài là thời của Âm trưởng thì Dương tiêu.

Thánh-ý của Đức Chí -Tôn mượn cả khí phách, năng lực và tánh chất điều-hòa của chư Môn đệ mỗi ngày trong bốn thời Cúng đều phải đến trước mặt Thầy để nghe Câu nguyễn và Xét mình.

Việc dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn là một điều hết sức quan trọng. Chỉ cúng lễ Đại Đàn và Tiểu Đàn mới được trọn dâng Tam Bửu mà thôi.



3-Giá trị của việc Cúng Tú thời

Có khi nào ta nghĩ rằng tại sao phải cúng Đức Chí Tôn và Phật -Mẫu mỗi thời, mỗi ngày không? Giá trị của sự Cúng kính ra làm sao? Và khi nào được nghỉ Cúng?

Thuở Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền Ngài cũng lo ngại cho loài người vì sự văn-minh tuyệt đỉnh bị “giục thúc bởi phuong sống vật chất, họ tìm hạnh phúc trong cái sống vật hình, vì cớ Đạo-giáo mất uyên”.

Ngài vẫn nạn Đức Lý Giáo-Tông:

“Đương thế kỷ hai mươi này văn-minh cực điểm đã đi quá cao rồi, đem đạo-đức tinh thần làm thuyết cừu thế sợ chẳng có kết quả. Tôi công nhận rằng trước hai ngàn năm có Æ nhơn loại còn bảo thủ được khỏi thiên lương, biệt xu-hướng đạo-đức; tinh thần đạo-đức buổi ấy dường như gặp một mảnh ruộng có nhiều phân ném hột giống mới mọc đặng, còn thế-kỷ hai mươi này là thời-kỷ văn-minh vật chất, nếu đem đạo-đức ra làm môi giới cừu văn tình thế cho đời e vô hiệu quả.

Đức Lý Ngài than, nói quyết đoán rằng:

- Theo Æ Hiền -hữu nói nhơn lại ngày giờ này không cần đạo-đức có phải?

Bàn-Đạo trả lời:

- Thật vậy! Nhơn-loại buổi này không cần đạo-đức, chỉ tìm hạnh phúc noi văn-minh khoa học cũng có thể được chứ?

Ngài cười:

- Văn-minh khoa-học chỉ nuôi phần xác thịt mà

thôi, con phần linh hồn chắc-chắn họ sẽ đòi!

Bàn-Đạo vẫn nạn tiếp:

- Tại sao Ngài nói linh-hồn đòi? Linh-hồn có ăn sao mà đòi?

- Phải! Phải có vật-thực đặng bảo dưỡng nó như thi hài vậy, nếu không vật thực nó sẽ tiêu-tụy rồi chết mà chó!

Bàn Đạo lại hỏi:

- Đạo-đức tìm nơi đâu mà có đặng?

- Túc nhiên tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống mới có, mà tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống tức là cửa Đạo. Buổi ăn của linh-hồn là buổi ta vô Đèn thờ cúng đây! Ta không thấy mùi của nó tức chưa hưởng được, tưởng vô Đèn thờ là bị luật buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho linh-hồn ăn vậy! Bàn Đạo tưởng thấy trong trí cần phải bắt buộc cả thảy đi cúng. Vì trong thâm tâm Bàn Đạo định mấy người chưa biết mùi của nó, cũng như kẻ nhà quê đưa cho gói bánh ăn chẳng được, rồi khi đã biết mùi rồi bán cả áo quần mà mua ăn” (TD II/152).

Vì tính cách trọng -yếu đó mà Đức Phật Quan-Âm nhắc nhở rằng:

4-Phải nănng cúng kiến:

“Lẽ bái thường hành tâm Đạo khởi” tức nhiên ở nền Đạo Cao-Đài việc trọng-yếu là cúng Tứ Thời, giá trị Cúng Tứ Thời được Phật Bà Quan Âm dạy (TNII/89).

Các em phải lo cúng kiêng thường:

1-Một là tập cho chơn-thần được gần-gũi với các Đáng thiêng liêng cho đặng sáng lạng.

2- Hai là cầu khấn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

3- Ba là có tết-lẽ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự-nhiên.

4- Bốn là tâm có cảm thì lòng Bác-Ái mới mở rộng mà nhứt là khiếu lương tri, lương-năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫn huệ. Các em nhớ à !”

Đúng như câu “Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi”.

Đức Hộ Pháp xác nhận về giá trị của việc cúng kính “Không có một điều gì mà Chí-Tôn định trong chọn-giáo của Ngài đâu Bí-pháp, đâu Thể-pháp mà vô ích đâu! Đáng áy là Đáng tung-tiu con cái của Ngài lắm! Thoảng có điều gì không cần ích mà con cái của Ngài nói rằng “không muốn” Ngài cũng bỏ nữa đa! Từ ngày khai Đạo: Kinh kệ, Lễ bái, sự chi sắp đặt về đạo-đức cũng chính Đức Chí-Tôn tạo thành, không phải do các Đáng khác. Ngài buộc mình làm là có cần yếu, hữu ích chi chi đó Ngài mới buộc, vì có nên thời-giờ này thấy Bàn-Đạo bó buộc nghiêm-khắc quá, có lẽ có kẻ biếng-nhác cũng phản nàn lén lút.

“Ngày cuối cùng các Bạn gặp mặt Bàn-Đạo nơi Thiêng-liêng, Bàn-Đạo sẽ hỏi các Bạn coi khi còn ở thế Bàn-Đạo buộc cả thảy đi cúng là có tội hay có công? Công hay tội ngày giờ ấy sẽ có tấn-tuồng tâm-lý ngộ nghĩnh với nhau vô cùng tận. Chừng đó mới biết lẽ nên hư.

Ngày nay, giờ phút này Bàn Đạo đứng tại giảng đài này để khuyên nhủ, còn biếng nhác quá, xác thịt đã hư rồi, đến linh-hồn phải coi chừng cho lắm, kéo ngày kia ăn năn quá muộn” (TĐII/153)

Người Đạo Cao-Đài buộc phải cúng kiêng thường để làm làm gì ?

- Phải chăng để thám nhuần cái lẽ màu-nhiệm mà mỗi lời trong Kinh, ưng như mỗi câu, mỗi chữ có một

giá-trị triết-lý vô cùng sâu kín. Những điều sâu kín nhiệm màu duy tâm ta hiểu tới đâu thì thấm tới đó chứ không bao giờ tới chỗ tốt cùng cho được.

Ví như: Một đồng nai mới biết đọc Kinh āng đ ọc thuộc câu: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”nhưng chỉ thuộc lòng như vậy thôi. Khi trình độ hiểu biết khá hơn sẽ thấy rằng câu ấy là do câu Đạo do tâm hợp 道由心合 Hiểu hơn chút nữa thấy rằng cả câu ấy nói rằng Đạo được kết hợp bởi hai lý Âm Dương “Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo” cho nên Đạo là do chữ TÍN và THÀNH.. Tín là Tin tức nhiên người Đạo trước hết phải có Đức Tin và lòng Chí-thành. Đức tin từ ở con người mà có tượng quê LY là trong rỗng ngoài đặc, còn Thành là do trời thuộc quê KHẨM trong đặc ngoài rỗng...

Như vậy Đạo thì mênh mông như biển cả, may mà mình nếm được chút hương vị của nước biển để phân biệt với nước sông hay nước của hồ ao mà thôi, nào ai uống cạn biển Đông bao giờ!

5-Sự hiến lê của Tôn Giáo Cao Đài:

- Hoa tượng trưng cho Tình,**
- Rượu tượng trưng cho Khí,**
- Trà thì tượng trưng cho Thần.**

Nếu như một người kia tìm Đạo, người ta thấy mình dâng ba món cúng phẩm mà mình gọi là ba báu, rồi người ta để mắt thấy **Bông, Rượu, Trà** người ta để dấu hỏi, ba món ấy báu lăm hay sao? Báu ấy là báu gì ?

Đức Hộ-Pháp nói:

“Bần Đạo đã giảng ba cái đó tượng trưng cho báu vật của ta là:

-Thú nhứt thân phàm xác thịt của chúng ta đây, thuộc về Tinh, Bông tượng trưng xác thịt.

-Thú nhì là trí não của ta, khôn ngoan hơn vạn vật gọi là Khí, Rượu tượng trưng cho trí não.

-Thú ba Trà tượng trưng cho linh hồn của chúng ta là cái hằng sống thiêng liêng của chúng ta, nó mới gọi là ba cái báu. Thật ra chúng ta suy nghĩ coi không có gì quý hơn *xác thịt ta, trí óc ta và linh hồn ta* hơn hết.

Giờ phút này Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta dâng Tam Bửu: Bông, Rượu, Trà; tưởng đâu là gì, thiên hạ nói báu gì đâu ba món này gọi là báu. Ai ngờ ba món báu ta dâng cho Ngài là báu vật, bởi vì Ngài là Chúa của ta, Ngài tạo sinh ta, Ngài là Cha của ta về phần hồn và phần xác, Ngài đãi ba món quyền sở hữu của Ngài cho ta, lấy ba món báu của ta đó vậy”.

Giờ phút này:

***Lễ dâng rượu** phải đúng *Ngọ* và *Tý* bởi hai thời đó nguồn khí của trời đất hưng vượng,

***Dâng Trà** phải thời *Mẹo* và thời *Dậu* bởi hai giờ đó nguồn thần của trời đất hưng vượng.

6- Pháp giới tạo đoan

Trong cơ khởi thủy, pháp giới tạo đoan, Càn Khôn đã định vị, Đức Chí Tôn mới giao quyền cho Phật Mẫu quản khí Hu Vô. Hu là hư linh, Vô là vô~~ực~~, bởi nguyên nhân đó mà chúng sanh ném danh Đức Diêu Trì Kim Mẫu

“Nam-mô Diêu-Trì Kim-Mẫu Vô cực Thiên Tôn” với hai chữ “Thiên Tôn” là vậy.

Ngôi Vô~~ực~~ ở Đức Phật Mẫu là pháp giới phát xuất Khí Hu vô biến tạo Chơn thần cho chúng sanh trong khôi Vạn Linh nhờ phối hợp Âm Dương mới đủ Tinh.

Khí. Thần như trời đất, đúng như câu “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” 天地萬物同一體

Riêng sự bái lễ Đức Phật Mẫu không lấy dấu Phật - Pháp-Tăng nhưng thể hiện trong câu niêm:

- “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu*” là Phật
- *Nam mô Cửu Vị Tiên Nương* là Pháp.
- *Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh* là Tăng.

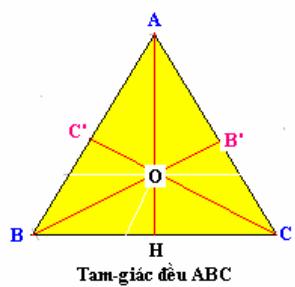
Ngọc Hư là Thiên điêu, còn Cung Diêu Trì là pháp giới, do nguyên lý đó nên Tôn giáo Cao Đài đem lật áp dụng ở mặt điêu hành về pháp cốt yếu để giữ thăng bằng cho cơ đạo. Dầu Tín đồ dĩ chí Thiên phong muốn tạo công lập vị phải đi trong khuôn luật Cửu Trùng Đài, còn Hiệp Thiên Đài lẽ đương nhiên là pháp định vị.

Đời lập Pháp Viện Tối Cao để chủ lấy luật, với đạo lại khác, có Phật rồi mới có Pháp. Do đó ngôi luật của Đức

Chí Tôn ấm quyền Phật chủ cả Pháp và Tăng. Người tu biết tùng khuôn luật của đạo do sự tìm tàng đạt được chọn lý là đắc Pháp, rồi gắng trau dồi thân tâm, trụ được chọn tánh là đắc Phật, lúc nhập định xuất thân được gần gũi với các đấng đê học hỏi gọi là đắc Duyên, nhờ đó mở được con mắt

giữa nòi trán là cái cửa của tâm linh. Với cái nhìn quán thông căn cơ của mình chỗ bẩn lai diện mục là đắc Vị.

Như vậy Trời Đất cũng có Tinh-Khí-Thần. Bởi ánh Thái Cực nảy sanh Thái Bạch là nguồn Tinh, nêu bùi Tam Kỳ Đức Lý Đại Tiên kiêm nhiệm Giáo Tông, cầm quyền chuyên thể vừa sửa trị vừa định vị cho Thánh thể của Đức Chí Tôn. Trong nguồn bảo tồn dấu ấn chơn trời



gốc bể cũng có Bàn trị sự là Hội Thánh Em thay hình thể cơ tận độ của Thầy là vậy.

Đạo tượng lý Thái-cực do cung **Càn** biến xuất dưới một vạch ngang hai vạch chói lên thành hình tam giác, mọi vật thể cực lớn từ hữu hình lẫn vô hình chẳng lọt ra ngoài, còn cực nhỏ ví như hạt nguyên tử cũng khó ẩn được bên trong. Với cái không không là Vô cực, giữa Thái cực và Vô cực Đức Thái Thượng và Đức Hộ Pháp là đầu mối trung hòa trống cực, nhờ đó mà tạo thành khối điển lực sanh quang cho Càn Khôn Tứ Giới. Vì thế mà Tôn giáo vẫn quý ba ngôi báu của trời đất, gọi là Tam tài: Thiên Địa Nhân.

Người tu theo Phật hằng niệm Phật-Pháp-Tăng:

- Tâm ta biết thọ giáo là *Qui y Phật*,
- Tánh biết giữ giới là *qui y Pháp*,
- Thân biết hành theo chơn truyền là *qui y Tăng*.

Triết lý của Đức Chí Tôn đối với con người từ thể xác đến linh hồn, thì Phật là tượng lý, Pháp là định vị, Tăng là phát huy chơn tướng của Đạo nhờ đó mà xây dựng nên nền chánh giáo phổ truyền.

Giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên:

- Tăng là Tinh, phần sanh hóa,
- Pháp là Khí lý trưởng dưỡng,
- Phật là Thần cơ an định.

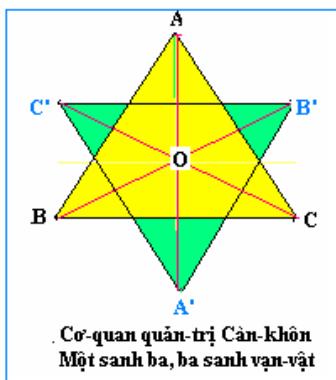
Đối với người tu hằng niệm Phật-Pháp-Tăng coi như hằng kính vậy, hễ kính Phật thì xá vô, kính Pháp thì xá ra, kính Tăng thì xá ngang tức mỗi người chúng ta tạo nơi đàn ại một pháp Tứ Tượng nhứt Âm, nhứt Dương của trời đất, nhờ đó mà biến sanh vạn vật.

- Xá Tăng là xá cái nguyên lỵ cơ sán g tạo ở cõi vô hình trước kia, cũng như ở mặt hữu vi, nhờ sự khởi thi



Tứ Tượng

mới có chỗ để cho chúng ta sùng bái, tức nhiên phải kinh Tăng, trước cũng như sau: vô thì chào, ra thì kiếu, chớ không phải xá đối tượng giữa nam và nữ.



rồi mới đắc Phật,

Khi xá chí trán kinh Thiên, chí đơn điền kinh Địa, chí ngực kinh Nhân. Nhân túc tâm, tâm túc thiên, thiên giả ngã đã, còn xá với phép định vị là Thiên -Địa-Nhân. Ý nghĩa lạy tiêu biểu lý phục nguyên Thiên-Nhân-Địa, thấy rõ con người chún g ta là pháp trung hoà của Thiên và Địa, nên khởi lạy trước đem cái điểm dương của Thiên vào Tâm. Chừng ngắt dậy đem cái điểm âm của địa lên, tức hệ thống dương của bản tâm đã đắc nhứt hình thành pháp Tứ Tượng ở con người, cũng như nơi đàn nội, lúc ngắt lên để lạy tiếp thể hiện Địa Nhân-Thiên của mỗi Thùa trong chín phẩm với pháp Dục Tân là Địa - Nhân-Thiên.

C-Tam ngôi: Phật. Pháp. Tăng

Người Tín hữu Cao-Đài phải biết tất cả các nghi thức từ đơn giản đến phức tạp

Như đã biết trong con người có ba món báu đó là TINH. KHÍ .THÀN được gọi là Tam bửu.

Còn luận về phật pháp, từ vô thi đến khởi thi, Tăng là nguyên lý phát khởi Càn Khôn đó là cơ mầu nhơn đạo của Đức Chí Tôn, và phân hóa vừa phân quyền định vị mỗi vật thể, mỗi chơn hồn với bản năng sanh tồn tự hữu, nhờ Tăng mà phát huy cơ tạo doan cùng chân lý Đạo, nên người tu đắc Pháp

Tam bửu ấy người tu phải làm cho hiệp mới gọi là
Đắc Đạo.

Người tín hữu Cao-Đài mỗi phen vào đảnh lễ Đức
Chí Tôn, trước hết phải Xá ba xá: tức là *Kinh Thiên*, *kinh Địa*, *kinh Nhân*. Đoạn quì xuống lấy dâu và niệm; câu
niệm Phật, Pháp, Tăng gọi là điểm Tam-quí, tức là:

- Nam-mô Phật.
- Nam-mô Pháp.
- Nam-mô Tăng.

Đó là ý-nghĩa của Tam ngôi, nhưng Tam ngôi này
không bao giờ phân lìa, ấy chứng tỏ sự hiệp Tam bửu
trong Đạo-pháp.

Kinh Phật hay các Đắng đều xá ba xá là bởi chúng
ta ngưỡng vọng cái lý Tam Tài.

Kinh pháp xá có một, với chân lý vạn pháp qui
nhứt.

Kinh Tăng cũng xá một, bởi nhứt thiết chúng sanh
nhứt điểm linh.

Ở Cơ Tạo đoạn có Phật Pháp rồi mới có Tăng. Dầu
những đắng thay trời lập giáo cũng không ngoài chân lý
đó. Không Thánh dạy chúng sanh tu thân giữ điều nhân
với phép tồn tâm, Thái Thượng dạy lập đức để tu mệnh
làm phượng duồng tánh. Thích Ca dạy về linh hồn có luân
hồi quả báo. Trong Tam Giáo, Phật là Thần, Tiên là Khí,
Thánh là Tinh, **bi** có Không Tử chiêm bao găip Lão Tử
rủ bay lên không trung, nhưng có gắng mà vẫn quá chậm
chừng gấp núi non hiểm trở lo sợ, Lão Tử mới nói đó là tư
tưởng chớ chẳng có chi, cứ bình tĩnh tự nhiên bay qua thì
được. Khi đó Không Tử nhìn thấy đôi cánh mình nhỏ lẩn
chỉ còn ba cọng lông còi, nghe hỏi nặng nề nên hạ cánh trở
về cùng mặt đất, tất nhiên đạo Thánh thể hiện phần Tinh
của con người.

Con người phải đủ **Tinh Khí Thần**. Đó là trết lý của Tam Giáo. Trong con người chúng ta phải có đủ ba Tôn giáo:

- **Phật** là linh hồn,
- **Tiên** là chơn thản,
- **Thánh** là xác thân.

Tôn giáo Cao Đài đã bêu tượng cho cơ qui nhứt của Đức Chí Tôn trong sự hiến lễ: **Hoa** thể hiện cho nguồn Tinh, **Rượu** thể hiện cho nguồn Khí, **Trà** thể hiện cho nguồn Thần. Trà có chung nước trắng tượng lý âm dương

Rượu là Khí sao lại ba chung?

Ba chung cùng một nguyên lý: con người ở giữa so với trời đất thể hiện cơ định vị là ba nguồn Khí của Thiên Địa-Nhơn. Hay nói khác đi là Tam tài đó vậy. Về tượng lý khởi thủy của cơ tạo đoạn Càn Khôn Vũ Trụ, ngôi Thái Cực Đức Chí Tôn phát xuất ba nguồn Khí:

1-Thái Thượng 2-Nguồn Thủ 3 - Hộ Pháp.

Luận đến vô thủ là ba nguồn khí của Phật Pháp Tăng ở ba ngôi: Đạo sanh nhứt, Nhứt sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật

Loài người là phẩm tối linh để đại diện cho chúng sanh, nên trong **gì** hiến lễ, coi như nguồn Khí của Vạn linh được hiệp cùng Đấng Chí-linh. Nguồn Vô Thể khởi điểm có tượng lý, có định vị bằng pháp số Nhứt là Thái Cực, nhì là Lưỡng-Nghi kế đến là Tam Tài. Vì vậy mà Đạo Cao Đài rất chú trọng lễ Dâng Tam Bửu.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Trọng giá của TAM-BỦU mà CHÍ-TÔN ua chuông để dâng Đại Lễ cho Ngài là nguyên-nhân chấm dứt cái họa tranh thù đã gây nên trường oan-nghiệt cho toàn thế-giới “

D-Lạy khi dâng Tam Bửu:

Tại sao Hành Chánh, Phước Thiện hai bên thực hiện nghi lễ cúng Đàn dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu, sự bái lễ thấy không giống nhau?

Trước kia Đức Hộ Pháp đã dạy Lễ viện nơi Đền Thánh cũng như Báo Ân Từ đều bái lễ như nhau khi dâng Tam Bửu. Về sau, Chức sắc đàn anh có thỉnh ý Hội Thánh xin sửa đổi về cách lạy, có khác ở pháp số.

Đầu năm Đinh Hợi (1947) ông Giáo sư Ngọc Ninh Thanh người thâm Nho -học được bổ nhiệm nắm quyền Thượng Thông Lễ Viện Cửu Trùng Đài, mới đề nghị cùng Hội Thánh về cách bái lễ khi dâng Tam Bửu như sau:

- Trường hợp dâng một Bửu thì lạy ba lạy (mỗi lạy bốn gật), còn dâng đủ ba Bửu thì mỗi Bửu lạy một lạy, mỗi lạy bốn gật, để khi dâng một Bửu hay ba Bửu thì cũng giữ đủ mười hai lạy cho đúng số 12 của Thầy, đề nghị này được Hội Thánh đồng ý ra Châu tri ban hành nhưng tài liệu đó đã bị thất lạc.

Tương tự, ngày 18 -8 Mậu-Dần (Dl 10-10-38) Hội Thánh ra Châu Tri số 61, do ba vị cầm quyền Chánh Phối Sư ký, là:

- 1-Giáo sư Thái Phấn Thanh.
- 2- Giáo sư Thượng Chữ Thanh.
- 3- Phối sư Ngọc Trọng Thanh.

Trong đó đều 5 qui định về lạy từ Bàn Trị Sự đỗ xuống như sau:

“Chánh Trị Sự đỗ xuống Tín đồ lạy bốn lạy”.

Như vậy kể như mất hết hai phẩm Nhơn Thần (Bàn Trị Sự) và Địa Thần (Tín đồ giữ đủ trai giới 10 ngày đỗ lên) trong Cửu phẩm Thần Tiên, theo Thánh -ngôn của Thầy đã dạy:

“Lạy Thần, Thánh ba lạy, lạy vong phàm bốn lạy”.

Vong phàm là thân nhân chúng ta chuết Đạo hoặc những Tín đồ bị Hội Thánh trực xuất, hay không giữ đủ trai giới vv... Cả hai Châu Tri đều được Đức Hộ Pháp phê chuẩn. Nhưng thiết nghĩ do Đức Ngài vẫn trọng cái chủ quyền của Hội-Thánh là hình ảnh Đức Chí -Tôn nên chấp thuận vì đủ ba ấn ký.

Kể hai văn bản đó có đủ quyền Chí Linh, nếu có quyền Vạn linh cầu xin thì quyền Chí Linh sẽ cứu xét cho lại. Bởi vị Chánh Trị Sự là Đầu Sư Em, Phó Trị Sự là Giáo Tông Em, Thông uỷ là Hộ Pháp Em. Xem đó là vong phàm thì làm sao điều hành phận sự của Hội Thánh Em đặng, vì hai phẩm chót của Hạ thừa chức việc là Thần của người, Tín đồ là thần của đất phải cúng triều tịch không điện Tam bửu chó nơi bàn linh có đủ để biểu tượng: Tinh Khí Thần cho người tu. Với lý đạo có Tinh Khí mà thiếu Thần mất cơ an định. Có Thần mà không Tinh Khí khó huồn được Đệ Nhị xác thân. Về phép tu phải hiệp Tam bửu mới đắc vị.

Thế nên lạy Tam tài thể hiện nguyên lý của ba ngôi:

- Trời có Nhựt . Nguyệt . Tinh.
- Đất có Thủy . Hỏa . Phong.
- Người có Tinh . Khí . Thần. Ý nghĩa là vậy.

Trường hợp trong thời Cúng thường ngày, nếu hiến lễ Thầy một Bửu thì lạy ba lạy, còn ba Bửu thì lạy mỗi Bửu một lạy để giữ được con số 12 của lý Khai Thiên như Ông Giáo sư Ngọc Ninh Thanh hướng dẫn. Nhưng như thế sẽ mất con số biến dịch của đạo pháp về Tam Thập Lục Thiên, kể dâng Tam Bửu mỗi bửu 3 lạy, mỗi lạy 4 gật cộng thành 12 mỗi lần lạy. Như vậy tính chung ba lần là 36, tổng hai chữ số là 9, đó để làm con số định vị của ngôi Dương. Từ khởi thi đến chung kết phải giữ đúng lý số của cơ huyền nhiệm, nên sự hành lễ của Tôn -Giáo Cao-Đài

biểu tượng pháp giới tạo đoan có liên quan cùng pháp giới chúng sanh trong Tứ thời hành lễ.

Khi Cúng **T** thời: về niêm danh Đức Cao Đài trong bốn bài: Niệm hương, Ngọc Hoàng Kinh, dâng một Bửu, Ngũ nguyễn, mỗi bài lạy ba lạy, mỗi lạy 4 gật, tổng số là : 4 (bài) x 3 (lạy) x 4 (gật) = 48, tổng hai chữ số là 12, con số Khai Thiên. Như vậy, khởi thi bằng bài Niệm hương 3 lạy, 4 gật (12), chung kết cũng con số 12 thì mới đúng pháp. Danh **Thầy** có 12 chữ, mỗi lạy 4 gật thành 48 chữ, tổng hai chữ số cũng 12.

Về Lễ Cúng Đại Đàn, niêm danh Thầy trong 7 lần

- 1- Bài Kinh Niệm hương.
- 2- Bài Ngọc Hoàng Kinh
- 3- 4- 5- Dâng Tam Bửu: (Dâng Hoa, Trà, Rượu)
- 6- Thượng sớ
- 7- Bài Ngũ nguyễn

Mỗi lần lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, tổng số là: 7 lần
3 (lạy) x 4 (gật) = $(7 \times 3 \times 4) = 84$ tổng hai chữ số vẫn là 12
(8+4) đó là con số Nhứt bốn tám vạn thù, Vạn thù quí nhứt
bốn, mới là lý số của đạo pháp biến dịch, chớ dâng đủ
Tam Bửu mà mỗi Bửu có 4 lạy (kể cả lạy và gật) thì mất
hết 24 lạy chỉ còn có 60 lạy, tức nhiên con số chung kết
không trở lại chẵn khởi thi là số 12.

Trong Tứ Thời Xưng Tụng Tam Giáo Tâm Kinh,
khi dứt mỗi bài kinh, lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật. Lạy mỗi vị 9
lạy (kể cả lạy và gật), ba bài kinh có 27 lạy, cộng hai chữ
số là 9. Danh mỗi vị trong Tam Giáo gồm 12 chữ. Mỗi lạy
3 gật, mỗi lần niêm 12 chữ, ba lần niêm 36 chữ, 3 với 6 là
9, đó là pháp **định** vị cho 3 ngôi Tinh-Khí-Thần. Phật là
Thần, Tiên là Khí, Thánh là Tinh.

Khi cúng Tứ thời nơi Báo Ân Từ, về niêm danh Đức Diêu Trì Kim Mẫu trong 5 bài: Niêm hương, Phật Mẫu Chơn Kinh, Tán Tụng Công Đức DTKM, Dâng một Bửu, Ngũ nguyễn, mỗi bài lạy ba lạy, mỗi lạy 3 gật, tổng số là : 5 (bài) x 3 (lạy) x 3 (gật) = 45, tổng hai chữ số là 9, biểu tượng cho Cửu Thiên Khai Hóa.

*Muốn tận độ chúng sanh, **cúng Tứ Thời ta nhớ niêm danh của Đại Từ Phụ 12 chữ** (Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát) Tam Giáo cũng niệm danh mỗi vị 12 chữ. Kể như Thầy đã nắm trọn Phật-Pháp-Tăng vào tay ở câu niêm.

- **Cao Đài** tượng trưng Nho giáo.

- **Tiên Ông** tượng trưng Lão giáo.

- **Đại Bồ Tát Ma-Ha-Tát** tượng trưng Thích-giáo.

Hai chữ “Nam mô” là một triết lý quan yếu đối với trời đất cùng vạn vật, đó là Âm Dương nhị khí vậy.

Thuở hổn độn Hồng Mông trong pháp sơ tạo, Đạo khởi thi Trời Đất nên chữ được niêm đâu tất cả các Thánh Danh là “**Nam vô**” 南無 đọc trại là Nam mô. Phương **Nam** thuộc Bính Đinh, Hỏa là lửa Thái-Cực ở lý nhứt nguyên bền cun g **Càn** thành ba vạch.. Vô là chỗ tách rời hình **Khôn** lục đoạn với khoảng không đó là vòng Vô Cực nơi phát xuất sanh quang cho Vũ Trụ.



CHƯƠNG IV NHẠC CỤ DÂN TỘC



I- BAN NHẠC (Nơi Đèn-Thánh)

Trong các buổi Đại Lễ ban Nhạc thường ở trên Nghinh-Phong-Đài và được một vị Chức-sắc trong Bộ Nhạc đứng ở giảng-đài Nữ-phái điều khiển, ban Nhạc được chia làm hai nhóm: nhóm Văn ban và nhóm Vũ ban. Nhóm Văn ban gồm các loại đàn và nhóm Vũ ban gồm các loại trống cùng các nhạc khí khác. Dưới đây là nhạc-kí của hai nhóm văn ban, vũ ban.

- Nhóm Văn ban:

Nhạc khí căn bản của Văn ban là cây Đàn Cò mà bất cứ một buổi cúng tế nào, dù Đại Lễ, Tiêu Lễ hay cúng thời, đều bắt buộc phải có. Còn các nhạc-kí sau đây nếu có đủ thì càng làm cho buổi lễ trang-nghiêm hơn, nếu thiếu một hai loại cũng không sao, như: đàn tranh, đàn kìm, đàn tỳ bà, đàn gáo, đàn sến, đàn tam, đàn độc huyền, ống sáo và ống tiêu.

Như vậy tất cả các thứ đàn đều xếp vào Văn ban.

Nguyên-nhân của sự sắp xếp này là vì các bản Nhạc thường có niêm thức, có lớp lang mà Nhạc-sĩ muốn đàn phải tấu cho đúng niêm-thức, đúng nhịp mới được. Các tiếng đàn khi tấu lên đều ăn khớp nhau, các âm thanh hòa lẫn nhau chứ không hề đối chơi hoặc tương phản nhau. Chúng ta hãy thử quan sát từng loại đàn một.

Thánh-ý Đức Hộ Pháp dạy Chức-sắc Bộ Nhạc dụng DIÊU CẨM làm biểu hiệu gắn lên áo mao từ phẩm Nhạc sĩ đến Nhạc sư.

A-Nhóm Văn ban

1-Huyền sử cây DIÊU CÀM (Hay là Đàm Cầm) Đàm Cầm:

Đức Hộ-Pháp tường thuật huyền sử cây DIÊU CÀM là môn nhạc khí thời Thái cổ.

Đức vua Phục-Hy ngày xưa sống trong đạo luật thiên nhiên, luôn luôn chú ý đến những hiện tượng của ngày đêm trong Trời đất. Bởi lẽ ấy nên Ngài tìm thấy linh khí của Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ rơi động trên cây Ngô đồng do chim Phượng, chim Hoàng từ bốn phương trở về nghỉ cảnh.

Phượng-Hoàng là chúa tể loài phi cầm, ăn thì ăn hột trúc, uống thì uống suối ngọt, đậu thì đậu cây Ngô đồng.

Đức vua Phục-Hy biết cây Ngô đồng là loại cây rất quý, đoạt được linh khí của tạo hóa.

Ngài sai người đến đốn đi, chọn ba đoạn án theo thể Tam tài: Thiên, Địa, Nhơn.

- Đoạn trên gỗ tiếng kêu vô cùng thanh thoát nhưng quá nhẹ,

- Đoạn dưới tiếng kêu chát đục lại quá nặng,

- Đoạn giữa thì vừa trong, vừa đục, vừa nhẹ lại vừa nặng.

Đức vua Phục-Hy cho dầm nước 72 ngày đêm. Vớt lên phơi sương nắng 36 ngày đêm, đoạn đêm gát lênh chề mệt mè rồi chọn ngày lành truyền lệnh cho thợ khéo là Lưu Tử-Kỳ chế thành nhạc khí dùng trong các cuộc hòa tấu nơi Diêu-Trì-Cung nên có tên gọi là DIÊU CÀM.

DIÊU CÀM dài 3 thước 6 tấc 6 phân, án một vòng chu niêm 366 ngày, mặt trước rộng 8 tấc án theo bát tiết: Lập xuân, Xuân phân, Lập hạ, Hạ chí, Lập thu, Thu phân, Lập đông, Đông chí.

Mặt sau rộng 4 tấc án Tứ thời : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Dày 2 tấc án Âm Dương, Lưỡng-nghi. Đầu Kim đồng, hông Ngọc Nữ, hò rồng, ao phụng, trục ngọc, phím vàng.

12 tháng: cung theo 12 tháng, một phím chót cung vào tháng nhuận.

Đàn có năm dây, ngoài cung theo Nghành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Trong cung có Ngâm: Cung, Thương, Giốc, Chửy, Vũ.

Lưu-Tử-Anh nói nghiệp (tổ tiên Lưu Tử Kỳ) trước tác bản Nam Phong.

Vua Thuấn đã đúc khải DIÊU-CÀM, hát bản Nam Phong cảm hóa thiên hạ đặng thái bình, thanh vượng.

Đến cuối nhà Thương, Châu Văn-Vương bị cầm tù nơi Dữu-Lý. Bá-Áp-Khảo nhớ cha thêm một dây dạo lên nghe não nùng ai oánđe ặt tên là dây Văn.

Đến Châu-Võ-Vương phạt Trụ, Võ-Vương thêm một dây dạo lên nghe hùng tráng gọi là dây Vũ.

Như vậy bảy giờ: Cung cả thảy là bảy dây: Cung, Thương, Giốc, Chửy, Vũ, Văn, Võ.

Định ước thuở xưa có sáu điều không nên đàn :

1. Trời lạnh giá
2. Trời oi bức
3. Khi gió to
4. Khi mưa to
5. Khi sấm sét
6. Trời đông tuyết đông

Bảy điều kỵ không nên đàn :

1. Gặp đám tang
2. Lòng không bình tĩnh
3. Thân hình không trong sạch
4. Áo quần không整洁
5. Không đốt hương
6. Không vọng ân đức tiền nhân
7. Không gặp tri âm.

Có tám thanh âm trác tuyệt: Thanh, Trì, U, Nhã, Bi, Tráng, Du, Dương.

Khi xưa đàn đến chỗ nhập điệu sức cảm hóa cop nghe không rỗng, vượn nghe quên hú, thật là một loại Nhạc-kí vô cùng diệu nhã.

Theo thời xưa hễ ai học đến tuyệt kỹ đều hiểu biết cái giá trị của DIÊU CÀM.

Giải lý:

Ngâm khúc gỗ ở chỗ nước chảy xiết trong **72 ngày**: Đây là số tương ứng với sự phân chia trong năm. Theo lịch Hán Nôm, một năm chia ra làm 24 khí, hay là “Biến hướng vị của Hoàng-Đạo” Mỗi khí có 15 ngày và chia làm ba Hậu (thời-kỳ). Như vậy là 72 Hậu trong một năm..

Ông Phục-Hi đặt tên cây đàn này là Diêu-Cầm hay là Ghi-Ta Bích-Ngọc. Cây đàn dài 3 thước 6 tấc 6 phân. Tương-ứng với 366 độ của bầu trời. Trong Cầm thảo thì con số đó chỉ 366 ngày trong năm.

Thước để đo là thước để kiến thiết, không hiểu nó có tương ứng với thước dùng bây giờ không? Thước hiện nay gọi là thước Ta chỉ bằng 0m40, có 10 tấc và chia ra mười phân.

Chiều rộng đo 8 tấc, tương ứng cho 4 mùa.

Độ dày để chỉ hai nguyên tắc: Thiên và Địa.

Các trục bằng ngọc và các phím bằng vàng có 12 cái đó tương ứng với các tháng trong năm. Một phiếm thứ 13 chỉ tháng nhuận trong năm nhuận.

Có 5 dây, đó con số Ngũ-hành và đồng thời là số của 5 âm phù chính: Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ.

Sau, Bá-Áp-Khảo con của Văn-Vương thời Châu, có thêm dây thứ sáu gọi là Văn-huyền (dây Văn).

Cuối cùng, thời Võ-Vương, ông này lại thêm dây thứ bảy gọi là Võ-huyền (dây Võ). Như vậy là 7 dây cả thảy, gọi là: Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ, Văn, Võ.

Các dây Văn và Võ tương ứng với Thiếu Cung và Thiếu Thương. Như vậy gọi chung 7 dây: Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ, Thiếu Cung và Thiếu Thương, tương ứng với các Âm-phù bây giờ: Hò, xự, Xang, Xê, Công, Liu, U.

Nhạc Âm chỉ có 7 Âm-phù: Do, Ré, Mi, Fa, Sol, La, Si. Cũng là tương-ứng với nhạc An-nam: Họ, Xự, Xù, Xàng, Xê, Công, Phàng.

Cây Đàn Cầm cũng có nhiều tên: Cây Đàn của Vua Tuyên-Vương thời Châu gọi là “Hướng phong” và nhiều tên khác nữa, như Xuân-phong, Lục-Ý, Tiên-vi...

Người ta bảo trong số người chơi ĐÀN CẦM xuất sắc có Bá-Áp-Khảo, Đức Khổng-Tử, Du Bá-Nha, Tư-Mã Tương-Như...

2-Đàn Sắc:

Trong cuốn “Đế - Vương Thế kỷ” cây Đàn Sắc là do Bào-Hy sáng chế. Đàn dài 7 thước 2 tấc và có 25 dây.

Tam-Lễ-đồ thì ghi là Đàn Sắc dài 8 thước 1 tấc và có 23 dây. Nhưng ngày nay ~~nh~~cụ thường dùng là 19 dây. Dù bao nhiêu dây ~~đi~~^{đi} cũng đều lấy theo lý Dịch mà biến hoá. Nếu là 25 dây, thì dây giữa màu vàng và gọi là Quân quyền (Dây của Vua) và các dây khác màu đỏ.

Các dây Đàn Cầm và Đàn Sắc đều bằng tơ, do đó người ta dùng ngôn-ngữ để gọi các dây của nhạc cụ là “Tơ đồng” có nghĩa là dây tơ và gỗ là Ngô đồng.

Đàn Cầm và Đàn Sắc thường là một cặp Âm Dương hay là lời chúc đôi vợ chồng mới cưới. Rằng:

*SẮC-CẦM mừng kết nghĩa lương duyên,
HẢO-HIỆP ba sinh vẹn ước nguyện
LOAN-PHUNG sum vầy tơ tóc trọn
HOÀ- MINH hạnh phúc hướng thiên niên*

3- Đàn tranh (Thập lục Huyền Cầm)

Nhạc Trong cửa Đạo Cao-Đài:

Đàn tranh cng còn có tên là **Thập-lục Huyền-cầm** vì đàn này có 16 dây. Các dây này bằng đồng, đồng thau hay đồng thép, nhưng dài ngắn khác nhau, cảng dùn thăng không đều vì tùy theo nhu cầu âm thanh.

Đàn tranh có một đầu nhỏ, một đầu lớn. Đầu nhỏ cao 20 phân 50 và đầu lớn cao 09 phân, dài độ 95 phân, rộng 13 phân, trông rất gọn gàng, đẹp đẽ.



Đàn Tranh hnh lôp dài. Khung đàn hình thang có chiều dài 110 -120 cm. Đầu lớn rộng khoảng 25 -30 cm là đầu có lỗ và con chấn để mắc dây. Đầu nhỏ rộng khoảng 15-20 cm gắn 16 khoá lên dây chéo qua ăn đàn. Mặt đàn làm bằng ván gỗ Ngô đồng dày khoảng 0,05cm uốn hình vòm. Ngựa đàn còn gọi là con Nhạn, nằm ở khoảng giữa để gác dây và có tổ di chuyển để điều chỉnh âm thanh. Dây đàn là móng kim loại với các cỡ dây khác nhau. Khi biểu diễn: nghệ-sĩ thường đeo 3 móng vào ngón cái, tay, giữa để gẩy. Móng gẩy làm bằng các chất liệu khác nhau như kim loại, sừng hoặc đồi-mồi.

Âm sắc Đàn Tranh trong trẻo, sáng sủa thể hiện tốt các điệu nhạc vui tươi, trong sáng. Đàn Tranh ít thích hợp với những tính cách trầm hùng, khoẻ mạnh. Tầm âm Đàn Tranh rộng 3 quãng 8, từ Dô lên Dô3.

Đàn Tranh thường được sử dụng để độc tấu, hòa tấu, đệm cho ngâm thơ, hát, tham gia trong các dàn nhạc Tài Tử, phuờng Bát Âm, dàn Nhã Nhạc và các dàn nhạc dân tộc tổng hợp.

Đàn tranh có thân tòn và đáy thùng phẳng, đáy của thùng đàn có ba lỗ hình dáng khác nhau: một lỗ hình bán nguyệt để máng dây đàn, một lỗ hình chữ nhật là nơi âm thanh phát ra và một lỗ hình tròn để treo dây đàn. Trên thân dài (tức mặt đàn) khoảng giữa cây đàn, có mười sáu miếng gỗ hình dáng giống **mười sáu con nhạn** (có người gọi là con ngựa) đang bay, mỗi con nhạn có máng một sợi dây đàn và phát ra âm thanh riêng. Các con nhạn này có thể di chuyển tới lui để cho dây đàn căng hay dùn mà tạo ra những hơi nhạc khác nhau như hơi Bắc, hơi Nam, hơi Oán. Điểm đặc biệt của Đàn Tranh là tiếng đàn phát ra thanh tao, trong lành, thanh thoát dịu như tơ và êm như nhung. Tiếng Đàn có đủ âm thanh trầm-bổng. Lúc lên thật bổng, lúc xuống thật trầm, lúc nhấn như mềm-mại, ngọt ngào làm cảm động tê tái lòng người, có lúc tiếng đàn giống như tiếng thì-thầm êm-ái của giai nhân, có lúc dường như tiếng suối chảy róc rách trong rừng sâu.

Nguyễn-Võ trong bài *thơ* về “Đàn Tranh” nêu lên nhạc cụ này có 6 thước để chỉ sáu nhạc điệu của nguyên tắc Dương (lục Luật) và có 12 dây tương ứng với 12 tháng hay 4 mùa trong năm; nó còn có 3 tấc chiều cao, để tương đến 3 vị cao nhất: Trời, Đất, Người (Tam tài).

“*Phong lục thống*” ghi: “*Đàn tranh phát ra một Âm-thanh riêng biệt cho nước Tần mà người ta cho là sáng tạo ở Mông Diềm*”.

Nhưng Phó-Tử không đồng ý-kiến. Ông phản đối như sau.

Cây “Đàn tranh” phần đầu dòm lên để tượng trưng cho vòm trời, đáy là đất. Ở giữa rỗng để chỉ 6 hướng: Bắc, Nam, Đông, Tây, Thiên đỉnh (trên) và Thiên đế (dưới) tức là Lục hiệp; 12 dây với 12 phím là số tháng trong năm. Đây là một sáng tạo đầy thông minh và duệ trí. Mông Diêm là đè tài của một triều suy đồi (Thời Tần) không thể có một sáng tạo như vậy được”.

Dưới thời Tần, còn có nhiều sáng tạo Âm nhạc khác nữa. Còn việc thịnh suy của một triều đại là do định mệnh cả về phần của Vua lẫn phần của dân. Đầu Mông Diêm có khôn khéo nhưng triều đại không thể kéo dài hơn quá triều Nhị thé.

Cây Đàn Tranh mà chúng ta sử dụng ngày nay có 16 dây và dây đồng, nên người ta gọi là Thập lục Huyền cầm (16 dây). Dù người ta không biết Nhạc cụ này sáng chế vào thời kỳ nào, nhưng ẩn có thể tin chắc là một sự biến chế của “Đàn Sắc” dưới thời Thanh, vì với ới triều đại Trung Hoa ấy, người ta có nhiều cài tổ lớn về Nghi lễ và Âm nhạc.

Các Nhạc công xưa có tiếng về “Đàn tranh” là Tần-Tố-Nữ, Triệu Nữ, Lý Thanh-Thanh, Sử Tùng, Lý Tùng châu”. (Trích “Những người bạn Cố đô Huế” Tập IV.tr.94)

Thật ra:

Bất cứ thời đại nào ẩn có luôn có người thông thái ra giúp nước. Chính cái chỗ nước loạn mới có Đẳng Minh quân cần đến để vỗ an thiên hạ. Cũng như Việt-Nam đến chỗ



tận cùng đau khổ: Ngàn năm nô-lệ Tàu, trăm năm nô lệ Tây, 30 năm nội chiến từ ngày. Dân Việt-Nam mới được một nền Đại-Đạo, mới được hưởng một ân huệ đặc biệt của Đức Chí-Tôn như ngày nay.



ĐỘC TẤU ĐÀN TRANH Hay Đạo đàn cảm tác của bà BÁT NUƯƠNG

*Gương khải năm âm giải tấm lòng
Nhắn đưa gió ái đến thu song
Gióng dây lìa nhạn sâu nghiêng ngửa
Dở ngón roi loan thảm chập chồng
Lầu Phụng mơ-màng nghe quyến địch
Cung Tần vắng vắng lóng tơ đồng
Chia đôi bóng nguyệt còn phân nửa
Gói lạnh thương ai luống nao nồng
Bát-Nương Diêu-trì-Cung
(21-2-1929)*

HỌA VÂN

*Năm âm mượn bức tơ lòng
Đàn “Bắc” ra “Ai” Oán dội song
Tiếng thảm làm com tràn quá chén
Hơi sâu dồn gói chất nên chồng
Tranh Tần ghẹo khóc người cung lanh
Tỳ Hớn khêu đau khách ải đồng
Nhạn lạc lìa cung đành lỗi nhịp
Cây lẵn phong nguyệt nhắc duyên nồng
ĐỨC HỘ PHÁP*

HỌA VÂN

*Trỗi giọng thịnh âm tảo nỗi lòng
Tựa màn ánh nguyệt vặc dòm song
Cung đàn rỉ rả thưa rồi nhặt*

Dạng khách nhớ nhung chất lại chồng
Nhấn ngón dường khêu lời hải thê
Búng dây như thúc dải tâm đồng
Nỗi tình nỗi hiếu vai oằn oại
Giọt lệ rưới lau tâm nghĩa nồng
Mỹ Ngọc Bảo Văn Pháp Quân

HỌA VĂN

Một mối sâu tư bận tắc lòng
Cậy đòn dập thảm dựa đơn song
Trông tình sông Ngự dây loan đứt
Đợi ngọc câu Lam tuổi nguyệt chồng
Gởi nhớ nhở mây trao bức hẹn
Hoà thương cậy gió nhắn câu đồng
Xa duyên chinh nhạn đành ngưng ngón
Chén ái đêm đồng phảng phát nồng
Chánh-Đức tức Cao Tiếp-Đạo

4-Đàn Tỳ-Bà:

Tỳ Bà tên gọi một nhạc cụ dây gẩy của người Việt. Nhiều tài liệu đã cho biết, Tỳ Bà xuất hiện rất sớm ở Trung Quốc với tên gọi Pi Pa, rồi ở Nhật Bản với tên gọi BiWa.

Người ta chế tác **Tỳ Bà** bằng gỗ Ngô Đồng. Cần đàn và thùng đàn ~~đều~~ nhau có dáng như hình quả lê bỗn đôi. Mặt đàn bằng gỗ nhẹ, xốp, đẻ mộc. Phía mặt cuối thân đàn có một bộ phận đẻ mắc dây gọi là ngựa đàn. Đầu đàn (hoặc thủ đàn) cong có chạm khắc rất cầu kỳ, khi là hình chữ thợ, khi là hình con dơi. Nơi đầu đàn gắn bốn trục gỗ để lén dây.

Toàn bộ chiều dài của thân đàn có số đo từ 94 -100 cm. Phần cần đàn có gắn 4 miếng ngà voi cong vòm lên gọi là Tứ Thiên Vương. Tám phím chính là ~~nhang~~ tre hoặc gỗ gắn ở phần mặt đàn cho các cao độ khác nhau.

Thuở xưa dây đàn se băng tơ tằm rồi đem vuốt sáp ong cho mịn, ngày nay người ta thay dây tơ bằng dây nilon. Đàn có 4 dây lên theo 2 quãng 4, mỗi quãng 4 cách nhau

một quãng 2: Đô - Fa - Sol - Đô1 hoặc Sol - Đô1 - Ré1 - Sol1. Khi chơi đàn nghe nhân gẩy đàn bằng miếng đồi mồi hoặc miếng nhựa.



Ở Việt Nam đàn Tỳ Bà có mặt trong các dàn nhạc: Nhã nhạc, Thi nhạc của cung đình, Thiền nhạc của phật giáo, ban Nhạc tài tử, Phường bát âm, Dàn nhạc dân tộc tổng hợp.

Mặc dù đàn Tỳ Bà có xuất xứ từ các nước khác, nhưng qua thời gian dài sử dụng nó đã được bản địa hóa và trở thành cây đàn của Việt Nam, thể hiện sâu sắc, đậm đà những bản nhạc mang phong cách của dân tộc Việt Nam trong lĩnh vực khí nhạc.

Thích danh ghi: Đàn Tỳ-Bà sáng chế tại thời Hồ (Mông-Cổ). Đây là cây Đàn để tiêu-khiển lúc cưỡi ngựa và hành trình. Gẩy dây từ dưới lên trên gọi là “Tỳ” và từ trên xuống gọi là “Bà”. Từ đó đàn có tên là TỲ-BÀ.

Trong thơ Thúy-Kiều, người ta gấp câu này:

- “Trong nghệ-thuật cao quý, nàng giỏi Hồ Cầm” chính là Đàn Tỳ-Bà.

Thích-Trí-Tượng Nhạc lục có chép rằng:

“Đàn Tỳ-Bà sáng chế do Đỗ-Chi đài Tân xây thành quách lớn là Vạn lý Trường thành. Thấy những người dân lao động mệt nhọc. Đỗ Chi sáng chế Nhạc cụ này để tiêu-khiển.

Ngày xưa ở xứ Tề có hai người bạn thân thiết tên là Quản-Trọng và Bảo-Thúc-Nha. Trong thời nội chiến làm cho thất vọng với thời kỳ đó. Quản Trọng giúp chúa ữ qua lánh nạn bên xứ Lỗ, còn Bảo-Thúc-Nha giúp Chúa trẻ Tiêu-Bạch qua ẩn bên xứ Lữ.

Sau này, Tiêu-Bạch trở về nước và lên ngôi, đó là vua Hoàng-Công. Thúc-Nha tâu với vua nên dùng Quản Trọng. Nhưng có thể nước Lỗ không trả Quản-Trọng do Ông này có tài nên Đại-sư bày ra một cớ: Ông tâu với Vua Lỗ là Hoàng-Công không có ý dùng Quản-Trọng và muốn tự tay giết Ông để trả thù về mũi tên mà ông này và người em cũ đã bắn khi tranh chấp ngôi báu.

Quản-Trọng bị nhốt vào chiếc xe và chở về xứ Tề. Trên đường đi quản Trọng sợ vua Lỗ biết được mưu meo này và thay đổi ý-khiến. Cho nên Vua Lỗ được tin dân phàn-nàn đã hiểu rõ, nếu Quản-Trọng được Vua Tề dùng thì sẽ thắng thế.

Quản-Trọng nghĩ ra một kế: Ông sáng tác ra những bài hát vui và cho những người tuỳ tùng ca hát. Họ hát như vậy thì quên mệt mà đi rất nhanh. Nhờ vậy mà họ chóng qua khỏi biên giới nước Lỗ trước khi vua nước này cho quân đuổi bắt ông. Từ đó, người ta noi theo gương của Ông là khi làm nhiều việc mệt nhọc thì hát lênlđ ể quên đi mệt nhọc.

Về kích thước của Đàn Tỳ-Bà xưa dài 3 thước 5 tấc để tượng trưng cho ba đấng thiêng và Ngũ -hành, 4 dây là chỉ bốn mùa.

Cũng có chép rằng: Người ta đẽn gỗ cây ngô đồng để làm Đàn Tỳ-bà. Thân đàn ~~như~~ con rùa, cỗ thì cỗ Phụng.

Đàn Tỳ-Bà dưới thời Nguyên bằng gỗ với cái đầu cuộn xuống, cỗ dài bốn và 4 trực, cỗ có gắn các phím, mặt

bằng rất rộng và có 4 dây. Đúng theo cây Đàn Tỳ-Bà mà chúng ta đàn ngày nay.

Trịnh-Hi-Tử nhà đường có biếu Hoàng-Đế một cây Đàn Tỳ-Bà 7 dây.

(Trích “những người bạn Cố đô Huế. Tập Vi-Tr. 96)



Đàn Tỳ-Bà có tất cả 4 dây bằng tơ. Đàn Tỳ-Bà đặc biệt ở chỗ cần và thùng đàn dính liền nhau thành một khối. Thùng đàn chính là cần đàn phình rộng ra và cần đàn chính là thùng đàn tóp nhỏ lại, vì thế nên không thể phân biệt giới hạn giữa cần đàn và thùng đàn. Ta chỉ có thể đo bề dài tổng cộng của cây đàn vào khoảng từ 95 đến 97 phân và rộng khoảng 23 phân đến 25 phân.

Đàn có tất cả mười phím và ba trực lên dây.

Thùng đàn tương tự thùng đàn Mandoline nhưng nhỏ hơn và mặt đàn hình bầu dục, tròn một đầu, còn đầu kia thon nhỏ lại tạo thành cần đàn.

Trên mặt đàn ~~đàn~~ có một con ngựa nhỏ gắn dây đàn vào.

Hỏi tại sao trên đầu đàn khi thì chạm hình con dơi?

Con dơi là một loại Chim không ra chim, thú không ra thú. Truyền thuyết cho rằng: Khi chim muông hội-hợp nhau thì Dơi cũng có mặt, nói tôi thuộc loài chim muông. Khi thú họp lại thì Dơi cũng có mặt nói rằng Tôi đây là thú

cũng đi bằng chân. Nhưng khi cả muông và Thú cùng họp chung một lúc thì không ai nhìn cho Dơi ở vào bên nào cả!

Tức nhiên Dơi là một con vật lạ lùng: vừa có cánh để bay, vừa có chân để đi, đặc biệt là ngủ thì treo hai chân trên cành mà ngủ, tức là lộn đầu xuống đất. Tiền nhân cho rằng Dơi là tượng cho lớp người bất trung, bất chính. Cho nên khi người ta làm đàn Tỳ -Bà cốt ý lấy tiếng nhạc để cảm hóa người đời:

Nhạc làm cho người không Trung biến thành Trung. Nhạc cũng có sức cảm hóa, làm cho người không chính trở thành chính. Cái vi diệu của Nhạc là vậy.

Có bài Thơ:

*Bồ-Đào mỹ tưu dạ quang bôi,
Dục ẩm TỲ-BÀ mã thượng thôi.
Túy ngọt sa trường quân mạc tiêu,
Cố lai chinh chiến kỷ nhân hồi?*



5- Đàn Nhị hay Đàn Cò:

Đàn Nhị còn có tên gọi khác là **Cò Liu**, **Cò Lòn** hoặc **Nhị Liu**, **Nhị Lòn**, là nhạc khí dây, chỉ kéo Cung vĩ.

Theo tài liệu khảo cổ đã phát hiện ở chùa Vạn Phúc (Phật Tích - Thanh Sơn - Hà Bắc) có khắc chạm một dàn nhạc ở bệ đá kê chân cột chùa Phật Tích, với những nhạc cụ có xuất xứ từ Ấn Độ và Trung Hoa. Dàn nhạc đó gồm 10 Nhạc-công ăn mạc giống như người Chăm và chơi các loại nhạc cụ trong đó có một nhạc cụ gần giống như Đàn Hồi 2 dây và là tiền thân của cây đàn Nhị bây giờ.

Căn cứ vào đó người ta đã ước đoán Đàn Nhị có thể du nhập vào Việt Nam theo con đường của người Chăm và cũng có thể du nhập theo con đường Trung Hoa tùy theo

từng thời gian địa điểm khác nhau. (Theo lịch sử âm nhạc của giáo sư Trần Văn Khê và Văn Thương).

Đàn Cò là một nhạc khí gồm có năm phần: cần đàn, thùng đàn (tức ống đàn hay gọi là bát nhị), thủ đàn, ngựa đàn và dây đàn.



Đàn Nhị làm bằng gỗ gụ hay trắc. Bầu cộng hưởng gọi là bát nhị:

Cần đàn tròn không có phím, àu đ dưới cắm xuyên qua lầu đàn, đầu trên gọi là Thủ đàn. Cần đàn dài từ 71 đến 75 phân, có đường kính độ 01 phân 50; một đầu cần cắm vào thùng đàn. Hai trực ấy dài khoảng 16 phân và cách đều nhau khoảng 06

phân.

Thùng đàn hay Bát nhị là hình ống rỗng lòng, dài khoảng 13,8 cm, một đầu bịt da trăn hay da kỳ đà còn gọi là Thùng đàn được làm bằng gỗ, hơi cao ở giữa.

Mặt thùng đàn được bịt da trăn hoặc da trâu, có đường kính độ 05 phân 50. Riêng cái loa không bịt gì cả, có đường kính độ 07 phân 50. Lớp gỗ đê làm thùng đàn dày độ 04 phân. Bè dài của thùng đàn tức khoảng cách giữa mặt đàn và cái loa độ 13 phân. Trên mặt thùng đàn có đặt một con ngựa nhỏ để căng hai sợi dây đàn: sợi lớn, sợi nhỏ, cả hai sợi đều bằng tơ, được buộc từ trực chạy dài xuống mặt thùng đàn gác trên con ngựa và luồn qua cái suốt. Cái suốt (còn gọi là cái khuyết) là cái vòng tròn bằng đồng hay bằng tơ đặt giữa cần đàn, có thể di chuyển lên

xuống dễ dàng khi muốn lên dây cao thấp. Lúc lên dây, bao giờ sợi dây lớn cũng dùn còn sợi giây nhỏ sẽ thăng

Thủ đàn hình đầu con cò, có gắn hai trực gỗ tròn để

lên dây, có khi ~~tr~~ đàn được chạm khắc cầu kỳ.

Ngựa đàn làm bằng tre hay gỗ dài 1 cm đặt khoảng giữa mặt da.

Khuyết đàn còn gọi là “Cũ đàn” là một sợi tơ xe néo vào 2 dây đàn. Cũ đàn có tác dụng điều chỉnh độ cao thấp của âm thanh. Khi đưa cũ đàn xuống là làm ngắn quãng dây phát âm, đàn có ~~giọng~~ cao.

Khi đẩy cũ đàn lên, làm dài quãng dây phát âm đàn có giọng trầm.



Cung vĩ làm bằng tre, hoặc gỗ được uốn cong hình cánh cung, người ta mắc vĩ như dây cung. Vĩ đàn đặt giữa hai dây, khi đàn vĩ cọ xát vào dây phát ra âm thanh.

Đàn Nhị có 2 dây bằng tơ xe, gần đây đã thay bằng dây kim khí, ~~đọc~~ lên theo quãng 5 đúng. Ví dụ muốn đánh những bài Bắc (có chất vui) tương ứng với hai âm G1-D2, bài Nam (chất buồn) F1-C2, bài Chèo C1 - G1...

Đàn Nhị thường tham gia trong dàn Nhã Nhạc, phuờng Bát Âm, ban nhạc Tài Tử, ban nhạc Chàu Văn, dàn nhạc sân khấu Tuồng, Chèo...

Ngày nay ~~nhiều~~ Nhạc -sĩ đã sáng tác các tác phẩm cho cây Đàn Nhị. Nhờ những tác phẩm ấy, Đàn Nhị đang

dần trở thành cây đàn độc tấu có chất lượng nghệ thuật cao.

Ngoài ra, trên cây đàn còn m ột thanh tre (hoặc thanh tăm vong) hình cánh cung mà sợi dây cung (gọi là bã đàn) làm bằng dây gân hay lông đuôi ngựa (mã vĩ). Mã vĩ được chà trên nhựa thông trước rồi đặt giữa hai sợi tơ trên. Muốn phát ra âm thanh, ta chỉ cần cầm thanh tre đưa qua lại để mã vĩ chạm vào hai sợi dây thì nghe tiếng ò e. Âm thanh phát ra êm-ái hay chát-chúa là tùy theo nghệ thuật chơi đàn của nhạc-công.

Những nhạc công mới tập bao giờ âm-thanh phát ra cũng chát-chúa xé tai.

Những nhạc công tài hoa có thể diễn tả đủ giọng vui, buồn, êm ái, hòa nhã.

Âm thanh của đàn ò hơi gi óng âm thanh của vĩ cầm Tây Phương nhưng thanh hơn.

Tóm lại: Đàn Nhị hay còn gọi Đàn Cò, vì nếu các người buôn bán không có thể đàn, phân biệt rõ-ràng các âm phù “Thòn tang” và kéo với một cung đàn làm cho rung cái dây và luôn luôn có giọng: CÒ, KE. Từ đó có tên “Cò”. Nhưng người Việt-Nam chúng ta vốn có những tình cảm chơi vơi, nhẹ-nhàng mà thanh thoát, qua bài Ca-dao:

“Con Cò là cò bay lá, lá bay la. Bay qua, qua ruộng lúa, bay về là về Đồng xanh. Tình tính tang...là tang tính tính...Có nàng rặng...là Cô nàng ơi. Rặng có biết..là biết cho chặng...Rặng có biết là biết cho chặng??

Thì chắc rằng đây tiếng Đàn Cò có những âm thanh dùu-dặt, du-duong, nhẹ nhàng và thanh thoát dường ấy.

6-Đàn Gáo:

Một loại đàn ống gi óng như Đàn ò mà thayđ ổi vật dụng: thay thùng đàn bằng một **cái gáo dừa**.

Nhạc cụ này, gốc từ Mãn Châu. Người ta có thể tìm lại dáng của Đàn Nhị (Đàn C) cũ mà ngày nay người Trung-Hoa đàn. Muốn làm đàn này, người ta lấy một cái gáo dừa, khoan thủng hai lỗ thông qua nhau, người ta đặt trong một thanh, như muôn làm gáo và bọc miệng bằng một bong bóng trâu hay mảnh da trâu, một miếng gỗ dẹt, xoi hai lỗ để đặt hai trực và người ta kéo hai dây trên một giá bằng gỗ đặt trên mảnh da căng, qua một gút giữa cần.

Cái cung làm bằng lông đuôi ngựa tráng trên nhựa thông gắn trên miệng của gáo ở phía dưới cần và ngâm trong nhựa ấy khi cọ xát biến thành bột làm cho nhảy các lông đuôi của cung và rung các dây.

Có nhiều “Đàn Nhị” làm bằng một ống tre thay bằng một gáo dừa.

Các loại cần của Nhạc-cụ Trung-Hoa luôn luôn ngắn, cho nên tiếng phát ra nghe sắc quá.

Ở chúng ta, cây cần làm bằng gỗ “Trúc” hay “Ngà” bọc da trăn hay kỳ-đà và muôn tiếng êm dịu người ta kéo cần dài thêm.



Đàn gáo là cây đàn mà thùng đàn làm bằng gáo dừa được cưa phân nửa nên mặt đàn không có hình dáng nhất định và được bít bằng da trăn. Mặt đàn bè ngang dài hơn bè dọc, bè ngang đo được 13 phân, bè dọc 11 phân.

Trên mặt đàn có gắn một con ngựa nhỏ cao 07 phân 7 nǎm khoảng giữa mặt đàn.

Cần đàn bằng gỗ trắc dài 60 phân (có loại dài 70 phân) ngang 01 phân 5, có hai trực để vặt lên dây và dài khoảng 15 phân. Trên cần có cái suốt (còn gọi là cái khuyết) có thể di-chuyển lên xuống tùy theo giọng cao thấp. Đàn cũng có một cây cung túc mã vĩ giồng như mã vĩ của cây Đàn Nhị (Đàn cò).

Cách sử dụng đàn gáo cũng như đàn cò nhưng tiếng âm hơn.

Xem như đây là một cặp Âm Dương:

- Đòn Cò tiếng trong và nhẹ, thanh-thoát thuộc Dương.

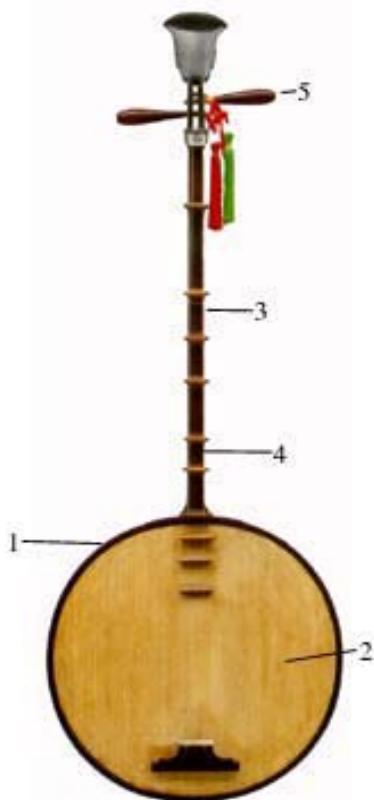
- Đòn gáo tiếng đục, nặng, trầm buồn thuộc Âm



7-Đàn kìm (còn gọi Nguyệt cầm hay là Đàn Nguyệt)

Đàn Nguyệt là nhạc cụ họ dây chi gầy của người Việt, đàn còn có các tên gọi khác: Đàn Kìm, Vọng Nguyệt Cầm hoặc Quân Tử Cầm.

Mặt đàn hình tròn đường kính 30 cm bằng gỗ nhẹ, xốp. Trên mặt đàn có gắn một bộ phận để mắc dây, gọi là Thủ.



Thành đàn ngũ ngón làm bằng gỗ cứng, cao khoảng 6 cm, đáy bít gỗ, không có lỗ thoát âm. Cân đàn dài khoảng 100 cm có gắn 10 phím theo thang 5 âm (7 phím gần ở cần đàn, 3 phím gần ở mặt đàn). Thủ đàn áp 4 trực lên dây nhưng chỉ mắc 2 dây bằng tờ xe (nay đã thay bằng dây nilon).

Hai dây Đàn ngũ ngón cách nhau một quãng 5 đúng: Fa - Đô1; Sol - Ré1 hoặc quãng 4 đúng G - C1 ; D1 - G1 Ngày xưa ~~nhé~~ công gẩy đàn bằng móng tay, ngày nay bằng miếng gẩy nhựa hoặc đồi mồi.

Đàn Nguyệt thường được sử dụng đệm cho Hát

Văn, Ca Huế, Ca Tài Tử, nhạc Bát Âm, Nhạc Lễ, và dàn nhạc sân khấu truyền thống.

Ngày nay Đàn Nguyệt đã được các nhạc sĩ sáng tác thêm nhiều tác phẩm để độc tấu.

..Nhạc cụ tên “Nguyệt” vì cái thùng nó tròn như mặt trăng rằm. Nó được gọi là “Nguyệt cầm” và chính Nguyễn Hâm thời Tần đã sáng chế ra.

Thùng của đòn có đường kính 0m35 và dày 0m07,

nó có 8 phiến và 4 dây lên trên hai giọng, giống như “Đàn Nhật” nhưng đến nay người ta chỉ để có hai dây.

Trong Nhạc Việt Nam người ta chỉ dùng 5 nhạc cụ dây: Tranh, Nguyệt, Tỳ, Nhị và Tam mà người ta gọi là năm loại xuất sắc nhứt (Ngũ tuyệt) nên người ta khóc Nhạc năm phần An-Nam. Thế nên ai mà chơi thạo cả năm Nhạc-cụ ấy là xuất sắc.

Đàn kìm còn là Đàn nguyệt hay Nguyệt-cầm gồm hai phần, thùng đàn và cần đàn.



Thùng đàn: Nói chung có hai mặt đều nhau, tròn ~~nhóm~~ ặt trăng (nên gọi là đàn nguyệt), có đường kính độ 35 phân 50. Khoảng cách của hai mặt này tức bề dày của thùng độ 06 phân.

Cần đàn dài độ 67 phân, có hình dáng không giống nhau. Phần trên nhỏ, bề ngang độ 02 phân và phần dưới lớn hơn số đo này một chút.

Gỗ để làm thùng đàn và cần đàn khác nhau: Thùng đàn làm bằng cây Ngô đồng và cần đàn làm bằng cây Trắc. Đầu cần hơi uốn cong về phía sau, mỗi bên có một trực dài 12 phân. Dưới hai trực có mảnh gỗ nhỏ, cao độ 03

phân 30, rộng độ 2 phân 20 và có hai khe cách nhau độ 01 phân 10. Miếng gỗ này cũng làm bằng cây trắc hoặc cây gỗ và có hình dáng giống con dơi. Trên mặt thùng đàn, gần chỗ dưới cùng, có gắp miếng gỗ nhỏ gọi là ngựa đàn, bề ngang 10 phân 50 và bề cao 01 phân 50. Con ngựa đàn này có hai lỗ nhỏ để hai sợi dây đàn chui qua. Hai sợi dây

đàn được thả dài từ trực xuyên qua hai khe của con doi rồi nằm vắt trên các phím và cuối cùng chui qua hai lỗ của con ngựa.

Cần đàn có tất cả tám phím nằm rái rác từ **con doi** đến thùng đàn. Phím cuối cùng tức phím thứ tám nằm hẳn trên thùng đàn. Các phím cách khoảng nhau không đều, càng xuống gần thùng đàn chừng nào thì các phím càng gần nhau chừng đó:

- Phím thứ hai cách phím thứ nhất độ 10 phân
 - Phím thứ ba cách phím thứ hai độ 06 phân
 - Phím thứ tư cách phím thứ ba độ 05 phân 50
 - Phím thứ năm cách phím thứ tư độ 06 phân
 - Phím thứ sáu cách phím thứ năm độ 04 phân
 - Phím thứ bảy cách phím thứ sáu độ 04 phân
 - Phím thứ tám cách phím thứ bảy độ 03 phân
- Chiều cao các phím cũng không đều nhau:
- . Phím thứ nhất cao 03 phân (bề ngang 03 phân)
 - . Đến phím thứ tám cao 01 phân 50 (bề ngang 05 phân).

Tiếng đàn km nghe trong tự tiếng đàn Banjo của Tây Phương nhưng giọng trong hơn.



8-Đàn Bầu (Độc Huyền Cầm)

Tiếng đàn Thanh-Tâm.

Gọi là **Đàn độc huyền** Vì đàn này có một dây nén người ta gọi là đàn độc-huyền hay Độc-Huyền-Cầm. Đàn Độc-huyền lại có tên là Đàn Bầu vì loadàn làm bằng quả bầu khô cưa bớt phần tròn phía dưới (ngày nay, ở một vài nơi người ta dùng cái gáo dùa để làm loa đàn thay thế quả bầu, hoặc bằng gỗ cốt để tạo dáng).



Đàn Bầu có tên chữ là Độc Huyền Cầm:

Là nhạc cụ họ dây chi gẩy của dân tộc Việt. Đàn bầu có hai loại:

- Một loại làm đàn bằng thân tre.
- Một loại làm đàn bằng hộp gỗ.

Đàn thân tre: là đàn ủa những người hát Xẩm.

Thân đàn làm bằng 1 đoạn tre hoặc buông dài khoảng 120 cm, đường kính 12 cm.

Mặt đàn là chỗ đã được lóc đi một phần cật thích hợp trên đoạn tre hoặc buồng.

Đàn hộp gỗ là loại đàn cải tiến sau này, dùng cho các nglệ -sĩ chuyên nghiệp. Đàn hộp gỗ có nhiều hình dáng, kích thước khác nhau. Loại phổ biến nhất là loại hình thang có chiều dài khoảng 115 cm. Đầu lớn rộng 10 cm, cao 9 cm, đầu nhỏ rộng 8 cm, cao 7 cm. Mặt đàn cong làm bằng loại gỗ nhẹ, xốp như gỗ Ngô Đồng, gỗ Vông. Đầu đàn phẳng cũng làm bằng gỗ nhẹ, xốp có lỗ thoát âm. Thành đàn làm bằng một loại gỗ cứng như gỗ Trắc, Mun.

Về hình dáng và chất liệu của hộp cộng hưởng (tức thân đàn) của hai loại đàn có khác nhau, nhưng về cấu tạo, hai đàn hoàn toàn giống nhau.

Dây đàn có chiều dài chạy suốt thân đàn. Thuở xưa dây đàn làm bằng tơ tằm se thành sợi, về sau thay bằng dây sắt (kim-loại).

Nhìn chung: Thùng đàn rỗng, hình chữ nhật, có đầu lớn đầu nhỏ. Đầu lớn cao từ 14 đến 16 phân, rộng từ 12 đến 16 phân, còi đầu nhỏ cao từ 10 đến 11 phân và rộng từ 8 đến 10 phân.

Đàn độc huyền dài từ 80 phân đến 1 thước (có đàn dài đến 1 thước 20) làm bằng loại gỗ dày từ hai đến bốn ly (tức 0m,002 đến 0m,004), mặt đàn làm bằng cây Ngô đồng còn mặt kia (tức đáy đàn) bằng gỗ trắc. Trên mặt đàn ở một đầu, có cắm một thanh tre uốn cong (Có thể dùng sừng trâu vót mỏng) dài 50 phân (đôi khi dài 60 phân, đôi khi chỉ dài 15 phân thôi).

Chính cái loa đàn được gắn trên thanh tre này. Ở đầu kia của thùng đàn có một thanh gỗ gắn xuyên qua hông của thùng để cột dây đàn.

Đàn độc huyền không có phím mà không có ngựa, chỉ có một dây bằng thép hay bằng đồng, được cột từ thanh tre xuyên qua mặt đàn và quấn vào thanh gỗ, nơi mà dây đàn xuyên qua mặt thùng có gắn một đồng tiền, một đồng xu hay một miếng xương, miếng ngà có khoét lỗ tròn ở giữa, mục đích để mặt đàn khỏi toét ra.

Bầu đàn làm bằng 1/2 vỏ quả bầu nậm (lấy đoạn nùm thắt cổ bồng). Bầu đàn lồng vào giữa voi đàn nơi buộc dây đàn. Bầu đàn có tác dụng tăng thêm âm lượng cho đàn. Ngày nay người ta tiện bầu đàn bằng gỗ và chỉ có tác dụng tạo dáng mà thôi.

Trục lén dây làm bằng tre (ở đàn tre) hoặc bằng gỗ (ở đàn gỗ). Trục lén dây nằm ở cạnh trong sát phía dưới thân đàn. Dây đàn l่าน qua một lỗ nhỏ ở mặt đàn rồi sâu vào trục lén dây. Phía trước lỗ nhỏ có một ngựa đàn đỡ dây đàn (Xưa không dùng ngựa mà chỉ dùng đồng xu, còn nếu dùng đồng xu thì không dùng ngựa đòn)

Âm hưởng của Đàn Bầu nhỏ chỉ thích hợp với không gian yên tĩnh. Thờ xưa Đàn Bầu là nhạc cụ của những người hát rong (hát Xẩm). Về sau này Đàn Bầu đã tham gia trong các dàn nhạc Chèo, Tài Tử, Ngâm Thơ, tốp nhạc, nhóm nhạc và độc tấu. Có rất nhiều tác phẩm đã sáng tác riêng cho Đàn Bầu độc tấu.

Trong số những cây đàn một dây của các nước trên thế giới như đàn Tuntinga của Ấn Độ, Đàn Cung ở vùng Đông Phi, đàn Tushuen Kin (độc huyền cầm) của Trung Quốc.

Khi sử dụng đàn độc huyền, người ta dùng một miếng tre có đầu lớn đầu nhỏ để khảy và nhấn cái thanh tre để tạo ra những âm thanh khác nhau.

Không có cây đàn **ột** dây nào phát ra cả một hệ thống âm bồi vừa có tính phổ cập, vừa có tính nghệ thuật cao như cây Đàn Bầu của Việt Nam

Đàn độc huyền đặc biệt ở chỗ mặc dù chỉ có một dây nhưng đàn được đủ mọi giọng đủ mọi bản nhạc.

Nguồn gốc Đàn bầu:

Thật ra Đàn một dây gọi là “Đàn Bầu”. Nhạc cụ hình cái bầu vì cái cัน có nói một hình bầu để làm chỗ phát âm.

Nhạc cụ này, gốc ở Bắc-kỳ, nó được đưa vào Huế vào niên hiệu Thánh-Thái năm thứ 8 (1896) do một nhóm đi hát rong, mù, từ Bắc vào, tên là *hát xoan, hát Xẩm*. Lúc đầu, người ta chỉ chơi nhạc cụ này để hoà tấu với các bài hát gọi là *Xoan* hay *Xẩm* và họ không hát các điệu của Huế.

Sau này không biết vị Tài-tử nào lại xếp Nhạc cụ này với 5 nhạc cụ thường hay dùng ở Huế.

Ngày nay, “Độc huyền” rất nhiều, đến tận các góc xa xôi nhất của các làng xóm, đi đâu cũng nghe “độc

huyền” vì nhạc cụ này rất thô sơ, dễ làm và rẻ tiền. Với ba miếng ván dài độ 0m90, rộng 0m15, người ta làm một cái thùng, ở mỗi đầu của thùng đặt một cái trực và buộc vào đó một sợi dây đồng, cột vào cái cần và đầu kia là một cái bầu, với một cây nhọn bằng tre, gảy rung dây.

Tư thế của nghệ-sĩ khác ngày trước và nay:

Ngày trước, khi mà nhạc cụ từ Bắc kỵ mới đưa vào, nghệ sĩ đặt nhạc cụ bên phải và ngồi nhẹ trên chiếc chiếu, chân trái đặt trên nhạc cụ để giữ, chân phải xếp lại như thế nào để cho đầu gối án vào ngực và bắt đầu gảy dây với đầu nhọn của miếng trúc từ trên xuống dưới.

Ngày nay, tư thế của nghệ-sĩ đều hơn. Nhạc cụ đặt trước người đàn ngồi, xếp bằng và chân phải đặt trên nhạc cụ để giữ, khi chơi lại đưa từ dưới lên trên dây.

Tóm lại: Tuỳ môi trường thích hợp, miễn nghệ-sĩ cảm thấy thoải mái để đưa khúc nhạc lòng hoà với tất cả mọi thứ nhạc cụ trong một dàn nhạc là thành công.

9- Đòn đáy: (Đòn Guitare Ta của các Nữ ca-sĩ Bắc-kỵ) Đòn Nhà trò.



“Đàn nhà 倭” thường gọi là “Đòn đáy”. Thùng vuông, cần dài 1m20, nó có 4 dây, mà người ta gảy bằng một mảnh tre. Hình dạng gần giống như “Cầm nạm”. Có

thể là một mẫu rút nhỏ của “Cầm nạm”.

Nhạc cụ này dành riêng để đệm hát cho nhà trò (Âdào miền Bắc).

Ngày nay, có nhiều nhà ở Nghệ-An và Hà-Tĩnh là tay xuất sắc về “Đòn đáy” vì các nhà trò đều gốc ở hai Tỉnh ấy.

Ở Hà-Tĩnh có vị cựu phẩm Đạm là người đứng đầu các đồng nghiệp vùng ấy. Trước ông có Cửu Xướng và Cửu Ninh đều là người giỏi “Đòn đáy”.

Truyền thuyết lịch sử về nhạc cụ này như sau:

“Đòn đáy” là do sáng chế của Lý-Thiết-Quá, một trong tám vị Bát tử cổ điên. Là một trong Bát Tiên, là ngươn linh của Đức Quyền Giáo-Tông Lê-văn-Trung)

Ngày xưa có hai vợ chồng, đạo đức tốt, nhưng nghèo nàn. Kế sinh nhai bằng nghề đốt than rùng. Một hôm, họ gặp một ông Lão, tặng cho một cây đàn dây và khuyên nên chơi đàn sẽ được sung-sướng. Lúc về, hai vợ chồng tập chơi đàn nhưng không được. Họ trở lại tìm ông Lão và ông này nói sẽ đến dạy cho họ hằng ngày. Khi họ đã chơi được đàn và hát giỏi thì Ông Lão biến mất.

Trong lúc đó lại là ngày sinh nhật của Vua Hán-Võ Đé. Hai vợ chồng đến để hát và chơi Nhạc. Đông-Phương Sóc lúc ấy có mặt tại đó. Ông để ý nghe và rất ngạc nhiên khi gặp các điệu nhạc quen thuộc. Khi hỏi vị Thầy nào dạy điệu nhạc ấy, hai vợ chồng miêu tả lại hình dáng ông Lão. Đông-Phương-Sóc thình lình nhớ lại đó là nhạc điệu của giới người Bát tử và do Lý-Thiết-Quá soạn. Vì vậy ở làng Cổ-Đạm (gốc của các nhà trò) huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà tĩnh. Khi các nhà trò cúng lễ, họ cầu nguyện linh hồn của vua Võ-Đé thời Hán của Đông-Phương-Sóc và của Lý Thiết-Quá.

Tục truyền Đông-Phương-Sóc là người Bất tử trong giới linh thiêng. Ông là Thượng-thư của Vua Hán-Võ-Đế
(Trích “Những người bạn Cố đô Hué - Tập IV/trang 102)



10-Đàn sến.



Đàn sến có hình dáng giống đàn kìm, giống y nhau làm bằng cây Ngô đồng. Nhưng mặt đàn không tòn như đàn kìm mà hình cánh hoa, có 6 cánh tất cả, với đường kính độ 28 phân. Đàn cũng có hai mặt

Bề dài của thùng đàn túc khoảng cách giữa hai mặt đàn ngắn hơn đàn Kìm. Thùng đàn làm bằng gỗ mít, nhưng cần bằng gỗ trắc, hình dáng không đều, trên nhỏ,

(độ 01 phân 5) dưới lớn (độ 3 phân) và dài khoảng 62 phân. Cần có một đầu gắn dính vào thùng đàn, đầu kia không có uốn cong ra sau nhưng có khắc hình **con doi xòe cánh**.

Đàn thường có ba trục (một bên hai trục, một bên một trục) nhưng có đàn lại chỉ có hai trục thôi (mỗi bên một trục). Mỗi trục dài 12 phân, đàn có tất cả 13 phím bằng tre (có loại 16 phím) nhưng chiều cao và chiều ngang của mỗi phím không đều nhau.

- Phím thứ nhất cao 01 phân 05 chiều cao 01 phân 8
- Phím thứ mười ba cao 01 phân 8 và chiều cao 03 phân, khoảng cách giữa các phím tăng không đều nhau như

- . Phím thứ hai cách phím thứ nhất 05 phân
- . Phím thứ ba cách phím thứ hai 05 phân
- . Phím thứ tư cách phím thứ ba 4 phân 5
- . Phím thứ năm cách phím thứ tư 04 phân
- . Phím thứ sáu cách phím thứ năm 03 phân 50
- . Phím thứ bảy cách phím thứ sáu 03 phân
- . Phím thứ tám cách phím thứ bảy 03 phân
- . Phím thứ chín cách phím thứ tám 02 phân 50
- . Phím thứ mười cách phím thứ chín 02 phân 30
- . Phím thứ mười một cách phím thứ mười 02 phân
- . Phím thứ mười hai cách phím thứ mười một 02 phân
- . Phím thứ mười ba cách phím thứ mười hai 02 phân
- . Phím thứ mười bốn cách phím thứ mười ba 02 phân

Trong mười ba phím trên thì ~~un~~ ời hai phím nằm trên cần đàn còn phím cuối nằm trên mặt đàn: Ngoài phím thứ mười ba ra, trên mặt đàn còn có một con ngựa cao 01 phân và bè ngang 07 phân 5, đàn thường có hai dây (có loại có 03 dây) cách khoảng nhau độ 01 phân 50. Dù cho đàn có 03 dây chăng nữa nhưng khi sử dụng chỉ dùng hai dây thôi. Giống như đàn kìm.

Đàn sến khi tấu lên nghe giống tiếng Banjo.

11- Đàn Tam:



Đàn Tam gồm có một cần đàn và thùng đàn. Cần đàn không có chiều dài nhất định, có loại dài 75 phân, có loại dài đến một thước hay một thước rưỡi. Đàn có hai mặt như nhau không vuông không tòn, đục ọc bịt da trăn hay da rắn. Khoảng cách giữa hai mặt này tức là bề dày thùng đàn độ 05 phân. Mặt đàn cũng có một con ngựa để căng dây và trên cần cũng có chi ếc khuyết (hay suốt) bằng ngà (hoặc bằng xương). Đàn có ba dây nên gọi là Đàn Tam nhưng đặc biệt là không có phím. Ba dây này được cột từ các trực xuyên qua ba lỗ trên suốt rồi thả dài xuống mặt đàn để mang trên con ngựa. Khi sử dụng, người ta dùng một miếng que bằng sừng đồi-mồi hay bằng ngà dài khoảng 20 phân và rộng 08 phân để khảy.

12-Đàn Guitare hay Lục huyền cầm

Lục-Huyền-Cầm tức cây đàn Guitare (Tây-Ban Cầm) là một loại đàn do người Tây-Ban-Nha chế ra, giữa thắt lại. Phần hẹp bề ngang 28 phân, phần rộng bề ngang 38 phân và phần thắt lại bề ngang độ 25 phân. Chiều dài của thùng đàn khoảng 45 phân.

Cần đàn dài 49 phân nhưng bề ngang không đều, phần hẹp nhất đo được 04 phân và phần rộng nhất đo được 06 phân. Đàn có tất cả 17 phím hoặc 18 phím. Ngay chỗ thắt lại của thùng đàn có khoét cái lỗ hình tròn hoặc bán nguyệt để âm thanh thoát ra. Trên phần rộng của thùng đàn có một con ngựa để sợi dây đàn vắt ngang qua (con ngựa cao 01 phân 50) và gắn dính vào miếng thiếc ở cuối thùng đàn. Đàn có 6 trực để lên dây. Đàn Guitare có tiếng thanh như đàn tranh khi đàn ở bức cao.



B- NHÓM VÕ BAN

Nhóm võ ban gồm các loại trống (trống nhạc: văn võ, trống cái, trống con, trống chiến) các loại kèn (kèn mộc, kèn chàng, kèn thau) các loại bạc (bạc xà, bạc nhỏ), mõ (mõ gỗ, mõ sừng trâu) đầu đường và bồng.

Nhóm võ ban hay vẫn ợc còn gọi là đồ ngang vì những Nhạc-khí của nhóm này hoàn-toàn khác biệt nhau, mỗi thứ có một phận sự riêng biệt mà âm-thanh phát ra lại đối nhau nữa. Người sử dụng những thứ này phải tùy cơ ứng biến thì mới đúng phép, mới ăn rập nhau được.

1-Trống cõm:

Trống cõm là loại trống hình thon, dài và có hai mặt trống đều nhau, đường kính từ 15 đến 16 phân, được bít bằng da trâu hoặc da bò. Người ta dùng hai sợi dây bò cột chung quanh hai mặt trống để niền chắc lớp da bít trống lại rồi dùng thêm những sợi dây bò để siết chặt hai sợi dây trên lại với nhau. Thân trống bằng gỗ mít, dài độ 45 phân (có trống dài đến 60 phân), trống có cái quay để deo vào cổ. Khi sử dụng, trống được để nằm ngang trước bụng và Nhạc-công dùng hai bàn tay để vỗ vào mặt trống. Điểm đặc biệt là trước khi sử dụng, hai mặt trống được người ta phết bánh sůa, bánh in, cơm nếp, cơm nguội hay ruột bánh bao để âm-thanh phát ra được ấm, nghe tiếng “võn” tiếng “tèn”. Nếu không có những loại trên, người ta có thể phết bất cứ loại bột nào miễn là dẽo và dính lại được vào mặt trống.

2-Trống cái (H.9)

Trống cái chỉ có một mặt, đường kính từ 12 phân đến 22 phân và cũng bít bằng da trâu. Thân trống bằng gỗ mít, ruột rỗng, không có đáy, bè dài từ 05 phân đến 07 phân và có ba chân, mỗi chân cao ba phân.

3-Trống nhạc (H.10)

Trống nhạc gồm hai cái bằng nhau: một cái Văn và một cái Võ. Mặt trống đường kính vào khoảng 42 phân, bịt bằng da trâu và có hai mặt giống nhau. Trên mặt trống có vẽ vòng tròn nửa đen nửa trắng (Âm Dương). Thân trống bằng gỗ mít, cao 20 phân, cả hai trống đều được đẽ trên cái giá có ba chân. Muốn sử dụng trống phải có hai cây roi trống: một cây Văn và một cây Võ. Cây roi trống Văn ở bên tả và cây roi trống Võ ở bên hữu. Trong hai cái trống Nhạc thì cái trống phát ra tiếng “tán” là Võ và cái trống phát ra tiếng “Tòn” là Văn.

TÁN có nghĩa là gi ải tán sự bạo tàn, loạn lạc nên trống này được gọi là trống Võ.

TÒN có nghĩa là gìn giữ, bảo tồn vẻ đẹp hay sự điều hòa nên trống ấy được gọi là trống Văn.

Khi dùng hai roi đỗ xuồng cái trống Võ được gọi là Chiêu Võ (trong Đạo Cao-Đài gọi là đỗ giót)

Khi dùng hai roi đỗ xuồng trống Văn gọi là Khiêu Văn (trong Đạo Cao-Đài gọi là đỗ giót) .

Khi dùng hai roi đẽ cạnh cái trống Võ gọi là thuyết Võ (trong Đạo Cao Đài gọi là ran tang)

Khi dùng hai roi đẽ cạnh cái trống Văn được gọi là Hành Văn (Trong Đạo Cao Đài gọi là ran tang).

Khi dùng hai roi nhịp ngoài vành trống Võ đư ợc gọi là Thủ Võ (trong Đạo Cao Đài gọi là rắc cắc)

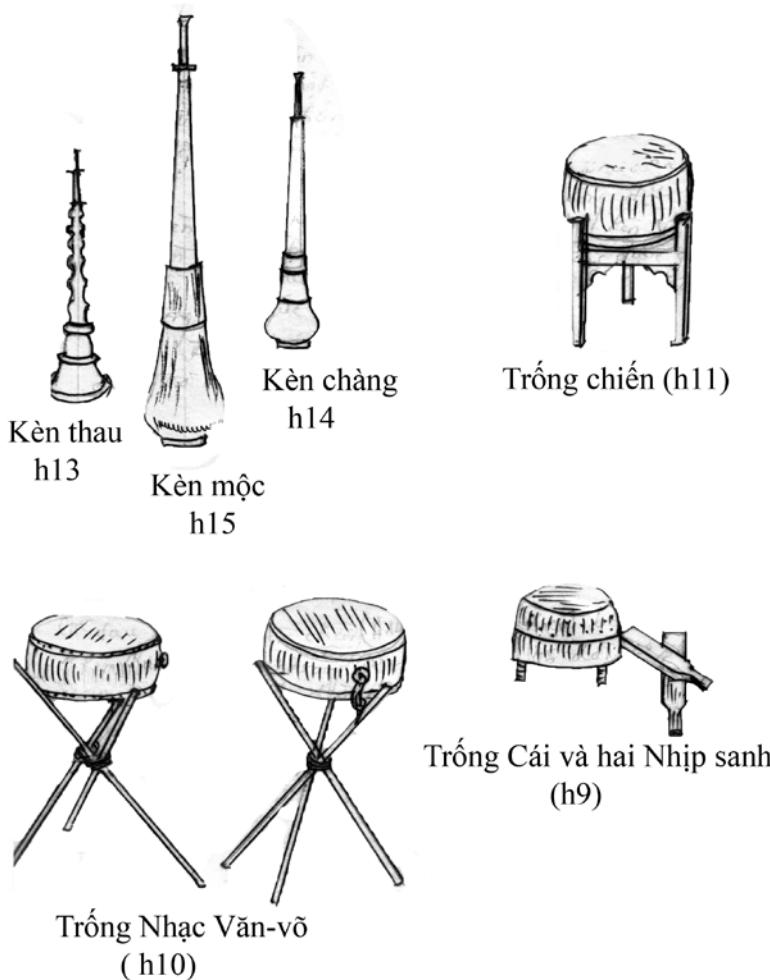
Khi dùng hai roi nhịp ngoài vành trống Văn được gọi là Nạp Văn (trong Đạo Cao Đài gọi là rắc cắc)

Khi dùng một roi dǎn mặt trống, một roi nhịp trống Võ đư ợc gọi là Phé Võ (trong Đạo Cao Đài gọi là tịch tịch).

Khi dùng một roi dǎn mặt trống, một roi nhịp trống văn đư ợc gọi là Yếm Văn (Đạo Cao Đài gọi là tịch tịch)

4-Trống chiến (H.11)

Trống chiến tương tự như trống Nhạc nhưng hơi lớn hơn, có đường kính 45 phân và cao khoảng 35 phân. Thân trống cũng bằng gỗ mít. Trống được đặt trên một cái giá ba chân bằng gỗ.



5-Bồng (H.12)

Bồng chỉ có một mặt. Mặt bồng hình tròn, đường kính khoảng 12 phân, được bít bằng da trâu hoặc da rắn. Thân bồng bằng gỗ mít, dài độ 35 phân và phía giữa thắt lại và phần đáy nở rộng ra. Chung quanh mặt bồng được niêm chắc bởi sợi dây mây hoặc dây bò. Dọc theo thân bồng cũng có những sợi dây mây hoặc dây bò đẽ nối liền sợi dây cột quanh mặt bồng hoặc đáy bồng.

6-Kèn:

Kèn là một Nhạc khí mà âm thanh phát ra do hơi thổi vào. Kèn gồm có ba phần: Phần loa thường được gọi là bát kèn, phần thân thường được gọi là suốt kèn và phần trên cũng là miệng kèn (tức là nơi để thổi) thường được gọi là “giọng”. Trong Đại-Lễ có ba loại kèn được dùng đó là kèn thau, kèn chàng, kèn mộc.

Kèn thau (H.13) còn gọi là kèn tiêu. Kèn thau có cái bát làm bằng đồng dài 07 phân và có đường kính 10 phân. Suốt kèn bằng gỗ trắc dài 19 và có 08 lỗ (một lỗ sau với 7 lỗ trước) như “kèn chàng”, “giọng”. Kèn thau làm bằng thau chứ không phải bằng đồng như “giọng” kèn chàng có chiều dài 07 phân. Cách thổi cũng giống như kèn trên.

Kèn chàng (H.14) có cái bát kèn bằng gỗ mít, đường kính khoảng 5 đến 6 phân và dài 12 phân. Suốt kèn bằng gỗ trắc, dài độ 21 phân và có tám lỗ, phía trước bảy lỗ phía sau một lỗ “Giọng” làm bằng đồng dài độ 05 phân. Khi thổi phải gắn miếng dăm (chèn gai là cái lưỡi gà làm bằng sậy) vào giọng kèn mới thổi được.

Kèn mộc (H.15) còn gọi là kèn trung, có bát dài 24 phân, đường kính 11 phân và bằng gỗ mít. Suốt kèn cũng bằng gỗ trắc và có tám lỗ (bảy lỗ trước một lỗ sau) như hai loại kèn trên nhưng dài 30 phân “Giọng” kèn ống

bằng thau hoặc đồng như hai loại trên nhưng có chiều dài 08 phân. Muốn thổi phải lắp lưỡi gà vào như hai kèn trên.

7-Ống tiêu:

Ống tiêu bằng đồng thổi dọc dài 63 phân và có 6 lỗ thổi (trước 5 lỗ sau một lỗ) cùng hai lỗ thông hơi. Đường kính của ống tiêu vào khoảng 2,5 phân.

8-Ống sáo:

Ống sáo bằng trúc dài 60 phân và được thổi ngang. Ống sáo có 7 lỗ phuộc trước (6 lỗ để bấm ngón, 1 lỗ thổi) và có thêm hai lỗ phía sau để thông hơi. Đường kính của ống sáo nhỏ hơn ống tiêu chỉ độ 1,5 phân đến 2 phân.

9-Bạc (H.16)

Bạc có hai loại :

Bạc xoà (chập chõa) và bạc nhỏ

Bạc xà: là hai miếng thau hay đồng bằng nhau có đường kính 34 phân (có loại 40 phân). Hai miếng thau này gồm ba phần.

Một cái vành ngoài cùng rộng 5 phân

Vành kế hơi cao hơn rộng 09 phân

Cuối cùng ở giữa có một cái nút tròn cao 02 phân và đường kính 06 phân

Bạc nhỏ: giống y bạc xà nhưng nhỏ hơn, đường kính chỉ đo được 11 phân.

10-Tum: Tum có 2 loại (H.17, 18)

Tum lớn: Tum là một miếng thau hoặc miếng đồng, đường kính 20 phân và có một cái vành bè cao 03 phân

Tum nhỏ (còn gọi là cái đầu) tum nhỏ cũng giống như tum lớn là một miếng thau (hoặc đồng hay đồng pha gang) có đường kính 09 phân và cái vành cao 1,3 phân.

Mõ: cũng có 2 loại:

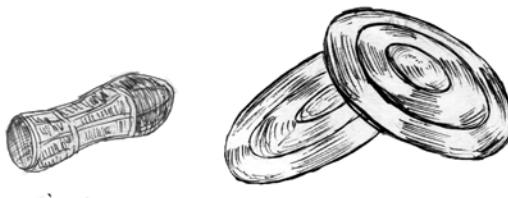
Mõ sừng trâu : mõ là một sừng trâu được cưa ra

Âm-nhạc Đại-Đạo

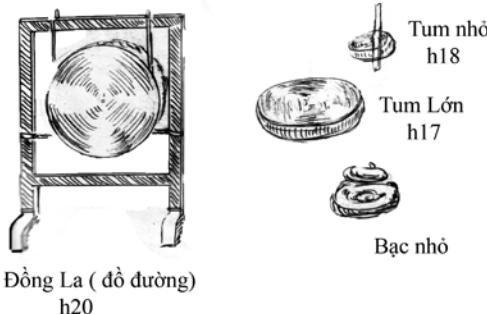
Mõ gỗ dài 20 phân, bề ngang 6,5 phân và cao 3 phân, mõ có một cái khe dài 15 phân và bề ngang 9 ly.

11-Đầu đường (trong Đạo gọi là đồ đường) còn gọi là đồng la (H.20)

Đầu đường là một miếng thau hoặc đồng tròn có đường kính 35 phân, chung quanh có một cái vành cao 5 phân. Đầu đường được treo trên một cái giá bằng gỗ.



Bồng h12
chập choã (bạc xà)
h16



12-Nhip sanh còn gọi là phách (H.9)

Là hai miếng gỗ trắc dài 16 phân ngang 3 phân và cao khoảng 1 phân. Nhịp sanh dùng để đánh vào đầu đường hoặc để nhịp khi đàn hát.(Trích Lễ Nhạc- lỄ VÍA ĐỨC CHÍ-TÔN)

KẾT LUẬN

Cuộc đời của ông Bảo-văn pháp Quân

Vài nét về cuộc đời của Bảo Văn pháp Quân với nghệ-thuật ÂM-NHẠC ĐẠI-ĐẠO.

Bảo Văn Pháp Quân có nhiệm vụ gìn giữ, sắp đặt, phát huy nghệ thuật, văn chương và Lễ Nhạc. Đó là vị Tướng Lễ mà nhiệm vụ đặc biệt được Đức Chí Tôn giao phó là sắp đặt việc Lễ và Nhạc trong Đạo Cao Đài.

Năm 1927, Ngài Cao Quỳnh Diêu được Đức Chí Tôn phong làm Tếp Lễ Nhạc Quân và đến năm 1930 thì thăng lên làm Bảo Văn Pháp Quân.

Khoảng tháng 5 năm 1926 (Bính-Dần) Đức Chí Tôn dạy thành lập 6 Đàn cơ Phổ-độ, trong đó có một Đàn ở Chợ Lớn, tại nhà Ông Cựu Thượng Nghị Viên Lê Văn Trung, Ngài Trung và Ngài ô Đ Phủ Lê Bá Trang thay phiên nhau chứng đàn. Phò loan là hai Ông Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

Ngày mùng 6-8 Bính-Dần (dl 12-9-1926) Đức Chí Tôn giáng ấy riêng Ngài Cao Quỳnh Diêu (hiệu Mỹ Ngọc) sau đó cho Xát Bộ Tinh Quân Cao Quỳnh Tuân, thân phụ của Ông Diêu và ông Cư giáng cơ dạy tiếp.

Phò loan: Sang - Diêu.

THẦY

Mừng mây con! Mỹ Ngọc! Từ đây việc nhà con an ổn, đâu điều chi nhớ để ý rằng có Thầy bên con.

Đặng một việc chi chó vội mừng, thắt một việc chi chó vội buồn, vì sự buồn vui và sự buồn tủi thường pha lẩn kẽ cận nhau, còn sự gì phải đến cho con, ấy là tại nó phải vậy, chó cương cầu mà nghịch Thánh ý Thầy.

Hãy xem dò theo đây mà dạy trở trong bước đườn g Đạo:

THI

*Mỗi Đạo từ đây ráng vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đinh ninh.
Lòng thành một tâm Trời soi xét,
Giọng rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai góc làn đường công trước gắng,
Thánh thời có lúc buổi sau dành.
Vòng tròn chìm nổi từ đây dứt,
Công quả tua bèn độ chúng sinh.*

Thầy sẽ cho Xuất Bộ Tinh Quân đến nhập cơ.

THẮNG.

Tái cầu:

CAO QUỲNH TUÂN

Mừng mấy con và mấy cháu,

Diêu! Từ đây Tày (1) lấy làm vui mà thấy con
đặng để bước vào đường Thánh Đạo. Vậy hãy ráng tu
hạnh hầu phục hồi cựu vị.

Thầy rất vui mà thấy Cư và con đã đem tấm nhiệt
thành cựu độ nhơn sanh khỏi dòng khổ hải. Áy cũng số
phận rất may mắn của lệnh Ngọc-Hoàng đã định cho con
và Cư, Tắc, Sang.

Vậy thầy có mấy lời thiết yếu cùng con sau đây:

THI

*Cựu vị ngày xưa đã có rồi,
Đường về chớ bỏ há con ôi!
Công trình chớ nệ xây nền Đạo,
Phước mỏng đâu hay bởi tú Trời.
Đức trước hưởng rồi tua trả đúc,
Ngôi sau gìn ắt đặng an ngôi.
Từ đây son sắt vì sanh chúng,
Cánh tịnh mai sau cũng đặng ngồi.*

Thầy đã an lòng cho con và Cư, còn ĐỨC, AN, THÂN, thì có iịnh Thượng Đế định phần cho chúng nó. LUÔNG từ đây phải ở nơi Lôi Âm Tự mà chầu Phật Như Lai và nghe iịnh, chừng có lệnh Thượng Đế đòi sai trán thì nó sẽ về cùng con đặng. Thầy kiêu mây con. THĂNG.

GHI CHÚ:

Chữ Thầy trước là Đức Chí-Tôn

(1) *Chữ Thầy sau này là Cha* (Vì các Ngài gọi Cha là Thầy)

Diêu: Cao Quỳnh Diêu, tức Mỹ Ngọc.

Cư: Cao Quỳnh Cư (Ông Cao Quỳnh-Diêu là Anh thứ ba, là anh ruột của ông Cao-Quỳnh Cư)

Tắc: Phạm Công Tắc. Sang: Cao Hoài Sang.

Đức: Cao Quỳnh Đức, con thứ hai của Ngài Cao Quỳnh Diêu.

An: Cao Quỳnh An, con của Ngài Cao Quỳnh Cư, mất bên Pháp.

Thân: là Huệ Chuong, con của Ngài Cao Quỳnh Diêu.

Lượng: Cao Quỳnh Lượng, con của Ngài Cao Quỳnh Diêu, đã chết.

Năm Đinh h Mão (1927) Ngài Cao ~~y~~ ^ý Quyết Diêu thọ phong Tiếp Lễ Nhạc Quân, có phận sự sắp đặt Lễ nghi và âm nhạc trong việc cúng tế trong Đạo.



MỤC LỤC : ÂM NHẠC ĐẠI-ĐẠO

Thay lời tựa	Trang 3
CHƯƠNG I: TINH THẦN NHẠC ĐẠI-ĐẠO	
1-Thánh linh cho Chức sắc Bộ Nhạc (Đức Hộ-pháp)	5
2-Bài Huân dụ của Đức Thượng-Sanh về Nhạc	7
3-Lời điêu tràn	11
a/-Về Nhạc Pháp	14
b/-Về Lễ pháp	15
c/-Kết luận.....	17
4-Lễ Nhạc là hai điêu trọng hệ của Đức Chí-Tôn.....	18
5-Hôm nay Bần Đạo giảng về ý-nghĩa Lễ Nhạc.....	20
6-Nhạc tấu Quân Thiên	22
7-Quyền hành Tiếp Lễ Nhạc Quân	23
CHƯƠNG II: NGHI THÚC NHẠC LỄ TRONG ĐẠI-ĐẠO	
I-Thánh giáo Thầy dạy về Lễ Nhạc	27
II-Lễ Nhạc Đại-Đạo	30
A-Nhạc hành Lễ	30
B-Nhạc Đại đàn và Tiểu đàn tại Đền Thánh	31
C-Nhạc cúng Tú thời tại Đền Thánh	32
D-Nhạc Cúng Đại Đàn tại Báo-Ân Từ	34
E-Nhạc Cúng Tú thời tại Báo-Ân Từ	36
III- Những phẩm tước về Nhạc tại Tòa-Thánh	37
A-Bộ Nhạc.....	37
B- Nguyên văn Thánh Linh	38
C-Đạo phục của các Chức sắc Bộ Nhạc	40
Thánh linh định khoa mục Nhạc sĩ	42
D-Cảm tưởng Chánh-Phối sự ngày Khánh thành Bộ Nhạc .	45
E-Đức Thượng-Sanh ban Huân từ ngày Khánh Thành	46
F-Bá Nha - Tử Kỷ	50
G-Đức Hộ-Pháp giải về: Nhạc là Hòa	52
IV- Những điêu trọng yếu:	
A-Lễ Nhạc là gì?	55
B-Thanh âm và tiết điệu của Nhạc	61
1 - Nhạc	61

2- Nhạc là Hòa	63
3- Lễ Nhạc là phần trọng yếu của Khổng-giáo	65
4-Lời thỉnh giáo	66
C-Chính đốn các thức lê Cúng kiến.....	67
D-Vì sao Đạo Cao -Đài dùng cả Chuông trống?	71
1-Cúng Đàn Đức Chí-Tôn đòn 7 Bài	73
2-Cúng phải nghiêm trang	75
E-Nguồn gốc đạo học của Lễ Nhạc	75
CHƯƠNG III	
A- Vũ trụ và Âm nhạc	81
1-Vũ-trụ quan về Âm Nhạc	81
2-Tinh thần Lễ Nhạc	83
3-Nguồn gốc và sự vi diệu của Nhạc	86
4-Lễ Nhạc luận.....	88
5-Thiệu học Lý tích cơ Nhạc	91
6-Bảy bài đòn “Nhạc Tấu Quân Thiên”	95
7-Nhạc tấu Quân Thiên sánh với bài “Bát Man Tấn cống”	97
8-Nguồn gốc thần bí của Nhạc	98
9- Sự quan trọng của Nhạc	99
10- Tương quan giữa Lễ và Nhạc	100
11-Phật Shiva Thôi tiêu để thức tinh thần linh	104
12-Giá trị Âm nhạc cổ truyền Việt-Nam.....	105
B-Đạo Dịch trong nghi Thức Cao -Đài	
I-Luận Đạo	112
II-Nghi thức chính đốn lòng người trước đã	114
C-Tam ngôi: Phật Pháp tăng	129
D- Lạy khi dâng Tam Bửu.....	131
CHƯƠNG IV: NHẠC CỤ DÂN TỘC	
I- Ban Nhạc (Nơi đền Thánh)	136
A-Nhóm Văn ban	
1-Huyền sử Cây Diêu Cầm	137
2-Đàn Sắc	140
3-Đàn Tranh (Thập Lục huyền cầm)	141

Độc tấu Đàn Tranh (Bát Nương – Thơ Họa)	144
4- Đàn Tỳ-Bà	145
5-Đàn Nhị hay Đàn Cò	149
6-Đàn Gáo	153
7-Đàn Kim (Nguyệt cầm)	154
8-Đàn Bầu (Độ Huyền Cầm)	157
9-Đờn Đáy (Đờn Nhà trò)	161
10-Đờn sén	163
11-Đờn Tam	164
12-Đàn Guitare (Lục Huyền Cầm)	165
B-Nhóm Võ ban	166
Trống Cơm . Trống cái,Trống nhạc. TRống Chiêng. Bồng. Kèn. Tiêu. Sáo. Bạc. Tum. Đầu đường. Nhịp sanh	167-172
KẾT LUẬN	
Cuộc đời của Ông Bảo-Văn Pháp-quân với Nghệ thuật Âm Nhạc Đại-Đạo	173



**Hết Quyển I
SÁCH BIẾU KHÔNG
Riêng làm phần thưởng cho các con cháu
đang hành-sự ở Ban Nhạc Trung-ương:**

Bích-Phượng, Thanh Phong, Giang Thu, Duy Khuong

